

ĐƠN TÂM

nói chuyện CAO ĐÀI

ĐƠN TÂM

NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI

NXB TÔN GIÁO



nói chuyện CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài do chính Đức Thượng Đế giáng điển khai mở tại Việt Nam. Ngoài mục đích độ rỗi nhân sinh quày đầu hướng thiện, lo tu hành để giải thoát linh hồn, đạo Cao Đài còn có sứ mạng mở ra kỷ nguyên hòa hiệp nhân loại theo luật tuần hoàn tiến hóa, vạn thù quy nhứt bốn; giác ngộ con người xóa bỏ mọi ranh giới phân chia, tranh chấp, để xây dựng cho con người tại trần gian một thế giới đại đồng, hòa bình, an lạc.



TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

NÓI CHUYỆN
CAO ĐÀI



Quý môn sanh Chiêu Minh **LONG VÂN ĐÀN** (Mỹ Tho)
chung tay ấn tống bản in lần thứ hai, năm ngàn quyển:

Hiền tỷ **BẠCH YẾN HƯƠNG** (10 triệu, in 1.250 quyển)

Hiền huynh **LÊ QUỐC HƯNG** (10 triệu, in 1.250 quyển)

Hiền huynh **THANH ĐĂNG** **Trần Thế Huy** (20 triệu, in 2.500 quyển)

Đồng kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bi nguyện.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc **các điểm phát hành** của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

ĐƠN TÂM

NÓI CHUYỆN
CAO ĐÀI

IN LẦN THỨ HAI

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2012

Mục Lục

<i>Lời Nói Đầu</i>	5
1. Toát Yếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ	7
2. Khái Lược Đạo Cao Đài	17
3. Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể	34
4. Các Nấc Thang Tiên Hóa	45
5. Đạo Và Đức	54
6. Thắp Sáng Ngọn Đuốc Lương Tâm	63
7. Lòng Thánh Nhân Là Lòng Thiên Hạ	72
8. Nói Chuyện Tu Tiên	81
9. Học Giả Và Hành Giả	92
10. Nho Giáo Và Khổng Giáo	102
11. Nho Tông Chuyển Thế	117
12. Đạo Cao Đài Ở Sài Gòn	125

Bìa 1: Nóc Nghinh Phong Đài của Đền Thánh (Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh). Ảnh: Lê Anh Huy.

Tác giả giữ bản quyền
All Rights Reserved © Vietnam 2012

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Cao Đài đang có nhu cầu được tìm hiểu ngày một nhiều hơn. Mỗi quan tâm này chẳng những của chính những người Cao Đài mà còn từ các nhà nghiên cứu, học giới bên ngoài cộng đồng Cao Đài, ở cả trong nước lẫn từ ngoài nước.

Đạo Cao Đài được nghiên cứu theo nhiều góc độ khác nhau, do nhiều mục đích khác nhau, và một trong những khía cạnh được đặc biệt chú ý là nội dung giáo lý Cao Đài. Ai cũng thấy rằng từ khi mở Đạo (1926) tới nay, sách vở khảo cứu về Cao Đài hãy còn quá ít ỏi, thiếu thốn! Đó là một trở ngại lớn cho học giới khi muốn tham khảo sâu rộng về nền đạo bản địa Việt Nam. Muốn khắc phục nhược điểm này, dĩ nhiên đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và tâm huyết của rất nhiều nhà nghiên cứu.

Trong những năm qua, chúng tôi có dịp nói chuyện về đạo Cao Đài nhân các ngày sóc vọng hay là lễ lớn của cộng đồng Cao Đài, hoặc tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, hoặc tại một thánh thất hay thánh tịnh theo lời mời của nơi ấy. Xem lại các bài nói chuyện, chúng tôi lựa lấy mười hai đề tài, in chung thành một tập với nhan đề *Nói Chuyện Cao Đài*.

Do tính chất đây không phải là một chuyên luận (*monographie*) về đạo Cao Đài, mà chỉ là một hiệp tuyển (*anthologie*) gồm các bài nói chuyện rải rác, tại nhiều nơi và trong nhiều dịp khác nhau, nên khi kết tập lại như vậy, chắc chắn không sao tránh khỏi có một vài ý, hay ít nhiều chi tiết của bài này được lặp lại trong bài khác. Sự trùng lặp đó, cũng

như nếu có đôi điều sơ sót ngoài ý muốn của người viết, chúng tôi chân thành ước mong sẽ nhận được lòng hoan hỷ cảm thông của quý đạo tâm bạn đọc gần xa.

*

Bản in đầu *Nói Chuyện Cao Đài* (Huế: Nxb Thuận Hóa, 1997, 192 trang) đã hết từ lâu. Nay, thể theo đề nghị của **Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài**, chúng tôi hoan hỷ trao lại hiệp tuyển này để thánh thất Bàu Sen ấn tống, ngõ hầu phổ biến trong cộng đồng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Xin cầu nguyện Đức Chí Tôn ban hồng ân đến tất cả quý đạo tâm độc giả trên đường tu học và hành đạo để chúng ta cùng góp phần xiển dương chơn lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tháng 01-1997

Tháng 02-2011

ĐƠN TÂM

TOÁT YẾU ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đạo Cao Đài ra đời, đánh dấu kỷ nguyên cứu độ kỳ thứ ba của Đức Thượng Đế (tức là kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ). Chính Đức Thượng Đế giáng điển khai mở đạo Cao Đài tại Việt Nam từ những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ 20.

Ngoài mục đích độ rỗi nhân sanh quày đầu hướng thiện, lo tu hành để giải thoát linh hồn mình, đạo Cao Đài còn có sứ mạng mở ra kỷ nguyên hòa hiệp nhân loại theo luật tuần hoàn tiến hóa vạn thù quy nhất bản; giác ngộ con người xóa bỏ mọi ranh giới phân chia, tranh chấp, để xây dựng cho con người tại thế gian một thế giới đại đồng, hòa bình, an lạc.

I. CỨU CÁNH CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. Về mặt Thế Đạo (nhập thế)

Đưa nhân loại đến thế giới đại đồng, không kỳ thị phân chia, phù hợp với xu hướng văn minh tiến bộ, tạo cảnh giới an lạc, hòa bình, hạnh phúc trần gian (thiên đàng tại thế).

2. Về mặt Thiên Đạo (xuất thế)

Đưa con người tiến hóa lên nấc thang đạo đức chân, thiện, mỹ; nhờ đó con người tự phục hồi được ở chính mình tất cả những giá trị cao quý của một chủ thể tự do: lúc còn ở thế thì thoát khỏi sự chi phối của dục vọng, lúc lìa đời thì thoát kiếp luân hồi sinh tử, trở về hiệp một cùng Thượng Đế (*Thiên nhân hiệp nhất*).

Hai mặt Thế Đạo và Thiên Đạo song hành, nhất quán, tác động qua lại, bổ sung ảnh hưởng cho nhau, giúp hành giả sớm hoàn thành sứ mạng vi nhân và hoàn tất chu trình tiến hóa.

II. HIỆN TÌNH NHÂN LOẠI

Sau thời thượng nguơn thánh đức, loài người ngày càng hướng ngoại tìm cầu để thỏa mãn cái ăn cái mặc và những nhu cầu khác về tiện nghi vật chất ngày càng nhiều và đa dạng hơn; con người đã tranh đua nhau để tiến bộ và đấu tranh xâu xé lẫn nhau để giành giật quyền lợi riêng tư. Kinh sách gọi nguơn thứ hai này là *nguơn tranh đấu*.

Vì hướng ngoại tìm cầu, con người ngày càng cách xa dần Thượng Đế, xoay lưng lại Ngài. Ánh sáng chân lý (Thượng Đế) rọi tới từ phía sau lưng khiến con người chỉ thấy trước mặt mình ngã dài cái bóng của chính mình. Đó là cái *phàm ngã*; con người chỉ thấy cái *ta* và chạy theo phục vụ cái *ta* của mình.

Từ thực trạng đó mà nảy sinh mâu thuẫn: loài người ngày càng văn minh tiến bộ, càng có trong tay những tiện nghi vật chất mỗi lúc một tinh vi, tân kỳ hơn, thì trái lại đạo đức, tâm linh con người ngày càng một suy thoái, tệ hại hơn.

Như vậy, giữa một bên trí năng phát minh khoa học và một bên đạo đức lương tri đã có sự chênh lệch ngày càng một cách xa, tạo nên tai họa khủng hoảng mịt mờ không lối thoát. Chính sự trì trệ về phương diện đạo đức tâm linh từ bao thế kỷ qua là mầm mống tiềm tàng của nguy cơ tận diệt.

Thượng Đế đã chọn mảnh đất Việt Nam, như một xuất phát điểm (vì dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống văn hóa đạo đức, đã có sẵn ảnh hưởng sâu đậm của Tam Giáo Đạo) để khai mở con đường cứu độ rộng lớn cho toàn nhân loại. Con

đường đó chính là *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*. Con đường đó nhằm đưa loài người quay trở về nguồn cội (*quy nguyên phản bản*).

Trên con đường trở về này, con người ngược mắt nhìn Đạo, nhìn Trời ở trước mặt. Khi đó con người bỏ lại sau lưng cái bóng của chính mình, tức là bỏ lại cái phàm ngã, cái ta ích kỷ, rồi quen dần với cuộc sống vong ngã, phá chấp, tiến hóa dần về mặt đạo đức tâm linh, quân bình tâm và vật. Loài người sẽ có đủ đầy cả về trí năng phát minh khoa học lẫn đạo đức lương tri; do đó, con người đạt tới trình độ trên thì thông thiên, dưới thì đạt địa, nghĩa là đạt tới đỉnh cao của giá trị con người.⁽¹⁾

III. GIẢI PHÁP CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Muốn có thể giới đại đồng, phải khơi dậy trong nhân loại tinh thần hòa ái, tạo thể nhân hòa, trước nhất là thể nhân hòa trong các tôn giáo và giữa các tôn giáo với nhau.

1. Đối với các tôn giáo

Giáo lý Cao Đài kêu tỏ, soi sáng lý đồng nguyên và quy nguyên (*từ nguồn gốc Đại Đạo phát sinh Tam Giáo Đạo, từ Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo*), khai phóng tâm linh, đưa con người tôn giáo vươn lên tầm vóc Đại Đạo, để con người biết “*ngược mắt nhìn lên bầu trời to rộng,*”⁽²⁾ biết “*vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng*

⁽¹⁾ Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974): “*Con người sẽ tiến bộ, quốc gia sẽ văn minh. Khoa học sẽ giúp người đạt địa, đạo lý sẽ giúp người thông thiên. Thế gian không còn là biển khổ sông mê.*”

⁽²⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.”⁽³⁾

Đưa con người tôn giáo vươn lên tầm vóc Đại Đạo, đây chính là thể hiện trình độ phá chấp, không chấp hình tướng tôn giáo, chính yếu là hòa hiệp nhau ở lý Đạo. Tinh thần phá chấp, hòa ái chung lo sứ mạng độ đời của các tôn giáo sẽ đẩy lùi về quá khứ mọi câu nệ, mâu thuẫn, tranh chấp thấp cao.

- Mặc dù hình thức các tôn giáo khác nhau, kinh kệ nghi lễ khác nhau, các tôn giáo sẽ cùng nhau hết sức phát huy những mặt khả cứu độ nhân loại của Đấng Tối Cao, để mở rộng và thể hiện một cách thực tế lòng bác ái vị tha đối với toàn thể nhân loại.

- Các tôn giáo chung hướng về khổ nạn của nhân sanh, về sự suy đồi đạo đức xã hội, cùng tự nhận lấy trách nhiệm và sứ mạng tiên phong trong việc đem đạo lý cảnh tỉnh thế giới nhân loại.

- Các tôn giáo cùng hiệp nhất tình thương, thống nhất hành động, lấy nhân hòa làm cứu cánh.

Nói đến tôn giáo là nói đến *tình thương* – dù muốn gọi đó là tình thương của Đức Thượng Đế hay của Đức Phật, Đức Chúa – tình thương không phân biệt màu da sắc tóc, không biên cương hạn giới.⁽⁴⁾ Đức Cao Đài kêu gọi và mong đợi một

⁽³⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

⁽⁴⁾ Đức Chí Tôn, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, đàn ngày 01-10 Đinh Mão (1927): “*Thầy mong ước các con biết thương yêu nhau trong thánh đức của Thầy. Thương yêu là chìa khóa mở tam thập lục thiên, cực lạc thế giới, và Bạch Ngọc Kinh.*”

Đức Chí Tôn, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, đàn ngày 11-01-1930: “*Các con là cơ thể của sự thương yêu...*”

sự hiệp nhất tinh thần và hành động hài hòa nhất quán của các tôn giáo, hiệp thành một thực thể đạo cứu thế Kỳ Ba.

Đức Chí Tôn hằng dạy rằng Ngài là cha của sự thương yêu – Ngài là tình thương và sự sống. Vậy, tôn giáo mà thiếu tình thương, chính bởi vì còn thiếu vắng Thượng Đế, như quả trứng gà không có ngòai gà.

2. Đối với nhân loại

Giáo lý Cao Đài xây dựng lại ý thức con người, kêu gọi phục hồi *nhân bản* để đạt giá trị con người đích thực, xứng đáng với phẩm vị làm người, có nghĩa là phục hồi *mẫu số chung* để tạo thể nhân hòa. Đó vừa là phương cách, vừa là điều kiện để các dân tộc có thể sống hài hòa với nhau trong hòa bình, an lạc, tiến bộ về vật chất lẫn tâm linh.

Trong số học, phải quy đồng mẫu số để có mẫu số chung trước khi cộng hai hay nhiều phân số không đồng mẫu số. Con người là những phân tử trong cộng đồng nhân loại, giống như những phân số chưa có mẫu số chung. Cho nên, nếu loài người muốn sống chung hòa bình, cộng hưởng cảnh an vui hạnh phúc, thì con người phải tiến hóa để có mẫu số chung: đó là *nhân bản*, là *bản vị con người*, là *Thiên tánh*, là *Phật tánh*, là *bản chất người giống Trời*.

Con người mà chẳng lo phục hồi nhân bản, cũng ví như những cây đàn không được điều chỉnh so dây cho đúng điệu cung bậc thanh âm du dương trầm bổng, thì làm sao có thể hợp tấu được khúc nhạc hòa bình mà nhân loại đang khát khao được thưởng thức?

Giáo lý Cao Đài nhấn mạnh rằng ngày nào nhân bản chưa được đề cao, chưa được phục hồi, thì ngày đó cái thế giới hòa

bình mà nhân loại đang mơ ước hãy còn là điều viễn tưởng.⁽⁵⁾

Trên phương diện Thế Đạo, nhân bản là điều kiện để tạo thể nhân hòa,⁽⁶⁾ đem lại hòa bình cho thế giới.

Trên phương diện Thiên Đạo, nhân bản cũng là điều kiện tất yếu để điểm *tiểu linh quang* (con người) có thể trở về hiệp một cùng khối *Đại Linh Quang* (Thượng Đế): bản chất người có giống Trời thì mới hội nhập được cùng Trời.

Nhận diện được phần chính danh chính vị, biết rõ mình là một điểm tiểu linh quang từ một khối Đại Linh Quang mà ra, đó là con người ý thức được nhân bản của mình. Nhưng từ chỗ ý thức được nhân bản tới chỗ thật sự phục hồi được nhân bản, con người phải phấn đấu không ngừng để dần dần xóa bỏ hết những thú tánh mà tiến lên biểu hiện đầy đủ nhân bản trong cung cách sống, sống sao cho ra người, người đúng nghĩa Người.

Để phục hồi nhân bản, Cao Đài có phương pháp *Tam Công*: công quả, công trình, công phu.

- *Công quả* là hành đạo độ đời, ban vui cứu khổ, phục vụ nhân sanh.

- *Công trình* là tu thân luyện kỹ, trau sửa nét na cho nên người đức hạnh.

⁽⁵⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970): “*Hiểu biết, hành động, phục vụ, phụng sự mà không nằm trong nhân bản sẽ đưa đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội. Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người.*”

⁽⁶⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970): “*Tạo thể nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ.*”

- *Công phu* là định tâm dưỡng thần,⁽⁷⁾ lưu thanh khứ trược, giúp dung nhan tươi nhuận, sức khỏe điều hòa, trí tuệ khai mở.

Cả ba công quả, công trình, công phu đều tác động qua lại lẫn nhau giúp hành giả, nếu hành công rất ráo, có được cái tâm thiên địa, sống và hành động theo lòng trời đất.

Riêng về phần công phu, Cao Đài có nền *tân pháp* (thiền Cao Đài) dành cho người quyết tâm tu hành tìm cầu giải thoát.

IV. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Có thể gọi những đặc điểm này là những yếu tố thuận lợi cần thiết để tạo *thế nhân hòa*.

1. Chính Đức Thượng Đế giáng điển lập Đạo, và chính *Thượng Đế trực tiếp làm Giáo Chủ* chứ không giao cho người thế gian, vì nếu giao cho người phàm thì không tránh khỏi phải mang hình hài của một dân tộc thuộc khối này hay khối kia.⁽⁸⁾

2. Hình tượng đấng thờ là một *Thiên Nhân*, có giá trị biểu tượng, cũng không mang màu sắc của một giống dân nào.

3. Đấng Thượng Đế trong đạo Cao Đài là một Đấng vừa hữu ngã (*personnel*), vừa vô ngã (*impersonnel*). Trong kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài có hai câu:

⁽⁷⁾ Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-6 Tân Dậu: “*Tâm có định rồi thân mới an / Tâm còn điên đảo ắt nguy nàn / Công phu là để tâm an định / Nên đạo nên người chốn thế gian.*”

⁽⁸⁾ Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (18-8-1970): “*Thời kỳ mạt pháp, Đức Đại Từ Phụ không giao chánh pháp cho tay phàm.*”

Đại La [vô ngã] *Thiên Đế* [hữu ngã]

Thái Cực [vô ngã] *Thánh Hoàng* [hữu ngã]

4. Đạo Cao Đài không duy tâm, cũng chẳng duy vật, mà chủ trương *tâm vật bình hành*, quân bình đời sống vật chất lẫn tâm linh.⁽⁹⁾

5. Đạo Cao Đài chủ trương phá chấp triệt để: “*Cao Đài không là Cao Đài, đấng chính thị là Cao Đài.*”⁽¹⁰⁾ Với tinh thần phá chấp này, Cao Đài xem lý Đạo trọng hơn hình tướng tôn giáo. Sự định nghĩa phân biệt giữa tôn giáo và Đạo hàm súc một tinh thần phá hình danh buông sắc tướng:

- Tôn giáo là bề mặt, Đạo là chiều sâu.

- Tôn giáo là cánh cửa đưa nhân sanh vào Đạo.⁽¹¹⁾

- Tôn giáo là con đò, Đạo là bến đỗ,⁽¹²⁾ tới bến rồi khách phải rời đò lên bến.

⁽⁹⁾ Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-02 Mậu Ngọ: *Quân bình tâm vật kỷ cương / Thần hình câu diệu tứ phương cộng đồng.*

Đức Quan Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ: “*Ý thức hệ đã ràng buộc con người với con người trong thế giới hiện hữu. Dầu muốn hay không muốn thì tâm vật vẫn song hành, hai phương diện trong một con người. Là vật không có tâm, bỏ tâm không có vật.*”

⁽¹⁰⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

⁽¹¹⁾ Đức Ngô Minh Chiêu, thánh thất Nam Thành, 13-02 Bính Ngọ (04-3-1966): “*Tôn giáo là cửa vào Đại Đạo, vào chơn lý.*”

Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (18-8-1970): “*... tôn giáo là cửa vào tìm Đạo.*”

⁽¹²⁾ Đức Chí Tôn, thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971): “*Tôn giáo là con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ. Các con thuyền cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.*”

6. Đạo Cao Đài chủ trương *vừa nhập thế, vừa xuất thế*. Nhập thế để làm tròn *sứ mạng vi nhân*, vừa phục vụ tha nhân vừa tạo được nền tảng âm chất hỗ trợ cho bước đường tu giải thoát của chính mình. Giáo lý Cao Đài xác nhận:

- Trần gian chính là môi trường tiến hóa sinh động bậc nhất của càn khôn với đủ mọi màu sắc vui khổ, thiện ác, xấu đẹp, để trui rèn con người học hỏi, tiến hóa. Thế nên, trong thuật ngữ Cao Đài, *trường đời chính là trường thi tiến hóa*,⁽¹³⁾ và *chúng sinh sống trong đời là những thí sinh*.

- “*Tu không phải chán đời ảm đạm, tu bắt buộc phải mạnh dạn đi vào đời*”⁽¹⁴⁾ để phụng sự, giúp đời bằng con đường hành đạo thiết thực, tạo hạnh phúc cho tha nhân. Thánh giáo Cao Đài dạy: “*Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.*”⁽¹⁵⁾

7. Cao Đài khai phóng con người, dùng thể *Thiên nhân hiệp nhất* vận dụng con người cho công cuộc kiến tạo đời thánh đức. Thượng Đế trao cho con người giác ngộ sứ mạng phụng sự kỷ nguyên *đại đồng thánh đức*. Vì vậy, người tín đồ Cao Đài chính danh phải biết phát tâm nhận lấy *sứ mạng đại thừa*, góp phần vào đại cuộc cứu độ quần sinh, và cũng phải biết rằng khi đã được Đức Thượng Đế ban trao sứ mạng là nhận được Thiên ân, trở nên bậc *Thiên ân sứ mạng*.

⁽¹³⁾ Đức Chí Tôn, *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển I, đàn ngày 04-8-1926: “... một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.”

⁽¹⁴⁾ Đức Cao Triều Phát, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

⁽¹⁵⁾ Tiền Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

Người Thiên ân sứ mạng là người thấy chính mình là Đạo, Đạo là mình; người ấy biết ý thức hiệp nhân lực với Thiên cơ để vận hành công cuộc tiến hóa không ngơi nghỉ. Đối với vũ trụ, đó là người huyền đồng cùng tạo vật. Đối với thế gian đó là người có thể làm cho thù thành bạn, ghét trở nên thương; là người xem mình là mọi người, mọi người là mình.

Bản chất Đại Đạo hóa giải mọi đồ vỡ phân ly hận thù trong lòng nhân thế, và *sứ mạng đại thừa là đặc trưng của Đại Đạo trong kỷ nguyên này*,⁽¹⁶⁾ làm nơi quy hiệp động năng vận hành cơ cứu thế giữa thiên thượng và thiên hạ.

⁽¹⁶⁾ Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-6 Tân Dậu: “... đã thọ Thiên ân với sứ mạng đại thừa là đã tự nhận trách nhiệm trong Tam Kỳ Phổ Độ.”

Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Đinh Tỵ: “... những người có sứ mạng đại thừa phải tùy duyên hóa độ không câu chấp vào hoàn cảnh xã hội chi cả mà tất cả là nhiệm vụ của người biết hành Thiên Đạo đại thừa để tạo cảnh hạnh phúc cho thế nhân.”

Đức Quan Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ: “... sứ mạng đại thừa là thực tiễn cứu cánh vạn khổ chúng sanh hòa mình trong xã hội nhân loại. Thế dụng ứng biến, hình danh công cụ, tâm vật bình hành. (...) Mang vào mình sứ mạng đại thừa để thực hành Thiên Đạo, tất phải chấp nhận vào cõi bà sa thế giới. Chấp nhận trong mọi hoàn cảnh, tắm khúc sông đục, đi vào trường vắng với bọn tiểu phu. Chấp nhận để hành Thiên Đạo đúng Thiên lý, hợp Thiên cơ.”

KHÁI LƯỢC VỀ ĐẠO CAO ĐÀI

TỔNG QUAN

Đạo Cao Đài là nói tắt, còn gọi nguyên văn là *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*.⁽¹⁾ Đây là một nền tôn giáo mới, đánh dấu kỷ nguyên cứu độ Kỳ Ba của Đức Thượng Đế. Theo sử quan Cao Đài, lịch sử tôn giáo của nhân loại gồm ba thời kỳ lớn gọi là *tam nguồn*:

- Kỳ Nhất từ thời thượng cổ cho tới khoảng nửa đầu thế kỷ thứ 7 trước Công Nguyên. Dấu ấn của Kỳ Nhất là các bộ kinh *Veda*, *Upanishad* của Bà La Môn Giáo (Ấn Giáo, đạo Hindu); là *Mười Điều Răn* trên núi Sinai và sự ra đời của *Do Thái Giáo*, v.v...

- Kỳ Nhì từ nửa sau thế kỷ thứ 7 trước Công Nguyên cho tới nửa đầu thế kỷ 19. Dấu ấn của Kỳ Nhì là sự ra đời của *Khổng Giáo*, *Lão Giáo*, *Thiên Chúa Giáo*, *Hồi Giáo*, *Ba Tư Giáo* (*Báí Hỏa Giáo*), v.v...

- Kỳ Ba từ nửa sau thế kỷ 19 trở đi, với dấu ấn là sự kiện chính Đức Thượng Đế giáng điển khai mở đạo Cao Đài tại Việt Nam từ những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ 20. Như thế, Việt Nam là cái nôi, là điểm xuất phát của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

⁽¹⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Hội (10-02-1971): "... đạo Cao Đài nói tắt, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói nguyên văn..."

Đạo Cao Đài có mục đích giác ngộ con người quày đầu hướng thiện, tu hành chân chánh để giải thoát luân hồi sinh tử. Đồng thời song song với mục đích ấy, đạo Cao Đài còn có sứ mạng mở ra một kỷ nguyên hòa hợp nhân loại, trong đó con người với con người không còn ngăn chia, kỳ thị, tranh chấp mà cùng vui sống hạnh hưởng chung một thế giới đại đồng, nhân bản, an lạc, tiến bộ.

Đạo Cao Đài có một mục đích kép: Thế Đạo đại đồng và Thiên Đạo giải thoát.

1. Thế Đạo (*the Worldly Way*)

Với đối tượng là nhân sinh, mục đích của Thế Đạo là đưa nhân loại đến cảnh đại đồng, sống trong một thế giới nhân bản, an lạc, tiến bộ, tức là xây dựng được một thiên đàng tại thế.⁽²⁾

2. Thiên Đạo (*the Heavenly Way*)

Với đối tượng là tâm linh, mục đích của Thiên Đạo là đưa con người từ chỗ phạm phu chịu chi phối của luật sinh tử luân hồi trở nên bậc chí chơn, chí thiện, chí mỹ, giác ngộ, giải thoát linh hồn, thoát khỏi luật luân hồi sinh tử.

Đạo Cao Đài chủ trương tâm linh và nhân sinh không tách rời nhau,⁽³⁾ Thiên Đạo và Thế Đạo tác động hỗ tương, bổ sung cho nhau.

⁽²⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970): "*Tạo thế nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ.*"

⁽³⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Kỷ Dậu (30-5-1969): "*Nói tóm lại, đạo và đời phải tương hợp. Tâm linh và nhân sinh không thể tách rời nhau được.*"

I. LỊCH SỬ

1. Những năm tháng đầu tiên (1920-1926)

Tiền bối Ngô Văn Chiêu (1878-1932), hay Ngô Minh Chiêu, người quận Bình Tây, tỉnh Chợ Lớn, là công chức. Năm 1920, tiền bối nghe hồng danh Cao Đài lần đầu tiên trong một đàn cơ ở tỉnh Tân An, và lần thứ nhì ở tỉnh Hà Tiên. Mừng 1 Tết Tân Dậu (1921), trên đảo Phú Quốc, tiền bối trường trai, tu thiền, trở thành đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Tiên Ông. Ngày 13-3 Tân Dậu (20-4-1921), tiền bối nhìn thấy Thiên Nhân xuất hiện. Từ đó, biểu tượng thờ Thượng Đế của đạo Cao Đài là *Thiên Nhân*. Ngày 29-7-1924, tiền bối rời đảo Phú Quốc về Sài Gòn làm việc, tiếp tục tu thiền Cao Đài.

Tháng 7-1925, ở Sài Gòn có một nhóm công chức người tỉnh Tây Ninh bắt đầu xây bàn để tiếp xúc cõi siêu hình. Đó là các tiền bối Cao Quỳnh Cư (1887-1929), Cao Hoài Sang (1900-1971), và Phạm Công Tắc (1890-1959). Khoảng một tháng sau, nhóm này tiếp xúc được Cao Đài Tiên Ông (thoạt đầu Đức Thượng Đế xưng là AẤẤ). Cuối năm 1925, các tiền bối trở thành đệ tử Cao Đài. Đầu năm 1926, Đức Cao Đài Tiên Ông dạy các tiền bối quy hiệp với tiền bối Ngô Văn Chiêu. Tiền bối Ngô Văn Chiêu được Thầy phân định làm *Anh Cả*, đứng đầu nhóm.⁽⁴⁾ Cuối năm 1926, tăng thêm nhiều đệ tử mới, trong đó có tiền bối Lê Văn Trung (1876-1934)... Ngày 29-9-1926, tiền bối Lê Văn Trung họp cùng 247 đệ tử Cao Đài tại Sài Gòn⁽⁵⁾ lập *Tờ Khai Đạo* chính thức công khai hóa sự ra đời của đạo Cao Đài.⁽⁶⁾

⁽⁴⁾ Theo *Tân Luật*, Giáo Tông cũng gọi là *Anh Cả*.

⁽⁵⁾ Theo *Phổ Cáo Chứng Sanh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*. Sài Gòn: imprimerie de l'Union, 15 Octobre 1926, tr. 14.

⁽⁶⁾ Viết bằng tiếng Pháp, đề ngày 07-10-1926.

2. Hội Thánh Cao Đài đầu tiên ở Tây Ninh

Tháng 11-1926, Hội Thánh Cao Đài đầu tiên chính thức ra mắt qua lễ Khai Minh Đại Đạo tổ chức tại chùa Thiên Lâm (Gò Kén), tỉnh Tây Ninh. *Pháp Chánh Truyền* và *Tân Luật* ra đời, thiết lập nền tảng kỹ cương của Hội Thánh. *Kinh Cúng Tử Thời* và *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* (hai quyển) là những bộ kinh căn bản của Hội Thánh Tây Ninh.

Tháng 02-1927, Hội Thánh dời về làng Long Thành, quận Phú Khương, tỉnh Tây Ninh.⁽⁷⁾ Một thánh thất tạm được cất lên rồi sau này phát triển thành *Tòa Thánh Tây Ninh*, với kiến trúc kiên cố kể từ năm 1931. Năm 1955 ngôi đền nguy nga hoàn tất.⁽⁸⁾ Cùng với các kiến trúc khác, ngôi đền nằm trong một diện tích 20.383 mẫu tây (héc-ta) vốn xưa kia là rừng.

3. Đạo Cao Đài phát triển trong và ngoài nước

Khi Hội Thánh Cao Đài đầu tiên đang được chuẩn bị hình thành, tiền bối Ngô Văn Chiêu không nhận phẩm Giáo Tông. Tiền bối Lê Văn Trung trở thành Quyền Giáo Tông chương quản Cửu Trùng Đài từ năm 1933.

Từ khi tiền bối Ngô Văn Chiêu tách ra khỏi hoạt động phổ độ hay ngoại giáo công truyền (*exotericism*), tiền bối và những người Cao Đài tu thiền do tiền bối hướng dẫn về sau hình thành một cộng đồng Cao Đài tên là *Chiếu Minh*, chuyên

⁽⁷⁾ Nay là xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

⁽⁸⁾ *Kích thước Tòa Thánh Tây Ninh*:

Chiều ngang, kể cả hành lang hai bên: 22m. Chiều dài, từ bậc thềm chót trước Tịnh Tâm Đài tới cuối Bát Quái Đài: 97,5m. Chiều cao tính tới đỉnh lầu chuông, lầu trống: 28,2m. Chiều cao tính tới đỉnh Phi Tượng Đài: 14m. Chiều cao tính tới đỉnh Nghinh Phong Đài: 17m. Chiều cao tính tới đỉnh Bát Quái Đài: 19m. Tổng cộng ở tầng trệt có 156 cây cột tròn đắp rồng hoặc hoa sen ...

về tu vô vi hay nội giáo tâm truyền (*esotericism*). Kinh chủ yếu của Cao Đài Chiếu Minh có bộ *Đại Thừa Chơn Giáo*.

Sau Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh, trong những năm sau đó lần lượt có nhiều Hội Thánh Cao Đài khác hình thành ở các tỉnh miền Tây như Bến Tre, Bạc Liêu, v.v... Mỗi Hội Thánh quản trị nhiều cơ sở trực thuộc ở cấp tỉnh thành, quận huyện, làng xã, v.v... với các thánh thất hay thánh tịnh lập nên khắp nơi, từ chốn thị tứ sầm uất đến cả những nơi nông thôn xa xôi.

Từ năm 1934, việc truyền giáo ra miền Trung bắt đầu. Năm 1935, hai thánh tịnh đầu tiên được thành lập tại phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Năm 1938, thêm một thánh thất lập tại Đà Nẵng. Đến năm 1956, *Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài* chính thức hình thành, công cuộc phổ độ miền Trung ngày thêm vững vàng.

Đạo Cao Đài được truyền ra miền Bắc, khởi đầu từ giữa những năm 30 của thế kỷ 20. Cho đến nay đã có được một thánh thất ở tại Hà Nội, một tại Hải Phòng, và vài cộng đồng Cao Đài nhỏ ở ngoại thành Hà Nội, một vài xã thuộc Hà Đông, Hà Tây,⁽⁹⁾ Quảng Ninh, v.v...

Việc truyền đạo Cao Đài ra nước ngoài cũng sớm được thực hiện trong lúc phát triển đạo trên cả ba miền Nam, Trung, Bắc. Đặc biệt, từ cuối thập niên 1970 trở đi, các thánh thất Cao Đài đã lần lượt được hình thành trong các cộng đồng người Việt ở nhiều nước trên thế giới.

Từ năm 1975 trở đi, số tín đồ trong nước vẫn tiếp tục gia tăng đều đặn. Trải qua mấy cuộc chiến tranh, sau khi hòa bình lập lại, nhiều thánh thất và thánh tịnh đã có điều kiện trùng tu, hồi phục. Cộng đồng tín đồ Cao Đài hòa mình trong cộng

⁽⁹⁾ Từ ngày 01-8-2008, Hà Tây được sáp nhập vào Hà Nội.

đồng dân tộc, vừa chu toàn những nghĩa vụ của một công dân, vừa đeo đuổi và thực thi những bổn phận và trọng trách thiêng liêng của người tu hành chơn chánh.

Hiện nay, tính pháp nhân của đạo Cao Đài ở Việt Nam đã được công nhận:

* Trong vòng năm năm (1995-2000) Nhà nước đã công nhận tư cách pháp nhân và Hiến Chương của chín Hội Thánh theo thứ tự thời gian như sau đây:

- **Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên** (Tòa Thánh Châu Minh, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre), do Quyết Định số 51/QĐ/TGCP ngày 29-7-1995 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

- **Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu** (Tòa Thánh Long Châu, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành, thành phố Cần Thơ), do Quyết Định số 1562/QĐ.CT.HC.96 ngày 27-7-1996 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ.

- **Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo** (Tòa Thánh Ngọc Sắc, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau), do Quyết Định số 39/QĐ/TGCP ngày 02-8-1996 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

- **Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài** (Trung Hưng Bửu Tòa, số 69 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng), do Quyết Định số 40/QĐ/TGCP ngày 24-9-1996 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

- **Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh** (Tòa Thánh Tây Ninh, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh), do Quyết Định số 10/QĐ/TGCP ngày 09-5-1997 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

- **Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo** (Tòa Thánh Bến

Tre, số 100C đường Trương Định, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre), do Quyết Định số 26/QĐ/TGCP ngày 08-8-1997 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

- **Hội Thánh Cao Đài Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý** (Tòa Thánh Ngọc Kinh, ấp Hòa An, xã Mông Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang), do Quyết Định số 2363/1998/QĐ-UB ngày 08-7-1998 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang.

- **Hội Thánh Cao Đài Chơn Lý** (Tòa Thánh Chơn Lý, khóm 2, đường Nguyễn Huỳnh Đức, ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), do Quyết Định số 16/2000/QĐ-TGCP ngày 14-3-2000 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

- **Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan** (Tòa Thánh Tam Quan, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định), do Quyết Định số 199/2000/QĐ-TGCP ngày 28-4-2000 của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

* Ngoài ra, có một số thánh sở, cơ quan Đạo đơn lập (không thuộc Hội Thánh nào) ở nhiều địa phương cũng lần lượt được công nhận tư cách pháp nhân. Trong số đó, có **Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo** (số 171B đường Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM), do Quyết Định số 301/QĐCN ngày 02-8-2000 của Ban Tôn Giáo - Dân Tộc Tp.HCM.

* **Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi** (Thánh Đức Tổ Đình, số 264 đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ), được Ban Tôn Giáo Chính Phủ cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Tôn Giáo ngày 15-12-2009.

Về mặt **thông tin, báo chí**, các Hội Thánh đã có chung tạp chí *Cao Đài* kể từ tháng 6-2009. Tòa soạn đặt tại Tòa Thánh

Bến Tre (Hội Thánh Ban Chính Đạo).

Về mặt **phổ thông giáo lý đại chúng**, kể từ tháng 6-2008, với tinh thần không phân biệt chi phái, thánh thất Bàu Sen (quận 5, Tp.HCM) ra mắt *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* phục vụ cho toàn Đạo một số lượng lớn kinh sách và hoàn toàn miễn phí.⁽¹⁰⁾ Nhiều đầu sách của Chương Trình được cộng đồng Cao Đài hải ngoại xin phép ấn tống tại Hoa Kỳ để thuận tiện gửi đi một số nước Âu, Mỹ, và Úc.

Các sự kiện khái quát trên đây đang tích cực góp phần rất thuận lợi để đạo Cao Đài ngày một thêm phát triển trong hoàn cảnh đất nước thống nhất, độc lập, hòa bình...

III. HỘI THÁNH CAO ĐÀI

Hội Thánh Cao Đài gồm có ba đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, và Cửu Trùng Đài.

1. Bát Quái Đài

Là đài vô hình, nơi thờ Thượng Đế (Cao Đài Tiên Ông) qua biểu tượng Thiên Nhân, và các Đấng thiêng liêng.

2. Hiệp Thiên Đài

Là đài nửa vô hình nửa hữu hình, làm trung gian giữa Bát Quái Đài và Cửu Trùng Đài. Cơ bút và đồng tử là phương tiện thông công (*spiritual communication*) để Bát Quái Đài (vô hình) và Cửu Trùng Đài (hữu hình) tiếp xúc với nhau. Hiệp Thiên Đài còn có nhiệm vụ bảo vệ chánh pháp và luật lệ Đạo.

⁽¹⁰⁾ Tính tới tháng 6-2012, Chương Trình này đã ấn tống 54 lần, trong đó có 23 đầu sách tái bản. Mỗi đầu sách thường in 5.000 quyển; thậm chí 10.000 quyển, phát hành tới nhiều họ đạo trong cả nước.

Hộ Pháp chưởng quản Hiệp Thiên Đài. Chức sắc mặc thiên phục màu trắng.

3. Cửu Trùng Đài

Đứng đầu là *Giáo Tông* (là *Anh Cả*), thiên phục màu trắng. Chức sắc chia làm ba phái, đứng đầu mỗi phái là một *Chương Pháp*.

Ba phái là:

– Phái *Thượng*, tượng trưng cho đạo Tiên, thiên phục màu xanh da trời.

– Phái *Thái*, tượng trưng cho đạo Phật, thiên phục màu vàng.

– Phái *Ngọc*, tượng trưng cho đạo Nho, thiên phục màu đỏ.

Cửu Trùng Đài của phái nữ, theo luật Đạo, không chia ba phái, chức sắc cao nhất là *Nữ Đầu Sư*, dưới quyền của Giáo Tông và Chương Pháp.

IV. ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

1. Cách tu hành

Tín đồ Cao Đài tu tại gia, là cư sĩ. Mỗi người tùy theo hoàn cảnh xã hội và tuổi tác vẫn phải lo tròn bổn phận của từng cá nhân đối với gia đình, xã hội, quốc gia. Tín đồ có thể đến một thánh thất hay thánh tịnh gần nhà để học hỏi giáo lý, nghe giảng đạo và làm công quả. Những ngày sóc vọng (mùng 1 và 15 mỗi tháng âm lịch), và những dịp lễ chính thức của đạo Cao Đài trong năm là những dịp quan trọng để hội họp đông đảo, hoặc tổ chức đi về Tòa Thánh hành hương, chiêm bái. Những dịp này thường cũng thuận lợi cho người mới phát tâm tu đến thánh thất hay thánh tịnh làm lễ nhập môn.

Ngoài ra, khi trong họ đạo có người đau ốm hoặc qua đời, tín đồ cũng đến thánh thất hay thánh tịnh để hiệp nhau cầu nguyện giải bệnh, hoặc cầu siêu cho người quá cố. Một em bé làm *lễ tắm thánh*, một đám cưới được tổ chức tại thánh thất, thánh tịnh (*lễ hôn phối*) cũng có đông tín đồ đến dự, mọi người hiệp nhau cầu nguyện Thượng Đế ban ơn phước cho em bé, cô dâu và chú rể...

Tùy hoàn cảnh và tâm nguyện, người tín đồ có thể thực hành thiên Cao Đài. Tín đồ Cao Đài được khuyến khích ăn chay. Mỗi tháng ăn chay ít nhất mười ngày thì khi qua đời có thể nhận đầy đủ các phép cầu siêu. Thời kỳ đại ân xá, người mới ăn chay mười ngày mỗi tháng có thể tập thiên và phải sớm ăn chay trường để tu tiến về đạo pháp.

Hàng ngày, có bốn giờ quan trọng để tụng kinh và hành thiên (công phu) trước *Thiên Bàn* (bàn thờ Cao Đài Tiên Ông). Đó là các giờ Tý (từ 23.00), Mẹo (từ 05.00), Ngọ (từ 11.00) và Dậu (từ 17.00).

Tín đồ lúc hành lễ mặc áo dài trắng, quần dài trắng. Nam đội khăn đóng đen, nữ để đầu trần. Một số chức phẩm Hiệp Thiên Đài đội khăn đóng màu trắng. Các vị nữ chức sắc, nữ chức việc đội lúp trắng.

Khi cúng, dâng lễ gồm nhang (cắm năm cây), hoa quả, rượu (giờ Tý, Ngọ), nước trà và nước lạnh (giờ Mẹo, Dậu). Đại lễ hay dịp sóc vọng thì dâng đủ hoa, rượu, nước trà và nước lạnh.

Pháp môn tu hành của đạo Cao Đài gọi chung là *Tam Công*, gồm có: *công phu* là hành thiên; *công quả* là hành thiện giúp đời, phụng sự chúng sanh; *công trình* là toàn bộ những hành vi có ý thức để liên tục rèn luyện bản thân cho mỗi ngày một thêm tốt đẹp, gương mẫu, xét trên nhiều phương diện.

Pháp môn Tam Công như vậy giúp người tín đồ Cao Đài tu học và hành đạo trên cả hai phương diện Thế Đạo và Thiên Đạo. Do đó, trong cách tu hành, tín đồ Cao Đài dung hợp cả Tam Giáo (Nho, Thích, Lão):

- Về phương diện gia đình, xã hội, quốc gia, thì noi theo đường lối căn bản của đạo Nho.

- Về phương diện tu tập thiên định, giải trừ nghiệp quả, có những điểm đại cương không khác đạo Phật, đạo Lão.

Bên cạnh những nét tương đồng với Tam Giáo là bản sắc riêng của đạo Cao Đài. Chính vì có những bản sắc riêng của đạo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được áp dụng riêng cho Kỳ Ba nên pháp môn tu hành giải thoát của Cao Đài còn được gọi là *tân pháp*, để phân biệt với pháp môn của các tôn giáo đã xuất hiện từ Kỳ Nhất và Kỳ Nhì trong lịch sử.

Khi sự tu hành đặt cơ sở trên gia đình và đất nước, thì *hiếu và trung là giá trị đạo đức*. Kinh cúng hàng ngày trong các giờ Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu có câu:

*Khai nhơn tâm tất bốn, u đốc thân chi hiếu,
Thọ quốc mạch tất tiên, u trí chúa chi trung.*

Nghĩa là: Dạy dỗ con người, căn bản phải là trọn đạo hiếu với cha mẹ; giữ lâu bền đất nước, trước tiên phải hết lòng trung thành với Tổ Quốc.

Từ cơ sở gia đình, dân tộc, người tín đồ Cao Đài được dạy phải mở lòng bác ái để tiến xa hơn đến tầm kích nhân loại:

*Tình non đi với tình nhân loại,
Nghĩa nước chung nguồn nghĩa chúng sanh.*⁽¹¹⁾

⁽¹¹⁾ Đức Phan Thanh Giản, Trúc Lâm Thiền Điện, 08-4 Tân Hội (02-5-1971).

Do đó, lý tưởng tu hành của người tín đồ Cao Đài là không chỉ mưu cầu lợi ích cá nhân, mà hãy biết hướng về người khác: *“Một cuộc đời đáng sống khi hướng ngoại thì lo giúp thế độ đời, lúc trở về tâm nội thì trau dồi đức hạnh, tu đức tu công, mưu cầu ích chúng lợi dân, xây dựng nếp sống hiệp hòa trong thiên hạ.”*⁽¹²⁾

2. Khái quát về nhân sinh quan Cao Đài

Trần gian theo Cao Đài là trường huấn luyện con người, cũng là *trường thi tiến hóa*. Chúng sanh ở cõi thế gian là những người đang được huấn luyện để làm những kẻ đi thi. Thi đậu tức là leo lên được một nấc thang tiến hóa, là nâng con người phàm phu lên ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật.

Vì đời là trường thi, thế nên nghịch cảnh thế gian là môi trường giúp con người tiến hóa. Cái khổ ngoại giới hay nội tâm là những nét mài giũa giúp con người trở nên viên ngọc giá trị. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo dạy: *“Nhưng thế gian dẫu là chí khổ mà khổ ấy lại cần phải có, vì có khổ ấy thì thế gian mới là trường thi tiến hóa của nhân loại.”*⁽¹³⁾ Vì vậy, người tín đồ Cao Đài ý thức tích cực về những thăng trầm cuộc sống, chấp nhận cuộc đời, định hướng mình trong cuộc đời để không ngừng phấn đấu, tự thắng những hèn yếu bản thân và vượt thoát lên trên thân phận đó.

Pháp môn Tam Công và quan niệm về kiếp sống con người nơi cõi thế gian như trên đưa đến phương châm *đời đạo song tu*. Tu không chán đời ảm đạm mà mạnh dạn vào đời để giúp đời.

⁽¹²⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-01 Quý Sửu, 11-02-1973).

⁽¹³⁾ Bài *Tinh Thế*, đàn ngày 26-8 Bính Tý (1936).

Tôn thờ Thượng Đế, nhưng người tín đồ Cao Đài thấm nhuần tính *nhân bản* của Cao Đài, ý thức rằng Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự Thượng Đế; muốn phụng sự Thượng Đế đích thực, con người hãy tìm mọi cách tốt nhất để phụng sự chính con người, cùng biết thương nhau và cải tạo bản thân, cải tạo thế gian, để xây dựng cho chính con người một thiên đàng tại thế. Chư Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy: “*Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.*”⁽¹⁴⁾

Với nhân sinh quan như vậy, người tín đồ Cao Đài ý thức rằng con người sinh ra ở thế gian không phải là một tình cờ hay ngẫu nhiên, và kiếp sống con người nơi cõi trần ai này không phải là một kiếp sống vô định hướng. Đức Chí Tôn dạy: “*Sanh ra phận làm người, đã mang vào mình một trách nhiệm đặc biệt, phải gắng sức làm cho hoàn toàn...*”⁽¹⁵⁾

Vậy con người có *sứ mạng vi nhân*. *Sứ mạng* đó là bản thân phải tiến hóa và có ý thức tích cực góp phần tác động cho sự tiến hóa của người khác, nói rộng ra là vạn loại vạn vật.

Con người và vạn loại, theo giáo lý Cao Đài, đều cùng là những điểm linh quang xuất phát từ Thượng Đế, cùng có tính Trời nội tại. Trên nấc thang tiến hóa, con người cao trội hơn các loài khoáng sản, thảo mộc, động vật. Con người là sinh vật thượng đẳng tối linh trong các loài sanh chúng, con người đang ở cái ngưỡng để trở thành một ngôi vị thiêng liêng mà thông thường thế gian xưng tụng là Thần Thánh, Tiên Phật.

Người tín đồ Cao Đài tin tưởng vào nguyên lý *Thiên nhân*

⁽¹⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

⁽¹⁵⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, đàn ngày 22-01-1927.

hiệp nhất. Con người tuy sống ở cõi người nhưng vẫn có trách nhiệm đóng góp với Trời để tác động vào sự vận hành của bánh xe tiến hóa trong vũ trụ vạn vật. *Sứ mạng vi nhân* khi ấy đã mang nội dung hoằng đại, nên còn gọi là *sứ mạng đại thừa*.

Muốn làm tròn *sứ mạng vi nhân* hay *sứ mạng đại thừa*, điều cơ bản và tiên quyết là phải *tu*. *Tu* thân theo pháp môn Tam Công là một quá trình kiên định và liên tục nhằm ngày một thêm hoàn thiện bản thân để có đủ điều kiện thích đáng làm người cộng sự với Trời.

Tu theo Cao Đài như vậy không phải là tu cho riêng mình (độc thiện kỳ thân); thánh giáo Cao Đài dạy rằng *tu là để làm người cộng sự với Trời*. Nói khác đi, tu hành là học theo gương của Trời, noi theo đức hạo sanh của Trời để tập làm những việc của Trời, và đó cũng là phương tiện để con người được thánh hóa, giải thoát khỏi kiếp sống phàm phu trần tục:

*Tu hành là học làm Trời,
Phải đâu kiếp kiếp làm người thế gian.*⁽¹⁶⁾

3. Một vài điểm cơ bản của ý thức hệ Cao Đài

Người tín đồ Cao Đài tin tưởng vào nguyên lý *Thiên địa vạn vật nhất thể*. Theo đó, con người, vạn loại và các đấng Thần Thánh Tiên Phật đều có cùng một bản thể. Bản thể đó là ánh sáng thiêng liêng (linh quang). Thượng Đế là Đại Linh Quang, đồng bản thể với Trời nên con người và vạn loại là những điểm tiểu linh quang. Do đó, con người hãy biết mở

⁽¹⁶⁾ Đức Cao Triều Trực, Cao Thượng Bửu Tòa, 18-8 Bính Ngọ (02-10-1966). Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974): *Tu hành để được làm Trời, / Phải đâu muôn kiếp làm người thế gian.*

rộng tình thương yêu giữa con người với con người, và giữa con người với vạn loại.

Giáo lý Cao Đài không duy tâm, không duy vật. Tâm và vật không tách rời nhau, mà là hai phương diện của cùng một thực thể, do đó tâm vật tương trợ nhau. Đạo Cao Đài chủ trương *tâm vật bình hành*,⁽¹⁷⁾ lấy sự quân bình giữa duy tâm và duy vật. Đó chính là *trung đạo*.

Tinh thần Cao Đài đích thực là tinh thần phá chấp. “*Cao Đài không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài.*”⁽¹⁸⁾ Trong tinh thần phá chấp, người tín đồ Cao Đài không vì những dị biệt giữa các tôn giáo mà đem lòng phân chia, kỳ thị. Tôn giáo được quan niệm là phương tiện, là chiếc xe, là con thuyền để chở con người đi đến bến đỗ⁽¹⁹⁾ hay mục đích sau cùng (cứu cánh) là Đạo. Đạo có một, tôn giáo có nhiều. Đạo siêu thời gian và không gian, tôn giáo chịu sự chi phối của thời gian và không gian.

Cũng theo Cao Đài, các tôn giáo là những phương tiện khác nhau, xuất hiện lần lượt trong lịch sử và ở nơi này hay nơi khác tùy theo trình độ văn hóa, văn minh nhân loại. Các

⁽¹⁷⁾ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Đinh Tỵ: “*Dầu muốn hay không muốn thì tâm vật vẫn song hành, hai phương diện trong một con người. Là vật không có tâm, bỏ tâm không có vật. Thế nên sứ mạng đại thừa là thực tiễn cứu cánh vạn khổ chúng sanh hòa mình trong xã hội nhân loại. Thế dụng ứng biến, hình danh công cụ, tâm vật bình hành. Tất cả đều hoàn hảo trong một cuộc sống ung dung, tự do, tự tại.*”

⁽¹⁸⁾ Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

⁽¹⁹⁾ Đức Chí Tôn, thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971): “*Tôn giáo là con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ. Các con thuyền cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.*”

giáo chủ xuất hiện trong các thời kỳ trước là những sứ giả của Thượng Đế đến thế gian cứu đời. Do đó, những dị biệt về hình danh sắc tướng là không quan trọng. Trong cốt tủy của các tôn giáo đều có sự tương đồng, bởi nguồn gốc sâu xa của mọi tôn giáo chính là Đạo.

Từ quan điểm như vậy, người tín đồ Cao Đài chủ trương *vạn giáo nhất lý* nói chung trên phạm vi toàn cầu, và chủ trương *Tam Giáo đồng nguyên* nói riêng trên phạm vi Á Đông. Hệ quả của chủ trương này là tinh thần bình đẳng đối với các tín ngưỡng khác nhau, là lòng bao dung về tín ngưỡng.

Đạo Cao Đài còn được biết đến qua danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Giáo Chủ của đạo Cao Đài là Đức Thượng Đế. Biểu tượng của Ngài là hình ảnh Thiên Nhân. Giáo chủ của đạo Cao Đài trong kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ không mang màu sắc một địa phương, một quốc gia, hay một chủng tộc, v.v... Tính cách Giáo Chủ của đạo Cao Đài vì thế là tính phổ quát (*universality*).

Với cách nhìn bao dung vạn giáo nhất lý, với ý thức về tính phổ quát của Thượng Đế khi lâm trần giáo đạo kỳ thứ Ba này, người tín đồ Cao Đài xác định rằng nhân loại đang ở vào một kỷ nguyên mà xu thế lịch sử là sẽ hướng tới một xã hội toàn cầu, dù sớm hay muộn. Trong xã hội tương lai đó, con người không chỉ là công dân của một quốc gia, hay chỉ là thành viên của một nền văn hóa văn minh; mà con người còn là công dân của cả thế giới, là thành viên của chung nền văn hóa văn minh nhân loại.

Cho nên người tín đồ Cao Đài nuôi một lý tưởng về một xã hội mới, gọi là *xã hội thánh đức thuần lương*.⁽²⁰⁾ Đó là một xã

⁽²⁰⁾ Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10

hội nhân hòa, đặt trên ba chân vạc vững chắc là nhân bản, an lạc, và tiến bộ.⁽²¹⁾

Xã hội lý tưởng của Cao Đài cũng là một xã hội mà tâm và vật không chống đối nhau, khoa học không phủ nhận tôn giáo, tôn giáo là phương tiện chơn chánh và hữu hiệu giúp con người tìm đến đạo lý để khai hoát tâm linh cho sáng tỏ, để giải thoát linh hồn:

“Khoa học sẽ giúp người đạt địa. Đạo lý sẽ giúp người thông thiên. Thế gian không còn là biển khổ sông mê.”⁽²²⁾

Xã hội đó cũng chính là một thiên đàng tại thế:

“Vì đạo Cao Đài không nhứt thiết chỉ làm cho người tu thành Thần Thánh Tiên Phật mà phải làm sao truyền bá lý tưởng đại đồng bác ái, tình thương không phân nòi giống sắc tộc, cho tất cả mọi người hiểu sự thật, nói sự thật và làm được sự thật ấy ngay tại thế gian này, để biến cảnh địa đàng này thành thiên đàng cực lạc tại thế gian.”⁽²³⁾

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ

Nguyên lý thiên địa vạn vật nhất thể được xem là một trong những đề tài nghiên cứu then chốt về đạo lý, nếu được khảo sát tới mức độ tinh tường, sẽ soi sáng cho chúng ta rất nhiều về vũ trụ, về con người, về thân phận con người và ý nghĩa cuộc sống, về mối tương quan giữa trời đất và vạn vật chúng sanh, trong đó có con người.

Nguyên lý thiên địa vạn vật nhất thể chẳng phải chỉ mới được xác lập trong Tam Kỳ Phổ Độ, mà nó chính là chuỗi liên châu nối liền các tôn giáo với nhau. Tuy rằng cách diễn tả khác nhau là do ảnh hưởng thời gian và không gian, ngôn ngữ có dị biệt, ý nghĩa vẫn tương đồng. Nhưng cho tới nay, các nhà tôn giáo thường chú trọng tới mối tương quan giữa trời đất và con người, ít quan tâm tới tất cả vạn vật chúng sanh với đầy đủ ý nghĩa.

Giáo lý Cao Đài dạy rõ, dạy đủ cái nguyên lý nhất thể này, không những nhất thể về bản chất tồn tại, mà còn nhất thể trong vận động phát sinh, tiến hóa và đạt thành, không sót một khâu nào trong chu trình phát triển, từ khoáng sản tới thảo mộc, tới thú cầm, chí tới loài người, ở thời kỳ *nhất bản tán vạn thù*, tiếp theo là thời kỳ *vạn thù quy nhất bản*.

Quán triệt nguyên lý thiên địa vạn vật nhất thể, người tín đồ Cao Đài mới thấy rõ ý nghĩa và hướng nhắm của hai phần cứu cánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

Đình Ty: *“Tu để sửa, học để hành. Sửa cái u tệ xấu xa sai lạc trở về đường ngay nẻo thẳng. Hành cho đúng đạo, cho trở nên người chí thiện chí mỹ, mới được một xã hội thánh đức thuần lương.”*

⁽²¹⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970): *“Tạo thế nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ.”*

⁽²²⁾ Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

⁽²³⁾ Đức Bạch Liên Tiên Trương, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-10 Canh Tuất (08-11-1970).

1. Thế Đạo đại đồng

Chẳng phải chỉ có tình huynh đệ đại đồng giữa loài người với nhau, mà là giữa tất cả vạn vật chúng sanh đang tiến hóa, giúp đỡ nhau tạo cảnh thiên đàng tại thế gian cho cả vạn vật chúng sanh chớ không riêng cho loài người.

2. Thiên Đạo giải thoát

Hướng tới và hướng lên để hoàn tất con đường tiến hóa, trở về hiệp một cùng Thượng Đế.

I. NHẤT THỂ ẤY LÀ GÌ?

Giáo lý Cao Đài quan niệm vạn vật chúng sanh đều là các tiểu linh quang từ một khối Đại Linh Quang (Thượng Đế) phân thân xuống trần và tiến hóa liên tục qua nhiều giai đoạn mà mỗi giai đoạn mang một hình thể khác nhau.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo tóm tắt quan niệm ấy như sau:

“Các tiểu linh quang từ khối Đại Linh Quang phân thân xuống trần, tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi một đơn vị, đến cõi dinh hoàn này để làm công cuộc tiến hóa trong đức háo sanh ấy.

(...) những tiểu linh quang ấy đã ngấm ngấm ẩn tàng từ loài khoáng sản đến thảo mộc, côn trùng, nhân loại rồi tiến đến hàng Thần Thánh Tiên Phật. Sự tiến hóa mau chậm tùy theo trạng thái của mỗi thể, từ loài chỉ có một sanh hồn đến loài có cả sanh hồn lẫn giác hồn, và chí đến loài có đủ cả tam hồn là sanh, giác và linh hồn.

Trong một chuỗi tiến hóa đó, mỗi hồn hay là tiểu linh quang có mang một hình thể khác nhau. Mỗi một giai đoạn,

mỗi một tiến trình đều là tạm mượn để mà tiến, không nơi nào là trụ tướng bất di bất dịch.”⁽¹⁾

Vậy thì, theo giáo lý Cao Đài, cái nhất thể đó là linh quang, nơi phát xuất là khối Đại Linh Quang (Thượng Đế), phóng phát ra các tiểu linh quang là vạn vật chúng sanh.

Nho Giáo gọi khối Đại Linh Quang này là Thái Cực, và sự phóng phát, sinh hóa được diễn tả là Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái...

Lão Giáo cũng chủ trương vũ trụ vạn vật đều do một bản thể sinh hóa ra. Bản thể ấy Lão Giáo gọi là Đạo. Đạo khi chưa sinh hóa ra vũ trụ còn được gọi là Hư, Hư Vô, Hư Không, Đơn, Vô Cực... Hư Vô, Hư Không chẳng phải là hư ảo, mà là thực thể bất khả tư nghị, vô biên tế của vũ trụ. Sách *Xương Đạo Chơn Ngôn* viết: *“Vạn vật bắt đầu từ Không, Không sanh ra Nhất, Nhất sanh ra Vạn, Vạn trở về Không. Không là thủy tổ muôn loài.”*⁽²⁾

Trong Phật Giáo, tuy chính Đức Phật không bàn về bản thể vũ trụ, nhưng sau Ngài các Phật gia cũng chủ trương thiên địa vạn vật nhất thể; cho nên trong giáo lý nhà Phật cũng nói tới Chơn Như Bản thể, Không Tịch, Hư Vô, Không, Hư Không... để mô tả bản thể.

Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy: *“Thiện tri thức, thế giới hư không bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời, mặt trăng, núi sông, đất đai, cây cối, biển lớn, kẻ dữ người lành, pháp ác pháp thiện, thiên đàng địa ngục, tất cả đều ở trong hư không...”*⁽³⁾

⁽¹⁾ Thánh thát Tây Thành, 13 rạng 14-3 Canh Tuất (18-4-1970).

⁽²⁾ Theo Nhân Từ Nguyễn Văn Thọ, *Dịch Kinh Yếu Chỉ* (Phần III: Vô Cực Luận, Chương 2 : Đại Cương).

⁽³⁾ *Pháp Bảo Đàn Kinh*, Phẩm Đệ Nhị. (Hòa Thượng Thích Duy Lực

Để cho bản thể cũng đượm màu Phật Giáo, các Phật gia còn gọi bản thể là Phật Tánh, và nguyên lý thiên địa vạn vật nhất thể được diễn đạt là *nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh*. Diễn tả ý này, Đức Ngô Minh Chiêu dạy:

*Có trời đất, có nhơn, có vật
Có Đạo mẫu trời đất định phân
Thế nên khắp chốn hồng trần
Đều do lý Đạo tạo phần hữu vô.*⁽⁴⁾

II. MỐI TƯƠNG ĐỒNG VÀ TƯƠNG QUAN GIỮA THIÊN-ĐỊA-NGƯỜI-VẬT

1. Thiên địa vạn vật tương đồng

Thiên địa vạn vật tương đồng bởi lý do đơn giản là *nhất bản tán vạn thù*. Vốn từ một gốc mà ra thì vạn vật phải tương đồng nhau về bản chất, nghĩa là giống nhau về cái chất ẩn tàng bên trong thừa hưởng từ nguồn gốc; và từ một gốc mà ra thì tất cả vạn vật đều phải tương đồng với cái gốc chung này là Trời, là Thượng Đế. Điểm tương đồng ẩn tàng trong vạn vật được gọi là mầm thiện, Phật Tánh, Thượng Đế Tánh (Tánh Trời, Thiên Tánh)...

Nhưng không phải chỉ có nhất thể nơi tồn tại, mà còn là nhất thể trong chuyển hóa, tinh thành. Cái nhất thể của vũ trụ vạn vật không phải là tính đồng nhất cứng ngắc, thường trụ, mà là tiềm thể vận động không ngừng khiến cho vạn vật chuyển biến mãi. Mức độ tương đồng biến dịch theo chiều tăng trưởng nếu vạn vật tiến hóa theo chiều thuận Thiên cơ. Tùy trình độ tu hành và công quả mà cái nhất thể hay Tánh Trời được phát triển và được biểu hiện ra cho thấy giống nhau

dịch.)

⁽⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-3 Bính Ngọ (22-3-1966).

nhieu hay ít và giống Trời nhiều hay ít.

Cái bản thể chung ấy, cái nhất thể ấy, dù nhìn dưới khía cạnh nào, trạng thái động hay tĩnh, đều nhất nhất ẩn tàng nơi mọi sở vật thực tại, lớn hoặc nhỏ. Đây là thiên địa vạn vật tương đồng.

2. Thiên địa vạn vật tương quan

Để làm sáng tỏ mối tương quan, giáo lý Cao Đài trình bày sự tác động qua lại của thiên địa vạn vật.

Chính các nguồn năng lượng nhật, nguyệt, tinh của trời; phong, thủy, hỏa của đất; và tinh, khí, thần của người tác động lẫn nhau tạo thành mối liên quan triền miên ấy. Lấy sự biến dưỡng và hóa sinh của con người làm thí dụ, mối tương quan mật thiết ấy được thể hiện qua lời dạy của Đức Chí Tôn như sau: “*Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết. Nó có thể huờn ra nhơn hình mới có sanh sanh tử tử của kiếp nhơn loại.*”⁽⁵⁾

Ta lại biết các vật thực là những sinh vật hấp thụ khí của trời và chất của đất. Vậy trời đất, vạn vật và người tương quan thật là mật thiết với nhau.

Thường thì con người vô tình không nghĩ tới phần công quả trăm mặc của vạn vật chúng sanh trong mối tương quan mật thiết này, tất cả đều nương tựa nhau, giúp đỡ nhau để tiến hóa.

Một nông dân cày ruộng hoặc gặt lúa dưới ánh nắng trưa, lúc ngừng tay nghỉ mệt thường tới ngồi dưới một tàn cây râm mát. Chẳng phải chỉ có bóng mát thôi đâu; tàn lá đang nhả ra oxy (dưỡng khí) cho người thở vào, nhờ lượng oxy tăng

⁽⁵⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển II, bài *Bát Tà Dâm* (1928).

cường đó mà người nông dân sớm lấy lại sự khỏe khoắn. Người ấy có biết được điều đó chăng?

Chó, mèo, ngựa, trâu, bò, lừa... cũng đang làm công quả giúp đời để tiến hóa. Loài người có ý thức được điều đó không?

Những người tiên bộ thấy mình cũng đang làm công quả giúp vạn vật tiến hóa. Các gia súc nào hữu phúc hữu duyên được phục vụ những người tiên bộ, có từ tâm thường được chủ gần gũi vuốt ve, chuyện trò với chúng, thì chúng lần lần hiểu được tiếng người, đoán được ý người. Như vậy, tuy còn mang lột thú nhưng tánh chất đã được nâng cao trên đường tiến hóa.

Đức Vô Cực Từ Tôn có lần dạy về mối tương quan giữa người và vạn vật chúng sanh như sau:

“Một phần tử của mỗi con đều có liên hệ mật thiết với vạn vật và vũ trụ, chẳng khác nào một lá một cành trong đại toàn thể của cây. Một con làm lỗi gây ra tội ác đau khổ thì toàn thể chúng sanh đều phải chịu ảnh hưởng đau khổ.”⁽⁶⁾

Để hiểu rõ và tin nơi lời dạy của Đức Từ Tôn, ta nhớ lại những chuyện cổ, tích xưa: đất nước nào có một ông vua bạo ngược, ác đức, triều đình ít người lành, nhiều kẻ dữ, thì không những dân chúng chịu khổ vì nhân họa, mà còn chịu khổ vì thiên tai, mưa không thuận, gió không hòa, mùa màng thất bát.

Ngược lại, nếu vua là bậc minh quân, triều thần noi gương vua lấy đức mà chăm lo cho bá tánh, thì không những nhà nhà an vui hạnh phúc, mà ruộng vườn lại được trúng mùa, mưa thuận gió hòa.

⁽⁶⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10 rạng 11-5 Giáp Thìn (19-6-1964).

Người tu hành tiên bộ thấy mối tương quan giữa thiên địa, người và vạn vật quả là kỳ diệu.

III. NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI VẬN DỤNG NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA VẠN VẬT NHẤT THỂ VÀO PHƯƠNG PHÁP TƯ TƯỞNG VÀ QUYẾT ĐỊNH TƯƠNG LAI CỦA MÌNH RA SAO?

1. Nhìn mọi sở vật thực tại với tư tưởng đại đồng, tương quan

a. Nhìn nhân loại thì thấy mọi người đều bình đẳng, vì mỗi mỗi đều là con cái của Thượng Đế, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giai cấp, khôn đại, sang hèn... Từ đó tập có thái độ đại đồng như Đức Chí Tôn dạy:

*Thầy ngự trong lòng mỗi chúng sanh
Chúng sanh giác ngộ biết tu hành
Thương yêu mưa tách điều khôn đại
Điều độ đừng chia kẻ dữ lành
Tiên Phật không riêng quyền với tước
Thánh Thần chẳng lựa lợi hay danh...⁽⁷⁾*

b. Nhìn vạn vật thì xem vạn vật cùng với mình cũng là anh em, cùng sanh ra trong đức háo sanh của Thượng Đế, trước sau đang trên đường tiến hóa. Bởi vậy, ăn chay ngoài tác dụng dưỡng sinh còn là vì tình thương yêu muôn loài hằng sống trong tình thương yêu vô cực, chẳng những ái nhân mà còn ái vật:

*Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương
Căn bản làm đầu một chữ thương
Thương chúng, thương mình, thương tất cả
Thì đem chơn đạo sớm hồng dương.⁽⁸⁾*

⁽⁷⁾ Đức Chí Tôn, thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

⁽⁸⁾ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 04-9 Quý Sửu (29-

Và “*Vì các con là một trong vạn vật chúng sanh, mà vạn vật chúng sanh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy, các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy.*”⁽⁹⁾

Qua những cái nhìn nêu trên, đạo Cao Đài đã nêu lên tôn chỉ công bình, bác ái, từ bi từ ngày khai Đạo. Chủ trương của đạo Cao Đài không những xây dựng tình huynh đệ đại đồng giữa loài người, mà là giữa tất cả chúng sanh vạn vật. Tạo cảnh thiên đàng tại thế gian chẳng phải chỉ riêng cho loài người mà cho cả chúng sanh vạn vật, hệ quả đương nhiên của mối tương quan như đã nói trên đây.

c. Nhìn các tôn giáo trên thế giới thì cảm nhận và chứng minh được thực tiễn nhất lý giữa các tôn giáo, rằng *từ nguồn gốc Đại Đạo phát sinh ra Tam Giáo Đạo*, và đến thời kỳ này thì *Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo*.

d. Nhìn vào tôn giáo mình thì kêu gọi cùng nhau:

*Nguyện chung sức mở đường đại chúng
Đem Đạo mẫu công dụng mọi nơi
Cho người thông cảm cùng người
Đẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.*⁽¹⁰⁾

e. Hướng về Thượng Đế, tức là nhìn vào tâm lành của mình mà xét, thì thấy lý thiên nhân hiệp nhất và xác tín con người có khả năng hiệp nhất với Thượng Đế. Đức Chí Tôn dạy:

- Thầy là các con, các con là Thầy.⁽¹¹⁾

*- Thật là diệu diệu, huyền huyền
Trời người có một, chẳng riêng khác gì.*⁽¹²⁾
*- Con là một thiêng liêng tại thế
Cùng với Thầy đồng thể linh quang
Khóa chìa con đã sẵn sàng
Khi vào cõi tục khi sang Thiên Đình.*⁽¹³⁾
*- Người với Trời thể chất song song
Nếu mình bền chí gia công
Tu thân luyện mạng cũng mong thành Trời.*⁽¹⁴⁾

2. Con người tự quyết định tương lai của mình

Sau khi nhìn xuyên suốt dưới trên vấn đề ở nhiều góc cạnh như trên, chúng ta đã xác tín nguyên lý thiên địa vạn vật nhất thể; xác tín nhất thể ấy là Thượng Đế; rồi xác tín con người có khả năng hiệp nhất cùng Thượng Đế. Những xác tín ấy đem lại cho con người những ý nghĩa gì?

Mang thân xác con người vẫn chưa phải đã là đạt nấc thang cùng tốt của cuộc tiến hóa. Ngay trong kiếp người, tâm thức còn có nhiều trình độ khác nhau, và sau kiếp người còn có các nấc thang tiến hóa lên bậc siêu phàm. Đang chờ đợi con người ở nấc thang cao vót của cuộc hành trình là giải thoát, là an vui tự tại, là phản bản hoàn nguyên, hợp nhất với Thượng

⁽¹¹⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

⁽¹²⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, bài Đại Đạo Phục Hưng Cao Đài Xuất Thế, đàn ngày 20-9 Bính Tý (1936).

⁽¹³⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

⁽¹⁴⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

9-1973).

⁽⁹⁾ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

⁽¹⁰⁾ Bài Cầu Nguyện của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Đế.

Nhưng khả năng tinh thần tiến đến mức vinh quang trong tương lai ấy là khả năng độc lập. Phát nguyên từ Thượng Đế, nhưng con người tự do quyết định và hành động, thuận hoặc nghịch Thiên cơ (quy luật tiến hóa). Thuận, thì tiến lên, nhanh hay chậm cũng chính do nơi con người. Nghịch, thì luân hồi, đọa lạc, để chịu trui rèn mãi cho tới khi ý thức được Thiên cơ tiến hóa và hành theo Thiên cơ ấy.

Bởi các ý nghĩa đó, chúng ta tâm niệm: con người cũng như vạn vật đều không thể đứng bên ngoài cuộc tiến hóa của trời đất, mà phải biết sống hòa hợp theo quy luật tất yếu của trời đất, lo tu hành tinh tấn nhằm đạt tới những nấc thang còn lại của vòng tiến hóa.

Về phương pháp tu hành, giáo lý Cao Đài chỉ bày phương pháp Tam Công (công quả, công trình, công phu) để làm căn bản, với mấy bí quyết sau đây:

a. Không hướng ngoại để tìm Đạo, tìm Trời, mà nhất thiết phải hướng vào tâm, tìm cho được Thiên Tâm hay Thánh Tâm, Chơn Tâm, Linh Tâm... dưới lớp nhân tâm, tìm cho được cái Ta Thiên Tánh ngoài cái ta bản ngã. Đó là vai trò của công phu giúp hành giả tập làm chủ thể xác lẫn tinh thần, kèm chế vọng tâm để phát sanh trí huệ, hiển lộ Thiên Tâm, hành động theo Thiên Tánh. Đức Cao Triều Trực dạy:

“Không tìm được cái Ta Thiên Tánh thì biết đời thuở nào mới kết quả được ý nghĩa câu Thầy là các con, các con là Thầy.”⁽¹⁵⁾

Nói cách khác, người tu hành khám phá và trân trọng chăm sóc phần nhất thể với Trời ở nơi mình, làm sáng cái nhất thể

đó mãi, tức là làm tăng trưởng mãi khả năng phối Thiên (kết hợp cùng Trời) nơi mình.

b. Về công quả, vượt lên khỏi ý niệm làm công quả giúp vật, giúp người để cầu phước cho mình, để trả nợ tiền khiên. Trong Tam Kỳ Phổ Độ, giáo lý Cao Đài đặc biệt minh thị cho con người một công quả lớn lao vinh diệu: làm công quả giúp Trời, hợp nhất với Trời để thực hiện Thiên cơ tái tạo đời thánh đức. Đó là sứ mạng tạo thế Nhơn hòa, thực hiện phần cứu cánh thế đạo đại đồng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thiên nhân hiệp nhất vì vậy bao hàm hai ý nghĩa:

(1) Hiệp nhất với Trời lúc ta còn ở kiếp người. Vô vi (Trời) và hữu hình (người) hiệp nhất để thúc đẩy Thiên cơ.

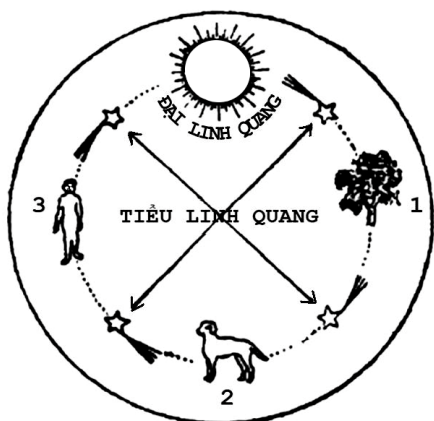
(2) Khi sứ mạng thiên ân đã hoàn thành thì tiểu linh quang (người) trở về hiệp nhất cùng Đại Linh Quang (Trời).

Người tín đồ Cao Đài phải vượt lên khỏi giới hạn công quả thông thường, trân trọng đón nhận chiếc áo Thiên ân, tích cực góp phần làm rạng rỡ sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thế Đạo đại đồng cũng đạt mà Thiên Đạo giải thoát cũng thành.

⁽¹⁵⁾ Thiên Lý Đàn, 09-9 Canh Tuất (08-10-1970).

CÁC NẮC THANG TIẾN HÓA

Những nấc thang tiến hóa của vạn vật chúng sanh, trong đó có con người, được *Đại Thừa Chơn Giáo* (Cao Đài Chiếu Minh) minh họa như sau:



Chu trình tiến hóa từ kim thạch lên thảo mộc, từ thảo mộc lên thú cầm, từ thú cầm lên làm người, rồi từ đẳng cấp người tiến lên trở về cực vị hiệp nhất cùng Chí Tôn Thượng Đế (Đại Linh Quang) là một chuỗi dài phụng sự, hy sinh, với “*biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời, mãn kiếp nợ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi.*”⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, bài *Nhơn Vật Tấn Hóa*, đàn ngày 12-8 Bính Tý (1936).

Mỗi chặng đường tiến hóa như vậy, thời gian là bao lâu? Bao nhiêu kiếp thú mới được lên làm người? Bao nhiêu kiếp người mới đạt được phẩm vị Thánh Tiên Phật, tiến tới hiệp nhất cùng Chí Tôn Thượng Đế?

Vấn đề này được giải thích bằng hai luật *nhân quả* và *luân hồi*. Nhân quả và luân hồi là hai “luật vệ tinh” cung cấp yếu tố cho *định luật tiến hóa* vận hành.

Ai tu hành tinh tấn, hy sinh giúp đời nhiều, tạo nhân lành nhiều, công đầy quả đủ, có đủ điều kiện tâm linh thanh nhẹ thì được giải thoát khỏi đẳng cấp hiện tại để bước lên nấc thang tiến hóa cao hơn. Nếu công chưa đầy, quả chưa đủ, thì tuân theo luật luân hồi mà tái chuyển kiếp để lập thêm công, bồi thêm đức, tiếp tục con đường tiến hóa.

Trên đường tiến hóa để giải thoát mình, con người thông thường phải chuyển kiếp nhiều lần, vì dầu một kiếp người có được trăm năm đi nữa, thì liệu trăm năm có học hỏi, có được trui rèn bao nhiêu để đủ điều kiện thanh nhẹ, nhất là đối với những ai không cố gắng tu hành cho tâm hồn mình được thanh cao. Mỗi kiếp là một trạm dừng chân, hành giả nhớ mà lập tâm, để mỗi khi cất bước lên đường thì rào bước đi lên, chớ đứng rong chơi quanh quẩn, thậm chí mê chơi rồi chạy xuống dốc trở lại giam hãm mình trong khe lạch của đẳng cấp thấp kém hơn. *Nhân quả, luân hồi* là hai quy luật khách quan tất yếu, chẳng thiên vị dung tha ai.

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

“*Trên đường tiến hóa, những chơn linh ví như những khách lữ hành đã trải qua không biết bao nhiêu trạm dừng chân đối bến. Ráng tu, ráng học để cho xứng đáng một kiếp làm người, bởi vì con người tiến hóa ở trạm cuối cùng đó là ngày hiệp nhất cùng Chí Tôn Thượng Phụ. Nếu những hành*

khách thích dừng chân mua sắm, nặng mang, thích thụ hưởng, thì trở chuyển đồ, cứ mãi luân chuyển lên xuống xuống lên của kiếp luân hồi, e càng khổ lụy nhiều thêm, phí biết bao nhiêu thì giờ ở những trạm dừng chân.” ⁽²⁾

Mang nặng hành lý nên tới trễ, phải lỡ chuyến đò, thật là điều đáng hối tiếc. Nhưng Đức Vạn Hạnh Thiền Sư còn dạy thêm để hành giả tránh cái cảnh vừa hối tiếc, vừa lỡ khóc lỡ cười. Giả thiết như đặc biệt có ai đó cố gắng tới kịp đò, phải ngõ ngàng biết bao khi nghe Đức Vạn Hạnh Thiền Sư là người chèo đò cất giọng ngâm nhẩn nhừ:

*Nước biếc sông xanh một chiếc đò
Ai qua bì ngạn giúp đưa cho
Bao nhiêu hành lý xin chừa lại
Chỉ chở Hà Đồ với Lạc Thơ.* ⁽³⁾

Trước tình cảnh này, chẳng phải đơn giản quăng bỏ hành lý thì sẽ được sang sông. Bởi lẽ khừ nhân dục mới tồn thiên lý; mà hành giả còn xách theo những vật ham thích mua sắm dọc đường, nhân dục không khừ thì làm sao có được Hà Đồ với Lạc Thơ (thiên lý) để sang sông?

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

“Con người phải tu. Tu không phải dành riêng cho những người khoác áo cà sa hay thiên phong chức sắc, mà tất cả mọi người đều phải tu. Biết tu mới tiến hóa, vì nơi trần gian là trường tiến hóa của nhơn loại.” ⁽⁴⁾

Một lần khác, Đức Giáo Tông dạy:

“Chư đệ muội phải đạt đạo trong kiếp hiện sinh mà đừng

⁽²⁾ Minh Lý Thánh Hội, 07-01 Quý Sửu (09-02.1973).

⁽³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 09-11 Kỷ Dậu (17-12-1969).

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

bao giờ để chịu luân hồi nghiệp quả nữa.” ⁽⁵⁾

Lời dạy của Đức Giáo Tông mang tính khẳng định, dựa trên cơ sở khả thi. Cơ sở khả thi “*đạt đạo trong kiếp hiện sinh*” căn cứ vào hai yếu tố thuận lợi hy hữu và một điều kiện then chốt do hành giả chính mình tự do quyết định:

- Yếu tố thuận lợi hy hữu đầu tiên, đó là thời kỳ đại ân xá: tội tiền khiên thì được chiết giảm, công quả hiện tại, như là công quả lo cho Đạo Trời, thì được tính với *hệ số ba*. ⁽⁶⁾

- Yếu tố thuận lợi hy hữu thứ hai là được chính Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng trực tiếp dạy dỗ và ban cho tân pháp Cao Đài. ⁽⁷⁾

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-01 Nhâm Tý (11-3-1972).

⁽⁶⁾ Đức Đông Phương Chương Quân dạy: “*Thời đại ân xá, ai tu cũng có thể được đắc quả. Một việc làm thiện dầu nhỏ nhen đến thế mấy đi nữa cũng vẫn là việc thiện và được ghi ở hệ số ba.*” Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972).

⁽⁷⁾ Đức Đông Phương Chương Quân dạy: “*Thời kỳ mạt pháp, Thượng Đế không giao chánh pháp cho tay phạm, nên mới dùng linh cơ mà dạy Đạo. Nếu không có cơ bút thì Bản Đạo làm sao gặp gỡ với chư hiền. Nếu bé hăn cơ bút thì tất cả nhơn sanh phải chết chìm trong dục hải, do những tà điển, dục điển, hậu thiên điển mà ra.*” Thiên Lý Đàn, 15-6 Bính Ngọ (01-8-1966).

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy: “*Hiện tình nhân loại ngày nay đã tiến hóa rất nhiều trên phương diện lý trí. Những khối óc tinh xảo hầu hết đặt ước vọng vào công cuộc tầm thiên quật địa khuynh đảo sơn hà. Vì vậy mà Đức Thượng Đế không giao chánh pháp cho tay phạm nắm giữ. Tam Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế chính mình giáng trần chọn lựa nguyên nhân thánh thiện trao gởi quyền pháp để phổ độ toàn linh, xiển dương chánh pháp cho Đại Đạo lập thành, thế giới mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh.*” Trúc Lâm Thiên Điện, 02-01 Canh Tuất (07-02-1970).

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy: “*Thời kỳ mạt pháp, Đức Đại Từ Phụ*

- Còn điều kiện then chốt là sự tự do quyết tâm tu hành của hành giả. Hễ quyết tâm muốn thì được.

Để tự biết mình đang ở vị trí nào trên con đường tiến hóa, thử xét ba tình huống thực tế như sau:

Tình huống 1

Một số hành giả đã và đang rảo bước đi nhanh. Đó là những người hăng say công quả; siêng năng công phu; kiên trì công trình luyện kỹ, trau dồi *ngũ đức* cho cuộc sống đủ đầy *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín*; từng bước mở rộng tình thương, từ công bình tới bác ái, từ bi, hy sinh giúp đời v.v... Đó là những người đang thực hiện lời dạy của Đức Giáo Tông là “*quyết đạt đạo trong kiếp hiện sinh*” để không bao giờ còn phải “*chịu luân hồi nghiệp quả.*”

Tình huống 2

Nhiều hành giả bụng cũng muốn rảo bước cho mau tới bến

không giao chánh pháp cho tay phàm. Tất cả những bộ óc, lý trí khôn ngoan của loài người có thể làm cho rung chuyển hoàn cầu thế giới, có thể vượt cả không gian và theo dõi thời gian, nhưng chưa có kẻ nào xứng đáng để nắm được chánh pháp của Đức Chí Tôn hầu cứu rỗi muôn loài. Chính mình Thượng Đế Chí Tôn giá lâm cõi hồng trần để giáo đạo, thử hỏi còn đại phúc nào bằng trong kỳ đại ân xá ở trần gian?” Trúc Lâm Thiền Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (18-8-1970).

Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy: “*Chí Tôn hằng nói Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy không giao chánh pháp cho tay phàm, vì e còn phàm tâm lẫn lộn, bớt một thêm hai, gia giảm đến nỗi thất kỳ truyền như hai kỳ phổ độ vừa qua. Chí Tôn cầm quyền chưởng quản với sự phụ lục của hàng Tam Giáo, Tam Trấn bằng phương tiện huyền cơ diệu bút.*” Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Canh Tuất (11-01-1971).

tới bờ, nhưng thân lại còn bị nhiều vướng mắc. Những điều quuyến rũ, những cám dỗ bên đường còn đủ sức khiến hành giả nhiều lúc chậm chân lại để ngắm nghía, thưởng thức, hoặc dừng chân lại để sắm mua, làm cho thêm nặng gánh mang theo. Những hành giả này cũng nói công quả, công phu, công trình, nhưng thực hành không đầy đủ, không rốt ráo được vì còn phải dành thời giờ để ngắm nghía sắm mua...

Tình huống 3

Ngoài những quuyến rũ bên ngoài làm chậm bước đi lên, hành giả còn phải đối phó với bao chướng ngại, những câu móc từ bên trong, chúng trì kéo dai dẳng làm cản trở mức độ tinh tấn của hành giả. Chướng ngại điển hình có thể là:

- *Chấp ngã*: là một loại câu móc có nhiều ngạnh, trì kéo nhiều phía khiến hành giả khó tiến lên được trên cả ba mặt công quả, công phu, công trình. Ôn Trên dạy phá chấp để tiến hóa, phá chấp để giải thoát; nhưng phần đông vẫn còn nê chấp.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“*Về đạo tâm và tín ngưỡng phần đông đều tốt, nhưng phần chấp ngã chấp tha còn quá nặng.*”⁽⁸⁾

- *Sân nộ*: là họ hàng bà con với chấp ngã, cũng làm trì trệ con đường tiến hóa. Bởi vì lòng chưa mở rộng để sẵn sàng tha thứ, bỏ qua, còn chấp nê hay giận, hay nổi nóng khi gặp điều gì trái ý. Nhiều người tự nhận xét nói mình giận sôi gan, giận muốn phát điên lên, v.v... Chính cái nóng giận nó thiêu đốt thật nhanh tất cả công trình tu luyện mà người tu vốn phải lâu ngày dài tháng, từng bước từng bước mới thu liễm được chút ít.

⁽⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

Chính cái sân nô như phát điên, như cuồng trí đưa tới những hành động trái đạo lý. Biết thế, nhưng trong giới tu hành, nạn nhân của sân nô vẫn còn nhiều.

Khi thấy lúc này đạo hữu A “nguội” hơn lúc trước, không còn cảnh một chút phật lòng trái ý là nổi tam bành lục tặc lên, đương nhiên mọi người công nhận đạo hữu A có tiến bộ.

Đạo hữu A còn tiếp tục tiến bộ được nhiều mặt khác, như thế đạo hữu ấy đã tu hành tinh tấn, và đang thực hiện được một tiến trình thăng hoa cao đẹp.

Tiến hóa có thể hiểu là tiến tới mức độ đạt được điều kiện chuyển hóa về chất, trở nên thanh nhẹ, cao đẹp hơn. Thí dụ: thảo mộc tiến hóa thành thú cầm, thú cầm tiến hóa thành người, người tiến hóa lên hàng Hiền Thánh, Tiên Phật và bước tiến hóa cuối cùng là ngày hiệp nhất cùng Chí Tôn Thượng Đế.

Cũng cần nói thêm về sự tiến hóa từng phần. Một hóa nhân lúc đầu còn sống với nhiều thú tánh, sau nhiều bước tiến bộ, bỏ bớt dần thú tánh, chuyển hóa cuộc đời mình lên hàng có nhân phẩm, rồi từ đó trau giồi nhân phẩm, học gương đức hạnh của Hiền Thánh, Tiên Phật, sống thuận theo Thiên Tánh... Đó là con người đã từng bước, từng phần thực hiện những giai đoạn tiến hóa.

Tiến hóa chẳng phải chỉ có sự chuyển hóa về chất ở mặt tánh tình đức hạnh, mà còn tác động cho sự thăng hoa về mặt thể chất hình hài nữa.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Đừng nề chấp. Phải tập cho lòng mình có chút trắc ẩn xót thương tội nghiệp giùm cho người. Sau thời gian lâu ngày, tự thấy lòng mình từ ái vô biên, thanh cao mát mẻ, từ đó thể hiện lên nét mặt dễ kính dễ mến, dễ gây thiện cảm với mọi

người.”⁽⁹⁾

Những bậc chân tu đạt trình độ tiến hóa cao về tâm linh, các vị ấy thể hiện về “tiên phong đạo cốt”, với gương mặt sáng ngời rạng rỡ ánh từ bi, với tiếng nói đầy khí lực nhưng đượm nét hiền hòa và khả năng cảm hóa, thuyết phục người nghe, với dáng đi khoan thai nhẹ nhàng... Phong thái ấy như muốn nói rằng các vị ấy chẳng còn bị phiền não chi phối buộc ràng.

Người tu hành còn phải quan tâm tới một điểm quan trọng mang tính khoa học, giúp rút ngắn con đường tiến hóa, đó là sự tác động tích cực của môi trường sống, theo ý nghĩa thông thường *gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*. Hành giả cần phải chuyên tâm gần gũi với các Đấng thiêng liêng, để tư tưởng của các Đấng trọn lành thấm nhập vào tâm hồn mình, ngày càng trở nên thân thuộc đối với mình. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo từng dạy và nhắc nhở người tu *“mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện”*,⁽¹⁰⁾ mục đích là để con người trở nên gần gũi, quen thuộc, bắt chước theo gương lành xử thế giúp đời của Thánh Hiền.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng trọn lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.”⁽¹¹⁾

Nhằm hiểu rõ thêm vấn đề, thử quan sát, nghiệm suy về chú chó ngoan Tô Tô. Tô Tô siêng năng trung thành, quần

⁽⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

⁽¹⁰⁾ Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đản), 15-11 Ất Ty (07-12-1965).

⁽¹¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

quýt bên chủ, nhờ đó mà nghe quen tiếng người, hiểu biết dần tính ý chủ, cảm biết được lúc nào chủ vui, chủ buồn, chủ giận, và Tô Tô đáp ứng lại tình cảm của chủ một cách xuất sắc, thậm chí đoán biết được ý chủ qua ánh mắt của người.

Tô Tô là thú, nhưng đã thụ đắc được khả năng người, và tính người đang phát triển nơi Tô Tô nhờ lòng tốt của chủ rất thương Tô Tô và dạy dỗ Tô Tô. Người tín đồ Cao Đài hiểu rằng Tô Tô đang tích lũy điều kiện để giải thoát khỏi kiếp thú, tiến hóa lên kiếp người.

Bài học thực tiễn và cụ thể ở đây là: nhờ trung thành phục vụ bên cạnh người chủ tốt mà Tô Tô học được tình ý người. Con người cũng thế, nếu biết gần gũi các Đấng trọn lành, cải tạo tư tưởng hằng ngày theo lời Tiên tiếng Phật, thì con người sẽ tích lũy được điều kiện để tự giải thoát khỏi nẻo hẹp phạm phu, nhẹ bước trên đường tiến hóa thênh thang và leo lên nấc thang cao hơn.

Tóm lại, người tu hành khi ôn tập lại những thánh giáo dạy về tiến hóa của Ôn Trên, cũng nên có lúc tĩnh tâm để tự xét xem hiện nay mình đang ở vị trí nào trên đường tiến hóa? và mình thuộc nhóm hành giả đang nhanh chân thẳng bước trên đường tiến hóa? hay mình thuộc nhóm còn thích dừng chơn trên đường để ngắm nghía, sắm mua?

Xét để quyết tâm đạt đạo trong kiếp hiện sinh, để đừng bao giờ còn chịu luân hồi nghiệp quả nữa.

ĐẠO VÀ ĐỨC

Đạo và Đức đi đôi là điều kiện để thực hiện hai câu đầu trong bài *Ngũ Nguyên* của tín đồ Cao Đài:

*Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai
Nhì nguyện phổ độ chúng sinh*

Về cầu nguyện, có thể nhận xét thấy rằng:

- Một số tín đồ hằng ngày niệm *Ngũ Nguyên* sau mỗi thời công phu hay lễ bái, nhưng chỉ niệm thuộc lòng theo thói quen mà không quan tâm tới ý nghĩa lời nguyện.

- Một số tín đồ cầu nguyện với mục đích van vái, cầu xin, trông cậy nơi tha lực, cầu xin Đức Chí Tôn ban ơn, vận chuyển cho Đại Đạo được hoằng khai, cho chúng sinh được cứu độ.

- Số tín đồ còn lại tiến bộ hơn, ý thức rằng chữ *nguyện* ngoài ý nghĩa van vái thông thường, còn có nghĩa tích cực là hứa nguyện để chủ động làm một điều gì hữu ích, một điều cần thiết mang tính vị tha.

Ôn Trên từng dạy rằng khai mở Đạo là việc của Trời, còn hoằng Đạo là việc của người. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

*Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương
Căn bản làm đầu một chữ thương
Thương chúng, thương mình, thương tất cả
Thì đem chơn đạo sớm hoằng dương.⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 04 -9 Quý Sửu (29-9-1973).

Về câu *Nhi nguyện phổ độ chúng sinh*, nếu xét dưới khía cạnh văn từ, rõ ràng động từ *phổ độ* được dùng ở thể chủ động, có nghĩa là chính người tín đồ hằng ngày hứa nguyện thực thi việc phổ độ chúng sinh.

Sau khi chính mình được may duyên ngộ đạo, thâm hiểu đạo lý và cảm nhận được giá trị thăng hoa trong đời sống tinh thần, người tín đồ Cao Đài tinh tấn phát tâm phụng sự Đạo, phục vụ nhân sinh, nguyện lãnh sứ mạng quảng bá Đạo Trời tới đồng bào, đồng loại. Các từ ngữ *phổ độ*, *độ đời* giờ đây mang ý nghĩa rộng rãi; độ đời, giúp đời về nhiều phương diện, với nhiều hình thức, vật chất lẫn tinh thần và cả tâm linh.

Từ khởi điểm phát nguyện tới đích điểm quảng bá Đạo Trời, con đường sứ mạng đòi hỏi nơi hành giả một số hành trang thiết yếu; các hội thánh và ban cai quản các thánh thất, thánh tịnh có trách nhiệm tổ chức, trang bị cho hàng ngũ tín đồ các cấp hành trang đó.

Muốn truyền bá mỗi Đạo rộng khắp thì trước nhất người tín đồ phải có sẵn một hành trang kiến thức tối thiểu về giáo lý. Ít nhất cũng phải biết rõ về:

- Mục đích, tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức đạo Cao Đài;
- Ý nghĩa của Thiên Nhãn;
- Cuộc đại ân xá kỳ Ba của Đức Chí Tôn;
- Cứu cánh Thế Đạo đại đồng và Thiên Đạo giải thoát của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ...

Để làm công việc phổ độ, người chức sắc và tín đồ cần thông hiểu tối thiểu những kiến thức giáo lý như vậy. Điều ấy cần thật cần, nhưng chưa đủ.

Thật vậy, tôn giáo nào cũng có nền giáo lý của mình.

Nhưng nếu giáo lý chỉ được phổ biến bằng kinh sách và bằng lời thuyết giảng thì chưa đủ điều kiện thực tế để cảm hóa nhanh chóng và độ được nhiều người. Ngoài những hình thức kinh sách và thuyết giảng, Đạo còn phải được thể hiện, được xiển dương bằng hạnh kiểm, tác phong, hành động cá nhân của hàng chức sắc và tín đồ, bằng chủ trương và tổ chức hoạt động của giáo hội và các giáo phẩm, đem Đạo ra ứng dụng để giúp đời, để cho nhân sinh nếm được hương thơm vị ngọt của Đạo, thấy được, cảm nhận được lợi ích thiết thực của Đạo không những cho đời sống xã hội mà còn cho cả đời sống tâm linh của mỗi người.

Đạo lý khi được người có đạo biểu hiện, bộc lộ qua những hành vi, việc làm cụ thể, người đời nhờ đó lãnh hội được tính thiết thực của Đạo; Đạo khi ấy được Thánh Hiền gọi là Đức, và như thế Đức giúp đạo lý trở thành dễ hiểu, dễ tin, có hấp lực cảm hóa nhân sinh.

Cho nên Đạo là nguyên lý, là phương châm, là căn bản; còn Đức là sự thực hành theo nguyên lý, theo phương châm đó, là sự triển khai thành hành vi hữu ích trên căn bản đó. Sự phân tích này đưa tới kết luận rằng hai chữ Đạo Đức gắn liền với nhau. Người biết sống hợp Đạo, đem Đạo giúp đời, là người có Đức...

Những ai ở trong cửa tôn giáo, mặc áo đạo, kể cả thuyết đạo giỏi mấy đi nữa, mà nếu không đem đạo lý ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày để phục vụ xã hội, phục vụ nhân sinh, thì chẳng khác gì đã làm trái với lời dạy của Đức Chí Tôn: *“Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn.”*⁽²⁾

Bánh vẽ khéo thì chắc chắn trông đẹp lắm, nhưng chẳng ăn

⁽²⁾ Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

được, nhân sinh không thể no lòng nhờ nhìn bánh vẽ. Cái thí dụ về bánh vẽ và bánh thật trong huấn từ của Đức Chí Tôn thật hết sức đơn giản, cụ thể, dễ hiểu; chẳng cần gì phải giải thích dài dòng, và người tín đồ nào biết thương Thầy thương Đạo cũng có thể suy gẫm mà thấm thía, mà tự xét mình xem bấy lâu nay đã cung cấp được cho đồng bào mình bao nhiêu chiếc bánh thật rồi?

Cũng còn một thí dụ tương tự khác: Đạo là bản thực đơn, Đức là những món ăn được dọn cho nhân sinh thưởng thức.

Câu hỏi được đặt ra ở đây là nhân sinh đang đói lòng cần bản thực đơn với tên những món ăn hấp dẫn, hay cần chính những món ăn? Nhân sinh nghĩ gì khi thấy một nhà hàng, một quán cơm trung ra một bản thực đơn thật hấp dẫn, mỹ miều nhưng khi thực khách đói lòng hỏi tới thì lại chẳng có đủ những món ăn đó dọn ra theo đúng yêu cầu của khách?

Cũng như thế đó, các tôn giáo đua nhau nói tình thương thì phải chuẩn bị sao cho càng ngày càng thêm đủ đầy tình thương dành cho bà con xóm giềng, cho đồng bào, quê hương xứ sở, cho nhân loại và chúng sinh. Tôn giáo nào, chức sắc hay tín đồ nào còn mắc nhược điểm có Đạo mà còn thiếu Đức, thuyết và hành chưa hợp nhất thì khó mong hoàn thành sứ mạng.

Đạo Cao Đài, nói cho cùng, là đạo tình thương. Tình thương khai thông hết mọi phân ly chia cắt. Cứu cánh đạo Cao Đài về phần Thế Đạo chính là nhắm tới tình thương yêu huynh đệ đại đồng. Tiêu ngữ *Công Bình - Bác Ái - Từ Bi* chính là ba bước của đạo tình thương Cao Đài.

Nếu mỗi người tín đồ Cao Đài đều ý thức rõ ràng, minh bạch rằng trong phạm trù Đạo Đức, Đạo là phần nhân sinh ngoài cửa đạo cần nghe, còn Đức mới chính là điều nhân sinh

khát khao mong đợi, thì ai ai cũng hết sức cố gắng ứng dụng, thì thổ cho được mặt Đức của Đạo tình thương với ba bước Công Bình - Bác Ái - Từ Bi của Tam Kỳ Phổ Độ.

Bài học tình thương trong đạo Cao Đài đặc biệt quan trọng. Đức Chí Tôn đã khuyên dụ con cái của Ngài phải thương yêu nhau, nếu chưa thương nhau được thì cũng không được phép ghét nhau:

*Thương nhau cũng thể thương Thầy
Ghét nhau cũng thể ghét Thầy sao nên.*⁽³⁾

Và cao hơn thế nữa, khó khăn hơn thế nữa, Đức Chí Tôn còn dạy:

“... và các con nên nhớ rằng nếu các con không thương được kẻ ghét mình thì khó mong gần gũi với Thầy...”⁽⁴⁾

Bảy năm sau đó Đức Chí Tôn nhắc nhở lần nữa:

“Thầy chỉ nhắc lại lời căn dặn: Các con hãy thương yêu kẻ ghét con mới gần Thầy được.”⁽⁵⁾

Ba năm kế tiếp, Đức Chí Tôn vẫn nhấn mạnh thêm một lần nữa:

“Thầy có dạy các con: Không thương được kẻ ghét con thì không gần được Thầy.”⁽⁶⁾

Cần hiểu rõ huấn từ của Đức Chí Tôn một cách khoa học: Thầy là Cha của sự thương yêu, vậy bản chất của Thầy là tình thương. Không có tình thương, thiếu tình thương, tức không đồng bản chất cùng Thầy, thì thử hỏi làm sao có thể hội nhập,

⁽³⁾ Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỳ Dậu (26-8-1969).

⁽⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty (04-03-1977).

hiệp một cùng Thầy?

Trên đây là đối tượng mình phải thương yêu. Thương chỉ tới kẻ ghét mình tức là thương hết tất cả mọi người rồi: từ người thân tới kẻ sơ, từ người thương mình tới kẻ ghét mình đều thương. Thế tức là đã noi được gương Trời, sống theo lòng Trời rồi. Sách xưa còn ghi lời Hiền Thánh: Trời không vì người dưng lễ mà ban phước, không vì người thất lễ mà giáng họa. Trời mưa, Trời nắng cho cả người lành lẫn kẻ dữ.

Về mực độ thương yêu, đạo Cao Đài có tiêu ngữ Công Bình - Bác Ái - Từ Bi.

Ở bước đầu, Công Bình là tập làm cho người khác điều gì mình muốn người ta làm cho mình. Thí dụ: Mình thích người khác thương yêu mình thì hãy biết thương yêu người khác; cũng vậy, điều gì mình không muốn chuốc lấy thì đừng gây ra cho kẻ khác.

Dân gian Việt Nam có câu: “*Thương người như thể thương thân.*” Có một chuyện thật để minh họa cho câu nói này:

Hằng năm, ngày rằm tháng Ba, đạo hữu các thánh thất, thánh tịnh và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ở thành phố đều giữ lễ về dự lễ kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự ở xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Thấy hai bên đường các ao nước đều cạn khô, các đạo hữu đều chạnh lòng thương đồng bào trong mùa nắng hạn bị thiếu nước, và ngẫm nghĩ nếu bản thân mình cũng sinh sống ở vùng này thì sẽ khổ cực biết bao.

Chính bởi thương người như thể thương thân nên Vĩnh Nguyên Tự bấy lâu nay, ngoài những ao nước xung quanh, còn có một hồ rồi tăng lên hai hồ chứa nước mưa để dùng và chia sót ít nhiều cho đồng bào lân cận và các em học sinh ở trường học ngay trước cửa chùa.

Mùa khô năm 1993, được sự hợp sức công quả của đạo hữu thành phố, Vĩnh Nguyên Tự đã thực hiện được chương trình khoan giếng sâu để cung cấp thêm nước cho bốn đạo và đồng bào quanh xóm đủ dùng.

Cũng chính vì lòng thương người như thể thương thân mà chánh quyền xã Long An và huyện Cần Giuộc đều nhiệt tình giúp đỡ, đề nghị với xí nghiệp cơ khí UNICEF tỉnh Long An ưu tiên thực hiện chương trình khoan giếng này cho Vĩnh Nguyên Tự.

Sau mức thương người như thương mình (Công Bình), hành giả tập mở rộng thêm mãi tình thương, thương người hơn thương mình (Bác Ái) và sau cùng, vì người quên mình (Từ Bi).

Mới nghe qua, có thể nhiều người cho là khó thực hiện, là điều không tưởng. Nhưng trong đời sống thực tế xưa nay chẳng thiếu gì người làm được điều vĩ đại đó một cách tự nhiên với động lực tình thương.

Nhiều bà mẹ nghèo thương con, không nỡ thấy con vì thiếu ăn mà ốm yếu bệnh tật, nên hằng ngày âm thầm nhịn bớt phần ăn của mình cho con. Ngược lại cũng có hàng hiệu tử nghĩ rằng mình còn trẻ, khỏe mạnh, nên nhịn bớt phần ăn của mình cho cha mẹ đã già yếu.

Động lực chính yếu vẫn là tình thương. Con người đã tự nhiên áp dụng được rồi đối với người thân, thì đạo lý dạy mở rộng thêm phạm vi đối tượng, từ người thân trong gia đình ra tới đồng bào bất hạnh trong xóm giềng, trong xã hội, quốc gia, rồi từ đồng bào ra tới đồng loại. Cũng không nên quên rằng giáo lý Cao Đài chẳng dừng lại ở tình thương giữa người và người, mà còn mở rộng ra cho tới tình thương đối với các loại chúng sinh.

Tiêu biểu cho những vị biết vì người quên mình là đông đảo các nhà từ tâm, những nhà khoa học, những nhân viên y tế, những nữ tu sĩ... quên mình lo chăm sóc, chữa trị những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Còn phải kể biết bao chiến sĩ, hàng hàng lớp lớp xông pha trong lửa đạn để giải phóng đồng bào mình, dân tộc mình khỏi ách nô lệ, để bảo vệ bờ cõi đất nước mình khỏi họa ngoại xâm.

Đạo lý tình thương cần phải được xiển dương không ngừng và Đại Đạo hoằng khai, về mặt Thế Đạo, là để đạt cứu cánh xây dựng được tình thương yêu đại đồng, không phân biệt màu da, sắc tóc, tôn giáo, giai cấp, ý thức hệ... Phổ độ chúng sinh là với cái ý nghĩa trọng đại này.

Đối với các tôn giáo thì trong Kỳ Ba cứu thế, Đức Chí Tôn kêu gọi vượt lên khỏi các bức tường phân chia ngăn cách, vươn lên tầm vóc Đại Đạo, hiệp tâm hiệp sức nhau thành một thực thể đạo cứu thế Kỳ Ba, đưa nhân loại trở về cuộc sống đạo đức, an lạc, tiến bộ, đầy tình thương với bản tính Trời.

Đức Chí Tôn đã chọn đất nước Việt Nam để gieo giống tình thương yêu đại đồng vì nơi này là đất lành, là môi trường mà ảnh hưởng Tam Giáo Đạo đã ăn sâu gốc rễ từ lâu; ăn sâu tới mức hòa nhập lẫn nhau trong tư tưởng con người, và con người trở thành ít nhiều là con người của Tam Giáo Đạo mà tự mình không hay biết.

Cụ Đồ Chiêu là một nhà Nho, sáng tác truyện Nho sĩ Lục Vân Tiên trên đường đi thi, đôi mắt bị mù vì khóc mẹ, phải vào tá túc trong một chùa Phật, rồi không phải Đức Phật hoặc một vị Bồ Tát nào đó tới chùa cứu bệnh cho Nho sĩ họ Lục, mà lại là:

*Đêm nằm thấy một ông Tiên
Bung cho chén thuốc mắt liền sáng ra.*

Phải chăng Cụ Đồ Chiêu cố ý xiển dương tinh thần Tam Giáo đồng nguyên trong danh tác của Cụ? hay Cụ Đồ Chiêu là người chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tam Giáo Đạo đến mức có lẽ chính bản thân Cụ cũng không dè?

Câu chuyện một Nho sinh vào tá túc nơi chùa Phật rồi nhờ thuốc Tiên chữa lành mắt được diễn tả một cách tự nhiên, không có gì phải đắn đo câu nệ. Rồi tới hàng ngũ độc giả mê thích truyện Lục Vân Tiên nữa, từ đồng bào bình dân chất phác tới những nhà văn học cao thâm chẳng thấy có ai lên tiếng chê cái tình tiết “lộn xộn tôn giáo” trong tác phẩm Lục Vân Tiên. Phải chăng với tinh thần Tam Giáo đồng nguyên, người Việt Nam mặc nhiên công nhận chuyện con nhà Nho vào ở chùa Phật và uống thuốc Tiên là bình thường, và có khi lại còn thú vị tán thưởng nữa?

Tóm tắt lại, có ba ý chính sau đây:

1. Đạo mà thiếu Đức thì khó cảm hóa được nhân sinh. Vậy phải hành động cụ thể giúp đời thì mới có điều kiện hoằng đạo, phổ độ chúng sinh.

2. Đức của người tín đồ Cao Đài là sự thể hiện tình thương đối với tất cả mọi người, kể cả người ghét mình và ở cả ba mực độ:

- Thương người như thương mình.
- Thương người hơn thương mình.
- Thương người quên mình.

3. Cái nôi Cao Đài được Đức Chí Tôn chọn đặt trên đất nước Việt Nam, nơi Tam Giáo Đạo đã ăn sâu gốc rễ, tạo môi trường thuận lợi, chỉ còn chờ hàng ngũ chức sắc và tín đồ Cao Đài biết ý thức một cách sáng suốt và đứng đắn về sứ mạng cao cả được ban trao.

THẮP SÁNG NGỌN ĐUỐC LƯƠNG TÂM

Chúng ta nghĩ gì về một người quên vặn đèn khi trời tối, mặc dù trong nhà có điện? Ta hãy liên hệ câu chuyện quên vặn đèn này với trường hợp người quên sử dụng ngọn đuốc sáng của lương tâm (đạo tâm, chơn tâm, Phật tánh, Thiên Tánh...).

Nho gia Vương Dương Minh còn định nghĩa lương tâm chính là Trời. Định nghĩa này nhắc ta nhớ lại một đoạn trong kinh Thánh của Thiên Chúa Giáo (*Mác-cô 4:39*):

Một hôm Chúa Giê-su cùng môn đồ đang đi thuyền trên biển Ga-li-lê. Bỗng chốc sóng to gió lớn nổi lên sắp nhận chìm thuyền. Một số môn đồ, trước cơn nguy mới nhớ tới Chúa nãy giờ đang ngủ quên, liền đánh thức Chúa dậy. Chúa Giê-su bèn lên tiếng phán: “Gió hãy yên, sóng hãy lặng”, và tức thì gió yên sóng lặng. (sóng gió ở đây là ẩn dụ, ám chỉ thất tình lục dục.)

Trong câu chuyện ẩn dụ này, thật ra chẳng phải Chúa ngủ quên, mà chính các môn đồ đã bỏ quên Chúa, và tới lúc lâm nguy mới nhớ tới Chúa. Cũng như thế đó, vì con người bỏ quên, không nhớ tới lương tâm, nên lương tâm ở vào trạng thái ngủ quên, ví như người trong nhà có điện mà quên vặn đèn khi trời tối, chịu sống trong cảnh tối tăm.

Bài viết này thử đưa ra một phương pháp thực tế và đơn giản: Đánh thức lương tâm dậy, hằng ngày kết giao mật thiết với Tâm, mời Tâm tham gia vào mọi sinh hoạt của mình, dù

trong một ý nghĩ hay cử chỉ, một lời nói hay hành động. Ta sẽ thấy kết quả vô cùng tốt đẹp, hữu ích, đời sống ta sẽ biến cải ngay trong chiều hướng đi lên, và cuối cùng ta sẽ thấy có lợi ích vô cùng nếu biết nhường ngôi chủ tể cho lương tâm ngự trị.

Phương pháp đơn giản mà hằng ngày ta có thể tập tành, thực hành được là:

- Nhìn và thấy bằng Tâm (Tâm: đạo tâm, lương tâm).
- Nghe bằng Tâm.
- Nói bằng Tâm.
- Ăn bằng Tâm.
- Làm mọi việc bằng Tâm.

1. NHÌN VÀ THẤY BẰNG TÂM

a. Mắt là cửa sổ của tâm hồn. Cái nhìn của con người biểu lộ sự vui, buồn, thương, ghét; biểu lộ sự thật thà chân chánh hay xảo trá bất lương; biểu lộ tính chất hiền từ hay ác độc, có lòng hay không có lòng. Trước một cảnh khổ, cặp mắt lộ vẻ thích thú? lãnh đạm? hay thương tâm? Mỗi người có thể quan tâm tự xét, tự đánh giá mình, rồi từ đó tự điều chỉnh, tập nhìn và thấy bằng Tâm.

b. Nhìn bằng Tâm thì thấy được những sự việc vô ảnh, không có trước mắt: chính bằng cái lối nhìn này mà các nhà lãnh đạo xứng đáng, những người có trách nhiệm, đạo cũng như đời, thấy được những bài toán khó, những bài toán lớn nhỏ của quốc gia, dân tộc hay của tôn giáo mình, của đồng bào hay đồng đạo, và thấy trước được những đáp số cho các bài toán đó, để rồi cố gắng hoàn thành cho bằng được những gì mà Tâm mình thấy rằng phải hoàn thành cho tròn sứ mạng.

c. Nhìn mọi sự vật bằng Tâm sẽ nhận thức được những bài học thâm diệu của thiên nhiên, thấy được Đạo ở khắp cùng. Ban ngày nhìn mặt trời bằng Tâm, ban đêm ngắm trăng sao bằng Tâm, mùa thu nhìn lá rơi bằng Tâm, ngày ngày và đó đây nhìn những dòng sông lặng lẽ chảy qua bằng Tâm, con người cảm nhận rằng đấng Tạo Hóa sanh thành vạn vật bởi cái Đạo bao trùm, Ngài dưỡng dục quần sanh rất đầy đủ mà rất tự nhiên, không ai hay biết để tán thưởng ca tụng Ngài. Như mặt trời, mặt trăng giúp vạn vật sinh trưởng và sống còn theo định luật tự nhiên, mà mặt trời, mặt trăng có bao giờ nói mình đã làm gì đâu? Có bảo thiên hạ, vạn vật khen ngợi mình đâu?

Dòng nước cứ chảy luân lưu vào những sông ngòi suối lạch, chỗ nào trũng thấp không có nước, tức thì nước cứ êm đềm chảy đến đó cho đầy đủ mới thôi. Có bao giờ nước lại ham chảy lên gò, lên chỗ cao đâu?

Nhìn sự vật bằng mắt, sẽ thấy mặt trời là mặt trời, mặt trăng là mặt trăng, dòng nước là dòng nước, thế thôi. Nhìn bằng Tâm, con người lãnh hội được những bài học của trời đất, thấy lòng mình lặng lặng hòa nhập với lý Đạo, thấy Tâm mình hứng khởi muốn noi theo hành động của Trời mà làm theo...

2. NGHE BẰNG TÂM

- Nghe bằng tai với phàm tâm, thì thích nghe giọng nói xuôi tai, những lời xu phụ. Nghe bằng Tâm thì mới có cái nghe của vua Vũ theo kinh sử: “*Vũ văn thiện ngôn tắc bá.*” Nghe ai khuyên điều lành, vua Vũ liền bá tạ.

- Nghe bằng Tâm (thí dụ như khi nghe thuyết đạo) thì mới có cái nghe say sưa thích thú, theo dõi sát sao lời và ý của diễn giả, mới tiếp thu dễ dàng, đầy đủ, và mới phát tâm hành theo

đạo lý. Chắc chắn là với lối nghe bằng Tâm này mà Đức Khổng Tử đã thốt ra câu: “*Triều văn Đạo, tịch tử khả hỷ.*” Sáng nghe được Đạo, chiều chết cũng vui.

- Nghe bằng Tâm thì mới nghe được tiếng gọi của hồn thiêng sông núi, nghe được tiếng rên siết thâm lặng của kẻ cực khổ lầm than.

- Bằng Tâm thì khi nghe tiếng gió đổi chiều, nghe tiếng mưa rơi, nghe ký hiệu của đêm ngày... sẽ cảm thấy như nghe khúc nhạc của vũ trụ đất trời hòa điệu, hòa nhịp với nhau giữa âm dương đêm ngày, giữa bốn mùa tám tiết, tiếp nối nhau một cách đều đặn nhịp nhàng để dưỡng dục quần sanh.

- Nghe bằng Tâm thì mới nghe được “*tiếng nói vô thanh*” của Đạo, tiếng nói phải lắng lòng trong sạch để mà nghe.

3. NÓI BẰNG TÂM

- Lời nói, giọng nói, cách nói cũng phản ảnh trạng thái của tâm. Bằng Tâm thì lời nói luôn luôn mang tính chân thành, xây dựng, cách nói ôn tồn, giọng nói ngọt ngào mát mẻ, khiến người nghe thích nghe và vui lòng hưởng ứng. Dù là lúc phải bày tỏ sự bất đồng ý kiến, sự chằng bằng lòng... lời nói bằng Tâm vẫn có một hương vị “*dễ nếm*” chứ không có mùi vị đắng cay khó chịu.

Người ta thường khuyên các diễn giả nói bằng Tâm, vì thính giả không những nghe bằng tai, bằng óc mà còn nghe bằng Tâm nữa.

- Nếu điều trên đây đúng với một diễn giả nói chung, thì nó lại càng đúng, càng là vấn đề quan trọng đối với người thuyết đạo. Bởi lẽ đối với một người thuyết đạo thì phải vừa nói đạo vừa chứng minh được Đạo. Mà Đạo ở đâu nếu chẳng phải là ở trong Tâm? Thế cho nên, người nói đạo phải nói bằng Tâm,

để cho thánh giả vừa nghe nói đạo, vừa nhìn thấy được Đạo qua lời nói, giọng nói, cách nói, qua ánh mắt, qua cử chỉ của diễn giả.

Người nói đạo bằng Tâm sẽ tránh được mặc cảm, cả mặc cảm tự tôn lẫn mặc cảm tự ti.

Người thuyết đạo bằng trí thì hay có thái độ tự kiêu tự phụ, ý lại vào mớ kiến thức và hạ trí của mình mà họ cứ tưởng đâu là nhiều.

Người thuyết đạo bằng Tâm ở gần với Đạo hơn, và ở gần với Đạo, càng học đạo thì càng thấy như khi càng bơi ra xa thì càng thấy bề Đạo thêm bao la. Khoảng cách từ phía sau lưng mình vào bờ có thẳm thía gì, có nghĩa lý gì so với khoảng rộng trời nước mênh mông phía trước mặt mình. Thế thì có gì mà tự kiêu tự phụ, chỉ nên khiêm nhường và kính yêu thánh giả là hơn.

Lời nói thiếu lòng khiêm nhường là lời nói gây mất cảm tình, lời nói thiếu lòng kính yêu thánh giả là lời nói khô khan không tỏa được tình yêu thương huynh đệ và không làm cảm động được lòng người.

Ngược lại, người thuyết đạo cũng chẳng có lý do gì để mặc cảm tự ti. Thuyết đạo là mang tác lòng thành của mình ra để trình bày lại những gì mình thấy là hữu ích và muốn chia sẻ, trao đổi với những đạo tâm cùng trên con đường tâm tu học đạo như mình. Làm một việc với tác lòng thành phụng sự, nếu có chi sơ sót thì sẵn sàng đón nhận những điều bổ khuyết của đạo hữu vì tình thương yêu mình mà chỉ bảo giúp cho. Với cái tâm thành mát mẻ thì việc gì cũng đơn giản, chẳng có gì đáng để mặc cảm lo âu.

- Còn một trường hợp phải nói bằng Tâm vô cùng quan trọng, đó là khi ta đọc kinh, khi ta cầu nguyện.

Khi ta cầu nguyện với Thượng Đế, chính là lúc ta thỏ thẻ nói chuyện với ông Cha mình, nói chuyện với đấng Đại Từ Phụ rất thương yêu mình và mình cũng hết dạ kính yêu Người.

Ở thế gian này, có ai khi nói chuyện với Cha mình mà lại miệng vừa nói, mắt lại lảo liêng ngó đâu đâu, tâm thì tưởng nghĩ tới những điều gì, hoặc tưởng nhớ tới ai khác hơn Cha mình. Còn lời nói, giọng nói nữa, có ai lại nói với một âm điệu khô khan như chiếu lệ, lạt lẽo như xa cách vô tình. Thế cho nên, khi nghe giọng một người đọc kinh, nghe giọng một người niệm danh Thầy và các Đấng thiêng liêng, ta có thể đánh giá, đo lường được mức độ kính thành, mức độ yêu thương gần gũi của hành giả đối với Thượng Đế, với Chơn Sư...

Khi đánh giá mức độ yêu thương Thượng Đế của người khác qua lời cầu nguyện, qua giọng cầu nguyện, thì chúng ta cũng đánh giá mức độ yêu thương Thượng Đế của chính ta. Trong chúng ta chắc chắn là không ít người đã chứng nghiệm rằng khi tâm thành và lời cầu nguyện quyện nhau để dâng lên Thượng Đế, ta tiếp ngay được luồng điển thông công giữa Trời và người, giữa Chơn Sư và đệ tử:

Lòng thành như thiết như tha

Lòng thành cảm ứng liền tòa chứng minh.⁽¹⁾

Cầu nguyện mà không tiếp được ân điển thì cần xét nét liền xem Tâm mình có đang cùng mình cầu nguyện hay không?

4. ĂN BẰNG TÂM

Nếu có ai dùng vị giác thông thường để ăn, lại bảo rằng ăn

⁽¹⁾ Bài kinh cúng Đức Quan Âm Bồ Tát.

chay ngon hơn ăn mặn, thì chắc ít có người tán đồng như vậy. Muốn ăn chay cho ngon, không thêm mặn, nhứt là lúc mới bắt đầu ăn chay trường, thì phải ăn bằng Tâm.

Để nói một cách rõ ràng, giữa người ăn thịt... chớ khen ngon và người mới nghe nói tới đã bắt tội ngược rồi, thì cũng chỉ có vấn đề ăn bằng lưỡi hay ăn bằng Tâm mà thôi.

5. LÀM MỌI VIỆC BẰNG TÂM

a. Thực tế của thời gian và không gian đã chứng minh rằng Tâm là một động cơ tốt đẹp, là biểu tượng của sự thành thật; còn óc là biểu tượng của sự tính toán thiệt hơn. Con người của mọi thời đại đều thích được người khác làm một việc gì cho mình mà làm bằng Tâm, một cách chân thành. Thế cho nên làm việc gì mà làm bằng Tâm, lấy Tâm mà làm, thì đạt kết quả bền bỉ. Ngược lại, làm điều gì với óc tính toán, không do Tâm chơn thành, chẳng sớm thì muộn sẽ đi tới thất bại.

Giúp người với mục đích háo danh, và ngay như việc làm công quả giúp người với mục đích được phước, đều là việc làm có tính toán vụ lợi, chưa phải là việc làm tốt do Tâm.

b. Ngoài tính chất chơn thật cần thiết, việc làm do Tâm còn hàm chứa hương vị của tình thương và tinh thần vị tha mưu cầu hạnh phúc cho người khác, dù có phải chịu hy sinh về phần mình. Thử kể ra trường hợp của những anh hùng liệt sĩ hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ Quốc, trường hợp của những bậc từ phụ, từ mẫu thương con hơn mạng sống của mình. Cũng nghĩ suy về trường hợp người thợ làm bánh, thay vì pha trộn bột xấu, biết nhồi tình thương vào ổ bánh đang làm, để bán cho người mua, mong sao đồng bào mình được ăn ngon và bổ dưỡng. Nghĩ tiếp tới trường hợp những người làm nhang trộn tâm Đạo và tình thương của mình vào bột nhang, muốn làm ra những cây nhang tinh khiết, thơm tho, và nguyện

cầu cho người tu hành được tinh tấn...

6. VAI TRÒ CỦA TÂM ĐỐI VỚI NGŨ QUAN

Con người bình thường của trần thế nhìn bằng mắt, nghe bằng tai, nói bằng miệng... Nhưng nếu ngũ quan hành động một mình trong khi Tâm ngủ quên, thì ngũ quan con người hành động phóng túng theo thất tình lục dục. Với sự hợp tác chặt chẽ của Tâm thì hệ quả là sẽ có hai lợi ích:

a. Tâm gạt lọc những điều ô trược bất chính. Khi mắt bắt chợt nhìn theo bóng sắc thì Tâm liền can thiệp, cảnh tỉnh mắt ngay. Khi tai bắt đầu nghe những điều xấu xa thì Tâm liền can thiệp, bắt phải để ra ngoài những điều không hợp đạo lý...

b. Vừa gạt lọc, Tâm còn là trung tâm điều hướng cho ngũ quan. Những gì trước đây ngũ quan thụ động chịu ảnh hưởng, nay Tâm luôn nhắc nhở và canh chừng, như một loại radar, điều hướng ngũ quan, tích cực tránh xa các bẫy rập của thất tình lục dục.

Sự tu tập cứ như thế mà tiến dần. Ngũ quan vẫn hoạt động theo chức năng của mình, nhưng Tâm và và ngũ quan chẳng còn tách rời nhau nữa, Tâm lại còn giữ vai trò chủ thể, chỉ huy ngũ quan, phần chủ động phóng túng của ngũ quan bị xóa dần. Phải chăng đến đây ta hiểu được chủ trương và công trình bế ngũ quan? Bế là bế cái ngũ quan phóng túng, chớ khi Tâm và ngũ quan đã trở nên đồng nhất, Tâm là ngũ quan, ngũ quan là Tâm, mức độ tinh tấn đã tiến xa thì ngũ quan không bị bế mà trở nên tinh vi...

Khi được lương tâm đã được thắp sáng và đóng vai trò chủ đạo, thì những gì mang tính chất riêng tư, mang màu sắc vị kỷ, thiệt hơn đều được gạt lọc. Mọi mâu thuẫn, mọi nghịch thuyết được dung hòa. Tâm (đó là lương tâm, Thiên Tâm,

Phật Tánh...) trở nên bao la, cao diệu, mát mẻ. Đây là mục tiêu chỉ nam, mà cũng là cơ sở để người tu hành xóa bỏ ranh giới phái chi, để các tôn giáo hội tụ về điểm vạn giáo nhất lý, để nhân loại tìm được tình huynh đệ đại đồng.

Tâm là một vấn đề lớn, có thể nói là một trong những vấn đề lớn nhất, vấn đề cơ bản của hành giả trên các nấc thang tiến hóa. Nhìn và thấy bằng Tâm, nghe bằng Tâm, nói bằng Tâm, ăn bằng Tâm, làm mọi việc bằng Tâm, không để cho Tâm ngủ quên, hằng ngày quan hệ mật thiết với Tâm, để Tâm ngự ở ngôi chủ tể... Tâm là bộ máy tinh lọc và điều hướng giúp ta sang được bờ bên kia (bên giác), không bị thất tình lục dục nhận chết đuối giữa dòng.

LÒNG THÁNH NHÂN LÀ LÒNG THIÊN HẠ

Theo thông lệ hằng năm của cộng đồng Cao Đài, ngày Rằm tháng Hai là một ngày trọng đại, vì đây chính là ngày vía Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Giáo Tổ của đạo Tiên. Vào ngày này, các tổ chức Cao Đài, dù lớn hay nhỏ, giữa chốn thị tứ phồn hoa hay nơi làng xa hẻo lánh, tất cả đều thành kính hiệp tâm thiết đại lễ kỷ niệm vía Đức Đạo Tổ.

Riêng đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, kể từ năm Ất Ty (1965), khi mới chỉ mang tên là Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, rồi thành Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, cho đến như ngày nay, thì ngày Rằm tháng Hai cũng có một ý nghĩa thiêng liêng, một tầm mức hệ trọng đặc biệt. Vì lẽ đây chính là ngày đánh dấu hằng năm cho sự mở đầu một niên trình mới của toàn thể nhân viên các cấp Cơ Quan trên bước đường tu học, hành đạo, phổ thông phổ truyền giáo lý Đại Đạo.

Trong cái chung của toàn cộng đồng Cao Đài, và trong cái đặc thù của tập thể Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, chúng tôi muốn được trao đổi, sẽ chia một đôi điều cảm nghĩ:

- Trước hết, chúng ta ôn lại, có tính cách khái lược, về các tôn hiệu của Đức Thái Thượng Đạo Tổ để hiểu biết rõ hơn về ngôi vị cao tột của Ngài.

- Sau đó chúng ta ôn lại một đoạn thánh huấn do chính Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy vào năm Giáp Dần (1974).

- Cuối cùng, từ lời dạy của Đức Đạo Tổ, chúng ta thử tìm

yếu chỉ để liên hệ với sứ mạng phổ thông phổ truyền giáo lý của Cơ Quan.

I. ĐỨC ĐẠO TỔ VÀ CÁC TÔN HIỆU

Muốn tìm hiểu tôn hiệu của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, tài liệu không phải là ít. Tuy nhiên, tài liệu quen thuộc nhất đối với chúng ta chính là bài kinh cúng tứ thời, xưng tụng Đức Thái Thượng Đạo Tổ.

Hằng ngày, khi tụng bài kinh *Tiên Giáo* đến câu “*Nhị ngoạt thập ngũ, phân tánh giáng sanh*”, mọi người tín đồ đều như đã vừa tự nhắc nhở rằng ngày Rằm tháng Hai âm lịch là ngày vía của Ngài, tức là ngày mà Ngài hóa sanh, đem lòng từ bi vô lượng hóa dục cho quần sanh.

Ngài là Đấng như thế nào? Bài kinh *Tiên Giáo* của Cao Đài ít nhiều cũng cho biết rằng Ngài có nhiều hóa thân.

1. Bài kinh bắt đầu bằng câu: “*Tiên thiên khí hóa, Thái Thượng Đạo Quân.*” Như thế, Đức Thái Thượng có từ thời vũ trụ hồng môn, cần khôn hỗn độn. Không ai sinh ra Ngài, mà Ngài chính là Đạo. Vì Ngài chính là Đạo, là khí tiên thiên cho nên Ngài còn được gọi là *Đạo Tổ, Đạo Quân*.

2. Câu kinh “*Vô vi cư Thái Cực chi tiền*” ngụ ý nói Ngài đã có trước cả ngôi Thái Cực, nghĩa là khi vũ trụ chưa có, chưa hiện dương thì Ngài đã có rồi.

3. Kinh lại nói: “*Đạo cao nhất khí, diệu hóa Tam Thanh*”. Hiểu theo mặt chữ, Ngài đã hóa ra Tam Thanh. Theo đạo Lão, Tam Thanh là ba cõi trời gồm: *Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh*. Hiểu như vậy, cũng như nói rằng Ngài đã tác tạo nên vũ trụ.

Hai chữ *nhất* và *tam* trong câu “*Đạo cao nhất khí, diệu hóa Tam Thanh*” lại làm chúng ta nhớ đến câu “*Đạo sinh nhất,*

nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật” trong Chương Bốn Mươi Hai của *Đạo Đức Kinh*. Và nếu hiểu theo nghĩa rộng này, thì cũng chẳng khác ý vừa nói ở trên, tức là Đức Thái Thượng là thủy tổ sáng tạo nên trời đất, vũ trụ vạn vật.

4. Bài kinh cúng tứ thời khi liên hệ đến các hóa thân của Ngài để vào trần gian độ sanh chúng đã cho biết Ngài từng hóa thân thành: Đức Lão Tử, thầy Trang Tử và ngài Đông Phương Sóc.

- Kinh nói: “*Từ khí Đông lai, quảng truyền Đạo Đức*” là nhắc đến tích Đức Lão Tử cỡi trâu từ phương Đông đi sang phương Tây, qua ải Hàm Cốc, gặp quan Doãn Hỷ, và do nhân duyên đó mà bộ *Đạo Đức Kinh* năm ngàn chữ được truyền mãi đến ngày nay.

- Câu kinh “*Lưu sa Tây độ, pháp hóa tướng tông, sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối*” đề cập đến hai nhân vật khác:

a. *Tất Viên*: ám chỉ thầy Trang Tử, tác giả *Nam Hoa Kinh*, vì theo lịch sử, lúc Ngài ở đất Mông có giữ một chức quan nhỏ nhỏ (*lại*), trông coi vườn cây sơn (tất viên: *varnish tree*), loại dùng làm hàng sơn mài. Chức danh của Ngài lúc ấy là Tất Viên Lại.

b. *Phương Sóc*: tức là Đông Phương Sóc, một hiệu, không phải tên. Tiếc rằng chưa rõ lai lịch.

Bài kinh *Tiên Giáo* của Cao Đài, như chúng ta xét tới đây, rõ ra cũng đã cho ta nhiều chi tiết về các hóa thân của Ngài. Trong kho tàng kinh điển đạo Lão, vấn đề này thực ra còn phong phú hơn nhiều, khiến cho các học giả Trung Quốc và châu Âu, khi chú tâm nghiên cứu vấn đề đã phải tốn rất nhiều thời gian và giấy mực. Theo các nhà nghiên cứu ấy, đạo Lão có ba quan niệm về Thượng Đế:

- Thượng Đế vô ngã.

- Thượng Đế hữu ngã.
- Thượng Đế vừa vô ngã vừa hữu ngã.

và Đức Thái Thượng Đạo Tổ chính là một trong các tôn hiệu của Thượng Đế hữu ngã đã có từ nghìn xưa trong kho tàng kinh điển của đạo Lão. Các tôn hiệu khác gồm có:

- *Thái Thượng Lão Quân*: vì lẽ một hóa thân của Ngài là Đức Lão Quân (Lão Tử). Mà Đức Lão Quân lại còn được gọi là *Đạo Quân, Hoàng Lão Quân, Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế*.

- Đức Thái Thượng do khí tiên thiên hóa sanh, có trước ngôi Thái Cực cho nên Ngài còn được gọi là *Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thái Thủy Thiên Tôn*.

Sự khảo sát sơ lược về các danh hiệu, tôn hiệu như vừa nói trên cho thấy vấn đề rất tinh tế, bí ẩn. Nhưng, vượt ra ngoài sự khác biệt hình danh, từ xa xưa giới tu tiên vẫn cho rằng tất cả chỉ là một. Trong quyển *Thăng Huyền Kinh* có câu: “*Tam hiệu tuy thù, bản đồng nhất dã.*” (Ba hiệu tuy có khác nhau, nhưng vốn đồng một bản thể.)

Đồng bản thể là bản thể gì? Đó chính là Đạo, là tiên thiên chi khí, hay *khí tiên thiên*. Cho nên chúng ta hiểu thêm vì sao ở bài kinh *Tiên Giáo* của Cao Đài, mở đầu thì nói: “*Tiên thiên khí hóa, Thái Thượng Đạo Quân*” và lúc kết thúc bài kinh, cũng nhắc lại lần nữa: “*Tiên thiên chánh nhất, Thái Thượng Đạo Quân*”.

Là người học Đạo, khi trở lại vấn đề các danh hiệu khác nhau của Đức Thái Thượng Đạo tổ như vậy, chúng ta nhớ rằng Ngài chính là Đạo, tuyệt đối thể. Ngôn ngữ thế gian là nhị nguyên, không đủ để nói được trọn vẹn huyền nhiệm siêu việt nhất nguyên, do đó mà nảy sinh lắm danh xưng, nhiều tôn hiệu.

II. THÁNH HUẤN ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ

Phần khảo sát trên đây cho chúng ta thấy Đức Thái Thượng Đạo Tổ ở một ngôi vị cao tột như thế nào. Nhận thức được điều ấy, người tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lại cảm nhận thêm ân phước tột cùng khi ở vào thời hạ nguơn mặt kiếp này, con người lại một lần nữa được Đức Đạo Tổ lâm phạm giáo đạo, lời giản dị mà thâm diệu. Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy:

“Ngày nay chư thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp, hãy noi lấy chí, xem lấy hạnh của tiên nhân mà tiếp bước.

“Hồi chư môn sanh, Thánh Nhân không vì một mình ăn mà phải tìm ngũ cốc; không vì một mình ở mà bày phương pháp xây cất nhà cửa; cũng không vì một thân bệnh đau mà ném trăm thứ thuốc.

“Thánh Nhân lấy lòng Trời làm lòng mình: hay che hay chở; lấy lòng thiên hạ làm lòng mình: hay xây dựng bảo tồn. Nhờ thế ngày nay thiên hạ mới có cơm để ăn, nhà cửa để che mưa đụt nắng, bệnh tật có phương được trị trừ.

“Thánh Nhân xưa kia có nói gì đâu, vẫn cái tự nhiên mà có cho vạn vật. Chư thiên ân sứ mạng là những kẻ nối tiếp, hãy lấy lòng Thánh Nhân mà un đúc lòng mình. Dầu lớn dầu nhỏ, hay hoặc dở đều phải phát huy cho đời sống có ý nghĩa.

“Chư thiên ân phải giữ lòng vô tư vô kỷ để đưng vi lấy bổn phận, vô công vô danh để giải thoát phiền trược bao phủ, lắng đọng ở tâm linh.”⁽¹⁾

Những lời Ngài dạy trên đây là dành cho người thiên ân sứ mạng, trang hướng đạo, những người không phải chỉ lo tự tu, tự chứng, tự đắc đạo giải thoát, mà còn có ý thức phổ độ, phổ thông phổ truyền giáo lý, đem ngọn đèn mỗi soi rọi, châm cho

⁽¹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 02-01 Giáp Dần (24-01-1974).

sáng thêm những ngọn tâm đặng, xóa nhòa dần dần những bóng tối của vô minh.

Chúng ta cũng biết Đức Đạo Tổ hóa thân làm Đức Lão Tử truyền lại bộ *Đạo Đức Kinh*. Đọc những lời dạy ngày nay, chúng ta đối chiếu với *Đạo Đức Kinh* ngày xưa, tuy cách nhau hai mươi sáu thế kỷ mà vẫn vô cùng khế hợp, gần bó.

* Ngày nay Đức Đạo Tổ dạy: “*Hãy lấy lòng Thánh Nhân mà un đức lòng mình.*” Lòng Thánh Nhân ra sao? Ngài dạy, đó là “*lấy lòng thiên hạ làm lòng mình.*”

Cũng thế, *Đạo Đức Kinh*, Chương Bốn Mươi Chín, có câu: “*Thánh Nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm.*”

* Ngài dạy: “*Thánh Nhân xưa kia có nói gì đâu...*”

Đạo Đức Kinh, Chương Hai, có câu: “*Thị dĩ Thánh Nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.*”

* Ngày nay Ngài dạy bậc thiên ân sứ mạng phải giữ lòng vô tư, vô kỷ, vô công, vô danh.

Đạo Đức Kinh, Chương Bảy, cũng dạy: “*Thị dĩ Thánh Nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn. Phi dĩ kỳ vô tư dã?*” (Vì thế Thánh Nhân để thân mình ra sau mà thân trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân còn. Há chẳng phải là không riêng tư đấy sao?)

Lời dạy xưa và nay tuy cách nhau hai mươi sáu thế kỷ, một ở Trung Quốc cổ đại, một ở Việt Nam đương đại, mà nào có trái gì nhau. Điều ấy xác tín rằng: Chân lý là lẽ thật vĩnh hằng, trường cửu, vượt mọi giới hạn của không gian lẫn thời gian. Mà chân lý ấy Đức Đạo Tổ đem dạy cho bậc thiên ân, sứ mạng Kỳ Ba.

Trên phương vị là nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, thì sứ mạng của mỗi nhân viên là sứ mạng phổ thông phổ

truyền giáo lý. Thực hành hay ứng dụng lời dạy của Đức Đạo Tổ vào công cuộc phổ thông giáo lý, tức là lấy lòng Thánh Nhân mà thi hành sứ mạng, lấy lòng nhân sanh (thiên hạ) mà đưa giáo lý đến với nhân sanh trong tinh thần vô tư, vô danh, vô công, vô kỷ. Nói khác đi, là trên tinh thần thuần chơn vô ngã.

III. LIÊN HỆ LỜI ĐỨC ĐẠO TỔ DẠY VỚI SỨ MẠNG CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

Khi nói đến sứ mạng phổ thông phổ truyền giáo lý của Cơ Quan, chúng ta lại nhớ đến lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

“*Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu Đạo là đủ, mà phải làm cho cơ Đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh.*”⁽²⁾

Phải chăng lời dạy của Đức Giáo Tông cho chúng ta thấy rằng, muốn giáo lý Đại Đạo vượt lên khỏi mọi ràng buộc ngăn che, để thâm nhập vào tận cõi lòng của từng thể nhân, thì giáo lý cần thiết phải hòa nhịp cùng nỗi lòng trần trở của thể nhân thời đại. Cho nên lời dạy *lấy lòng thiên hạ làm lòng mình* cũng là chiếc chìa khóa để người sứ mạng mở cửa lòng người vậy.

Đức Đạo Tổ dạy rằng Thánh Nhân không vì cái ăn của riêng mình mà đi tìm giồng lúa, không vì cái ở của riêng mình mà tìm cách xây dựng, không vì căn bệnh của riêng mình mà tìm thuốc đối trị. Như vậy, Ngài khuyên bậc thiên ân noi lòng Thánh Nhân un đức lòng mình, có nghĩa là ngày nay không vì cái giải thoát của riêng mình mà độc thiện kỳ thân, trái lại

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

phải khổ công tu học, chịu nhọc nhằn tìm phương hoằng giáo độ nhân.

Để công cuộc được lâu dài, được tiếp nối, Đức Đạo Tổ đã dạy thêm về một sứ mạng khác có liên hệ hữu cơ, là đào tạo lớp người kế tục tiếp nối. Ngài dạy:

“Tre cối thì dòn hết sinh lực tạo mầm măng, măng sẽ vươn lên thành những hàng tre xanh cao vút, uy hùng, hiên ngang, đó là biểu dương được sức sống uy linh của giống tre ích lợi.”⁽³⁾

Tóm lại, nói theo ngôn từ thông dụng ngày nay, thì chúng ta vừa học nơi Đức Đạo Tổ một bài học về đào tạo nhân sự. Muốn bồi dưỡng cho chúng ta trở nên tương xứng với sứ mạng, Ngài giúp khai phóng chúng ta khỏi sự gò bó hạn hẹp của cái ngã, cái ta, không sống theo lòng mình, mà biết vươn lên sống theo lòng Trời, lòng Thánh, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình.

Theo phương thức *Thiên nhân hiệp nhất* trong Tam Kỳ Phổ Độ, muốn hợp tác với Trời để hoằng khai Đại Đạo, bậc thiên ân phải là những con người như Ôn Trên hằng mô tả là những người biết *“ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,”*⁽⁴⁾ biết *“vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất”;*⁽⁵⁾ là những người không chỉ biết lo cho nhân sanh ngày nay, mà còn biết lo đào tạo thế hệ tiếp

⁽³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 02-01 Giáp Dần (24-01-1974).

⁽⁴⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969). *Thánh Giáo Suu Tập Năm Mậu Thân - Kỷ Dậu (1968-1969)*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 157.

⁽⁵⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

nói để phục vụ nhân sanh ngày mai, để lúc nào cũng có hàng tre xanh cao vút uy hùng, hiên ngang, biểu dương được sức sống uy linh của giống tre ích lợi.

NÓI CHUYỆN TU TIÊN

Trong đạo nói đến lễ vía thì cũng như ngoài đời bảo là kỷ niệm sinh nhật. *Kinh Cúng Tứ Thời* của đạo Cao Đài, bài *Tiên Giáo*, cho biết rằng Đức Thái Thượng do khí tiên thiên hóa thành:

*Tiên thiên khí hóa
Thái Thượng Đạo Quân.*

.....

*Nhị ngoạt thập ngũ
Phân tánh giáng sanh.*

Nhị ngoạt nghĩa là tháng Hai (âm lịch); và *thập ngũ* là mười lăm, tức ngày Rằm. Thế thì kinh đã cho biết sinh nhật hay vía của Ngài chính là ngày này.

Từ khi ra đời tới nay, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã chọn ngày lễ quan trọng này để tổ chức Hội Đồng Thường Niên, tổng kết công việc tu học, hành đạo trong năm cũ, và chuẩn bị chương trình, kế hoạch tu học, hành đạo của Cơ Quan cho một niên trình mới.

Trở lại với bài kinh *Tiên Giáo* xưng tán Đức Thái Thượng Đạo Tổ. Ở phần cuối bài kinh này có hai câu như sau:

*Thái Thượng Đạo Quân
Chưởng Giáo Thiên Tôn.*

Kinh nói như thế vì lễ Ngài chính là ông Tổ của đạo Tiên.

Nhân mạn đàm quanh đề tài *tu tiên*, trước hết, thử xem *tiên* là gì?

1. Nghĩa chữ *Tiên* trong tiếng Việt

Người Việt Nam thường hay nói là “*sương như tiên*”. Vậy *tiên* có khi được hiểu là sung sướng cực kỳ.

Người Việt khi thấy một vị nào tuổi cao, dáng mạo đẹp đẽ, phong thái ung dung, nhàn nhã, cốt cách có vẻ khác hơn kẻ phàm phu tục tử thì khen tặng là “*tiên phong đạo cốt*”, còn nếu gặp một thiếu nữ xinh tươi thì lại khen rằng “*đẹp như tiên*”. Những khi thấy cảnh sơn thủy hữu tình, nước mây hoa cỏ tươi thắm thì khen là “*cảnh tiên, đẹp như cõi tiên*”. Vậy *tiên* còn được hiểu là ung dung, thanh nhàn, xinh đẹp.

Tiên còn được hiểu là mầu nhiệm, là linh nghiệm, nên thứ thuốc men nào trị bệnh mau lẹ thì sẽ được khen là “*công hiệu như thuốc tiên*”.

Cuối thế kỷ 19, cụ Nguyễn Đình Chiểu khi sáng tác truyện thơ *Lục Vân Tiên* nổi tiếng, đã kể rằng chàng thư sinh họ Lục hai mắt mù lòa, nhưng một đêm ngủ trong chùa nằm mộng, thấy tiên ông ban tặng chén thuốc tiên, chàng liền sáng mắt. Thơ rằng:

*Đoạn này tới thứ ra đời
Vân Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiền
Nửa đêm nằm thấy ông tiên
Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.*

Cách hiểu *Tiên* là thanh nhàn không những chỉ phổ biến trong lời nói hàng ngày giữa chốn đời thường mà còn đi vào văn chương của các văn nhân thi sĩ. Ngày xưa, các danh nho Việt Nam từng làm thơ ca ngợi thú hưởng nhàn. Chẳng hạn, vào đời Trần có Nguyễn Phi Khanh (thân phụ danh nhân

Nguyễn Trãi) đã viết:

*Bách niên phù thể nhân giai mộng
Bán nhật thâm nhân ngã diệc tiên.*

(Cuộc đời nổi trôi, kiếp người trăm năm như mộng ảo.
Trộm được nửa ngày nhân nhĩ thì ta cũng đã là tiên rồi.)

Hoặc như đời Mạc, cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm viết:

*Nhưng trong mọi việc đà ngoài hết
Được một ngày là tiên một ngày.*

Kể ra nếu chịu khó sưu tầm trong văn chương nước nhà, sẽ còn thấy thêm rất nhiều những trường hợp tương tự.

2. Nghĩa chữ *Tiên* theo quan niệm phương Tây

Nói phương Tây thì phạm vi hơi rộng. Để cho đơn giản, hãy thử xét chữ *Tiên* trong ngôn ngữ của ba dân tộc châu Âu như Anh, Pháp, Đức.

Châu Âu biết đến khái niệm Tiên kể từ khi họ tiếp cận văn hóa Trung Quốc. Không hiểu ai là người đầu tiên dịch chữ Tiên của Trung Quốc sang tiếng Anh, Pháp, Đức, nhưng cách dịch đó có thể nói là thông minh và đầy sáng tạo.

Tiếng Anh dịch Tiên là *immortal*, tương tự với tiếng Pháp là *immortel*. Trong cả hai chữ đó, gốc từ là *mortal*. hay *mortel*. *Mortal* hay *mortel* xuất phát từ gốc La Tinh là *mortalis*, nghĩa là *chết*. Còn *im* là một tiền tố (*prefix*) diễn tả ý nghĩa phủ định.

Tiếng Đức gọi Tiên là *unsterbliche*, gồm có tiền tố *un* + từ gốc *sterb* (+ *liche* là hậu tố – *suffix* – để tạo ra tính từ). Tiền tố *un* có nghĩa phủ định. Còn *sterb* do động từ *sterben* có nghĩa là *chết*. Vậy *immortal* của Anh hay *immortel* của Pháp hay

unsterbliche của Đức đều có cùng một ý nghĩa căn bản là *không chết, bất tử*.

Tại sao ba nước châu Âu đó lại dùng ý nghĩa *bất tử, không chết* để dịch chữ Tiên của Trung Quốc? Trong lúc đợi các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu cho tường tận, ở đây tạm thời đưa ra một giải thích như sau:

Ngày xưa ở Trung Quốc, người ta vẫn tin tưởng mãnh liệt rằng Tiên là những người có phép dưỡng sinh, sống lâu muôn tuổi, trường sinh bất tử. Người ta cũng tin rằng Đức Lão Tử (tức là một trong những hóa thân của Đức Thái Thượng Đạo Tổ) khi truyền cho thế gian bộ *Đạo Đức Kinh*, thì trong bộ kinh này có ẩn giấu bí quyết tu luyện trường sinh bất tử.

Vì sự tin tưởng này, ngày xưa người ta đã dò kiếm từng chữ trong tám mươi một chương *Đạo Đức Kinh* để cố gắng trung dẫn ra những câu tiêu biểu làm bằng chứng cho niềm tin của mình. Chẳng hạn, ngay cuối Chương Ba Mươi Ba có chép “*tử nhi bất vong giả thọ*.” (chết mà không mất là sống lâu); và cuối Chương Năm Mươi Chín có chép “*trường sinh cửu thị chi đạo*” (cái đạo sống lâu) ...

Tóm lại, chẳng phải dung không mà các học giả châu Âu lại chọn chữ *bất tử* để dịch chữ Tiên của người Trung Hoa, mặc dù xét về căn bản, chữ Tiên viết theo Hán văn hàm một ý nghĩa khác.

3. Nghĩa chữ *Tiên* trong tiếng Hán và kinh điển Lão-Trang

Chữ Hán viết Tiên 仙 gồm bộ Nhân 亻 hiệp với chữ Sơn 山 theo nghĩa *người + núi*. Thoạt đầu, Tiên viết với chữ Nhân đề lên chữ Sơn 亻, ngụ ý tiên là *người ở trên núi*. Về sau mới cải biến đi như vẫn thấy ngày nay: tiên là *người đứng bên trái núi*.

Do chữ Tiên mang bộ *nhân* (người) nên một số tác phẩm dạy về tu tiên của đạo Lão đã mượn hình ảnh tượng trưng này mà phô diễn đạo lý.

Chẳng hạn, đời nhà Thanh bên Trung Quốc, triều vua Đồng Trị, vào năm 1866, có người tên là Lý Xương Nhân đã soạn quyển sách nhỏ nói về bí quyết tu luyện kim đan của đạo Lão, nhan đề là *Huyền Diệu Cảnh*. Ở Quyển Thượng, Mục I: *Sanh Nhân Sanh Tiên*, Lý tiên sinh viết:

“Trời đất lấy khí hạo nhiên tu luyện mà thành Tiên. Bởi vậy trước có người, sau mới có Tiên. (...) Trời là đại thiên hay sanh sản ra loài người, mà người là tiểu thiên cũng hay luyện thành Tiên Thánh.”

Lời văn của *Huyền Diệu Cảnh* vừa dẫn trên có lẽ dễ khiến người tín đồ Cao Đài nhớ lại lời Đức Chí Tôn dạy:

“Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần Thánh Tiên Phật.”

Cũng không phải vô cớ mà trong chữ Tiên lại có chữ *Son* là *núi*. Vốn dĩ xưa kia phần đông người đời thường tin rằng muốn tu tiên thì hãy vô núi. Chẳng hạn, theo truyện *Phong Thần*, chư Tiên khi mở trường dạy học trò thì mỗi vị đều có một động trên núi, chùng nào học trò thành tài thì mới rời sơn động mà xuống núi (hạ sơn); đệ tử ra đời lỡ đầu phép có thua sút thiên hạ thì lại trở về núi cầu viện, kiếm thêm vài món bửu bối hộ thân, v.v...

Do mối liên quan giữa tiên và núi, nên sách *Huyền Diệu Cảnh*, Quyển Thượng, Mục VI: *Thánh Hiền Tiên Luận*, lúc bàn đến nghĩa chữ Tiên, Lý tiên sinh viết một đoạn đại ý như sau:

Khi con người gặp được minh sư truyền cho khẩu quyết, thì phứt bỏ gia sản, xa lánh vợ con, một thân vô sự, hoặc ở biệt

lập nơi thành thị, hoặc *đi ở ẩn nơi non cao rừng thẳm*, muôn việc hồng trần đều bỏ sạch, bèn lòng khổ chí, đêm ngày cần mẫn, dầu chết cũng không đổi chí, lâu ngày thì tu đặng đạo trường sinh bất tử, đó là Tiên.

Ngày nay, theo tân pháp Cao Đài, với chủ trương tu không phải chán đời ảm đạm, mà tu phải mạnh dạn đi vào đời để ra sức làm thật nhiều công quả giúp đời, con người hiểu rằng *nhất tu thị nhị tu sơn*, nghĩa là vẫn có thể tu tiên giữa chốn thị thành, xe hơi, ti vi, video, cassette... náo nhiệt, không nhất thiết phải vô núi vô non.

Tu tiên là tu giải thoát. Lúc còn ở trần thế, ấy là giải thoát khỏi bệnh chấp ngã, thoát khỏi mọi cám dỗ, ràng buộc cản trở con đường tiến hóa như vật chất, danh vọng, sắc tài... Giải thoát không có nghĩa là né tránh, mà phải chấp nhận đối mặt và vững vàng vượt qua những khảo thí thuận và nghịch, cả trong tâm nội lẫn nơi ngoại cảnh.

Chữ *Son* trong chữ *Tiên* ngày nay không hàm ý tu tiên trên núi, mà biểu thị cho trạng thái bất nhiễm trần, không dao động, không bị lay chuyển, vững vàng và tự tại như Thái Sơn sừng sừng giữa trời.

4. Người xưa tu tiên ra sao?

Người đời thường có khi liên hệ chữ Tiên với ý nghĩa là thanh nhàn, là sung sướng, v.v... Nhưng quả thực đi tu tiên có dễ dàng và sung sướng không?

Có hai quyển truyện Tàu nói về sự tích tu tiên, nổi tiếng và cũng rất quen thuộc ở Việt Nam; đó là truyện *Bát Tiên* và *Thất Chân Nhân Quả*.⁽¹⁾ Hai quyển đó cho thấy người xưa tu

⁽¹⁾ Bản dịch của Lê Anh Minh, ấn phẩm số 34, do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà

tiên, kể từ lúc phát tâm mộ đạo, gặp minh sư, trải bao năm tháng cho đến ngày đắc đạo, quả thực chẳng dễ dàng, chẳng sung sướng chút nào!

Trong Bát Tiên, ngài Lữ Động Tân, khi theo thầy là Hán Chung Ly học đạo Tiên, được thầy thử thách cũng ngặt. Ngài Hán Chung Ly lấy một cục đá lớn, nặng hơn mười cân, đem vải bao bọc lại thành một gói to tướng, bắt ngài Lữ Động Tân quảy trên vai theo thầy suốt ba năm ròng rã, hai bên vai bị chai cứng.

Học trò hỏi xưa tâm tánh thiệt thà, nên ngài Lữ Động Tân thấy sư phụ biểu mang gói vải nặng thì cứ cắn răng mà quảy riết, đầu dóm lén thầy vạch ra coi thử xem bên trong là món gì. Đến chừng thầy trò đi với nhau hết ba năm, thầy biểu mở gói ra coi, bấy giờ đệ tử mới chung hứng khi biết đó chỉ là một cục đá to tướng!

Chuyện ngài Vương Trùng Dương dạy đạo Tiên cho bảy vị (sau gọi là Bắc Thất Chân, hay Toàn Chân Thất Tử) cũng lắm gian nan thử thách. Khi dạy ông Mã Ngọc là nhà giàu nứt đổ đổ vách thì ngài bắt phải bỏ hết gia tài sự nghiệp. Vợ ông Mã Ngọc là bà Tôn Uyên Trinh đang lúc trẻ đẹp, khi theo học đạo Tiên thì sợ rủi ro gặp kẻ cuồng bạo có tà tâm quấy phá cản trở đường tu, cho nên bà phải tự mình phá hủy dung nhan, ăn vận rách rưới dơ dáy như ăn mày, suốt mười hai năm sống trong lò gạch bỏ hoang, còn bị cười chê là bà điên!

Nói chung, trong bảy vị tu tiên không có một ai sướng hay nhàn cả. Nhưng khổ cực nhất trong số bảy học trò của Vương Tổ Sư chính là ngài Khuru Trường Xuân. Thoạt mới tìm đến thầy học đạo thì ông Khuru liền bị quở mắng, bị thầy đuổi đi ba lần, không chịu thu nhận. Số ngài Khuru là số chết đói cho

Nội, 2011), 268 trang.

nên đi tu rồi mà còn bị nạn phải chịu nhịn đói mấy chục lần. Sau ngài lại đến tuổi Bàn Khê làm công quả, trong sáu năm cứ chuyên tâm nhẫn nại không quản gió mưa nặng nhọc, hoặc làm bè hoặc cống người vượt qua dòng nước chảy xiết.

Cho nên, nếu thế gian có nói sướng như tiên, hay cho rằng tiên là thanh nhàn, thì chẳng qua là ở giai đoạn kết quả, đắc đạo rồi, chớ con đường tu để thành tiên thì trong sử sách truyền lại, chẳng thấy ai sướng hay nhàn hết.

5. Người nay tu tiên ra sao?

Nói chuyện người xưa tu tiên thì cũng nên gẫm xem người thời nay tu tiên ra sao?

Khi đạo Cao Đài ra đời, mở màn cho kỷ nguyên mới của nhân loại với danh xưng là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì xét về nhiều khía cạnh, cách tu của Cao Đài rất gần gũi với đạo Tiên. Giáo Chủ Cao Đài tá danh là *Cao Đài Tiên Ông*, và các đấng khi lâm trần dạy đạo, giáo dân vi thiện cũng thường là các vị *Đại Tiên, Kim Tiên, Chơn Tiên, Tiên Nương, Tiên Cô, Tiên Nữ*... Nhiều vị giáng đàn tự xưng là *Tiên Huynh*. Các vị cũng vẫn gọi môn đệ Cao Đài là *học trò tiên*.

Những người từng đọc truyện Tàu hầu như đều khá quen thuộc hồng danh nhiều đấng Tiên gia. Đến chừng được đọc thánh giáo Cao Đài, gặp lại các hồng danh ấy, hầu như ai cũng ngạc nhiên, thú vị, và không khỏi có người cảm thấy mang máng như thể vừa gặp lại những người xưa từng quen tên biết mặt.

Ngoài điểm tâm lý đó ra, khi tin vào thánh giáo của Ôn Trên, rồi gặp lại các Đấng như Hải Triều Thánh Nhơn, Lê Sơn Thánh Mẫu, Thái Ất Thiên Tôn, v.v... người tín đồ Cao Đài mới bàng hoàng, hiểu thấm thía rằng chuyện chư Tiên là

thật. Và có lẽ trong tín đồ Cao Đài đã không ít người từng cảm động ứa nước mắt vì cảm kích mang ơn trời biển của Tam Kỳ Phổ Độ.

Thật vậy. Thử nghĩ, đọc kinh sách xưa truyền lại, ai cũng thừa biết rằng cổ nhân mấy trăm năm về trước trèo non xuống biển cực khổ trăm bề, vậy mà không dễ gì gặp được một bóng dáng Tiên gia!

Trái lại, ngày nay có mấy ai đã nhọc gót cho bằng một phần nhỏ nhít như người xưa đâu, thế mà vì Đức Thượng Đế Cao Đài hiển sinh, mở kỳ đại ân xá, con người được làm môn đệ của Cao Đài Tiên Ông, và còn có duyên phước hội ngộ cả quần Tiên đông đủ!

Có thể xác nhận với nhau rằng tu theo đạo Cao Đài ngày nay cũng là tu tiên đó. Tuy nhiên, cách tu trong Kỳ Ba đại ân xá này khác hơn cách tu của Bát Tiên hay Thất Chân trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Dĩ nhiên Ôn Trên cũng tuyển chọn, sàng sảy, thử thách người tu, nhưng như thánh giáo Cao Đài từng dạy, ngày nay con người tu tiên đã được Ôn Trên ân xá, được chế giảm cho rất nhiều, được hưởng nhiều phương tiện pháp môn cho dễ tu dễ đắc, và đó cũng là mở cho con người một cơ hội chót trong kỳ hạ ngưng mặt kiếp sàng sảy lọc lừa.

Về cách tu tiên của môn đệ Cao Đài ngày nay, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, có lần vào năm Ất Mão đã khuyến khích mọi người trên đường tu học như sau:

“Chư môn sanh hiện tại là hình bóng của người đã qua. Tất cả đều là thiên ân sứ mạng, tùy tài đức, tùy khả năng mà sử dụng. Không vì muôn xe sản nghiệp, hoặc lầu thông kinh điển ngàn pho mới thực hiện được đạo lý để độ đời, cũng không bởi chất phác thiết tha ít oi mà mặc cảm không hành được cái đạo. Đã học đạo, hành đạo, ắt biết Đạo hằng trong

vạn vật.”

Khi có dịp ôn lại đoạn thánh giáo trên đây của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, mới hết sức thấm thía tấm lòng từ bi, bao dung, nâng đỡ, khích lệ của Ngài đã dành cho chúng sanh. Ôi, thật sự tình thương đó to tát biết bao nhiêu!

Đối với các cấp nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, là guồng máy sau cùng của Đức Thượng Đế, cứ đầu mỗi niên trình hành đạo, nghĩa là đúng vào ngày vía Đức Thái Thượng Đạo Tổ, khi cùng nhau tổ chức trọng thể đại hội thường niên của Cơ Quan, mọi người đồng thời hiểu với nhau rằng tất cả cũng đang chuẩn bị cho một năm tu học hành đạo.

Vào hoàn cảnh ấy, với không khí ấy, trong số các cấp nhân viên Cơ Quan, thử hỏi ai mà không có chút nổi niềm tâm tư canh cánh với trọng trách thiêng liêng. Nhớ lại vào một dịp kỷ niệm vía của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, hồi năm Mậu Ngọ, Ngài đã từ bi dạy Cơ Quan như sau:

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam hay Cơ quan phổ thông phổ truyền giáo lý Đại Đạo cũng thế. Đức Thượng Đế Chí Tôn tùy giai đoạn lập thành để dẫn độ nguyên nhân vào đại thừa Thiên Đạo hồng giáo độ nhân.

*Những hàng nguyên nhân với tâm thành hiến dâng được ban ơn vào **lớp học này** phải có đủ ý chí tu tập các điều kiện công phu, công quả để có một công trình khả dĩ đứng vào hàng thiên ân chấp trì quyền pháp, thế thiên hồng đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ.”*

Lời dạy này của Đức Thái Thượng rõ ràng đã hé lộ cho thấy rằng Cơ Quan còn là một lớp học lớn. Trong lớp học lớn này, mỗi một nhân viên Cơ Quan là một học trò tiên đang làm những bài thi lớn của đời mình. Và trong mấy mươi năm qua, các hàng thiện tâm thánh giả tại Hội Trường Thuyết Minh

Giáo Lý của Cơ Quan, dù là tín đồ Cao Đài hay là thân hữu của tín đồ Cao Đài, vẫn hằng có tình cảm quý mến, trân trọng, thường xuyên lui tới Cơ Quan. Như thế, quý vị ấy cũng chính là những bạn tu của lớp học này, trợ duyên Cơ Quan rất nhiều.

Nghĩ suy như vậy, xin hãy cầu nguyện rằng hết thầy các học trò tiên và bạn bè học trò tiên thời nay đều được đủ đầy hồng ân của Thượng Đế, nguyện rằng tất cả mọi người đều cùng nhau cố gắng, cùng nhau nương tựa, cùng nhau tu học, hành đạo, thực hiện đúng lời giáo huấn của Ôn Trên thuở nào:

*Bực nguyện căn dạy mà hạnh ngộ
Mỗi nữ nam trình độ tiến cao
Hiểu thông chơn đạo thế nào
Rõ tường cứu thế Đài Cao Tam Kỳ.
Mỗi phận biết hành vi cho đúng
Đặng thế Thiên hữu dụng tương lai
Bồi đời nhiều nỗi nạn tai
Trong cơ biến thế nơn loài diệt vong.
Chỉ nhờ Đạo mới mong cứu cánh
Ai là người thọ lãnh vai tuồng
Phải ra thực tướng tròn vuông
Hành vi đạo đức vai tuồng cứu nguy.
Mang danh Thánh thì hành thánh sự
Thọ danh Tiên phải xử cho tròn
Cứu đời trong cánh hao mòn
Hy sinh phận sự mới tròn thế Thiên.⁽¹⁾*

⁽¹⁾ Đức Trường Canh Thái Bạch, Minh Đức Đàn, 10 rạng 11-7 Ất Ty (06-8-1965).

HỌC GIẢ VÀ HÀNH GIẢ

Trong ngôn ngữ Việt Nam, những từ: *học tập, học hành, tu hành, học tu, tu học...* được gắn liền từng cặp với nhau, có ý nghĩa việc *học* và *hành* phải đi đôi, cũng như *tu* và *hành, học* và *tu, tu* và *học* chẳng tách rời nhau. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Học mà chẳng biết hành cho đúng
Tu mà không tầm đúng đường đi
Mù lòa đêm tối khác gì
Loanh quanh trong kiếp hữu vi muôn đời.⁽²⁾*

Việc phân tích sâu rộng vấn đề này rất cần thiết cho đời sống tu hành của chúng ta.

I. HỌC, PHẢI HÀNH

Siêng học, gắng tu, năng hành và hành đúng là điều mà các Đấng thiêng liêng hằng dạy dỗ, nhắc nhở chúng ta.

Nghiên cứu thánh giáo, chúng ta thấy cần phải nghiêm chỉnh thực hiện các bước đi:

HỌC + TU → HỌC ↑ + TU ↑ + HÀNH

Tu là “hành ở bước đầu” để tự độ, còn *hành* là ở bước hai để độ tha.

Người học đạo phải chăm lo tu sửa thân tâm, thực hành

⁽²⁾ Thánh tịnh Ngọc Chiêu Đàn, 05-01 Ất Ty (06-02-1965).

đạo lý để hoàn thiện hóa bản thân, để chính mình nhận biết, và mọi người xung quanh thấy biết công dụng của đạo lý.

Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

“Học mà không tu như đọc thuộc lòng một bản thực đơn mà không thực phẩm.” ⁽³⁾

Có bỏ ích gì đâu! Kết quả việc tu hành không phải tính bằng chiều dài của năm tháng, mà là bằng sự chuyên hóa tâm hạnh, đạo vô vi được thể hiện nơi hành vi của hành giả.

Người thực tu chẳng phải hằng ngày cứ mãi đọc thuộc lòng một bản thực đơn không có thực phẩm, mà hằng ngày cần phải nếm được vị ngon và tiếp nhận được chất bổ dưỡng của món ăn tinh thần.

Ở giai đoạn đầu học và tu, nếu thực hành có kết quả, hành giả không những cảm thấy lòng phấn khởi muốn ngày càng siêng học siêng tu hơn để hoàn thiện thân tâm, mà tâm đạo được khai mở còn thúc giục hành giả ứng dụng đạo lý để độ đời, bước sang giai đoạn hai:

HỌC ↑ + TU ↑ + HÀNH

Đây là chuyện được ăn và ăn được chiếc bánh thật rồi đem chia cho đồng bào, cho nhân sinh cùng ăn, mà Đức Chí Tôn đã từng dạy:

“Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn.” ⁽⁴⁾

Và các Đấng thiêng liêng cũng hằng nhắc nhở chúng ta điều này.

* Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Chiêu Đàn, 05-01 Ất Ty (06-02-1965).

⁽⁴⁾ Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Ty (15-02-1965).

“Dục vọng của người đời chỉ biết đòi ăn bánh vẽ, mà người hành đạo trong Cơ Quan không được đem bánh vẽ để làm món rao hàng nữa.” ⁽⁵⁾

* Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

“...Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải lập ra để làm một ống loa phát ngôn cho lời này lẽ kia, hay làm những việc đi đây đi đó rồi thôi đâu, mà mục đích chánh của nó là không đem bánh vẽ cho mọi người, phải đem thức ăn thật đến cho mọi người được no.” ⁽⁶⁾

* Đức Điều Trì Kim Mẫu dạy:

“Mẹ muốn cho các con thực tế hơn để không phải cứ ăn bánh vẽ mãi mà phát chán...” ⁽⁷⁾

Bí quyết thành công của đại cuộc phổ độ chúng sinh, hoằng khai Đại Đạo là ở chỗ này đây. Cũng như chính chúng ta, nhân sinh cần những thực phẩm đúng theo thực đơn Cao Đài, chớ không ai cần thực đơn mà không thực phẩm. Đây là ý nghĩa cao đẹp của hai chữ *hành đạo*, lấy hành vi, hoạt động đạo đức thực tế của mình mà phục vụ đời, phục vụ nhân sinh.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Thượng Đế không giáng trần bằng xương bằng thịt để tự mình truyền bá đạo lý độ đời, mà Ngài giáng linh điển để dạy bảo, hướng dẫn, chỉ đường, cùng hộ trì về mặt vô vi, và kêu gọi tất cả con cái của Ngài thay Ngài mà hành đạo, thể Thiên hoằng Đạo, về mặt hữu vi. Vậy, người tín đồ Cao Đài chính danh không được ăn tu theo lối độc thiện kỳ thân, mà phải xả thân hành đạo, tâm không rời câu *Nhứt nguyện Đại đạo hoằng khai, Nhì nguyện*

⁽⁵⁾ Thiên Lý Đàn, 15-6 Bính Ngọ (01-8-1966).

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

⁽⁷⁾ Điều Trì Bửu Điện thánh thất Nam Thành, 25-5 nhuận Tân Hợi (17-7-1971).

phổ độ chúng sanh... đúng với vai trò Thiên nhân hiệp nhất.

Đức Lê Đại Tiên dạy ngắn gọn:

“Người giữ đạo không hành là không đạo. Hành đạo không hiểu đạo là hại đạo.” ⁽⁸⁾

II. HÀNH, PHẢI HỌC

Học là nhu cầu tiên quyết, phải học mới biết đúng đường để mà tu mà hành, ai cũng biết thế. Nhưng trên thực tế, nhiều đạo hữu nam nữ còn bị lăm trở ngại:

1. Do căn trí, nghĩ rằng tu là ăn chay, làm lành lánh dữ, sớm chiều kinh kệ lễ bái trước Thiên Bàn, hai ngày sóc vọng đến thánh thất, thánh tịnh làm công quả, thế là đủ rồi.

2. Do cơ duyên không may mắn, ở nhằm nơi ban cai quản thánh thất, thánh tịnh địa phương không có tổ chức giảng giáo lý. Ban cai quản cũng không quan tâm lập tủ kinh sách để tín hữu trong họ đạo được mượn đọc. ⁽⁹⁾

Tu mà cứ đi chùa lễ bái hoài chứ không được học giáo lý thì không làm sao tiến bộ được, riết rồi đâm ra chán nản, thậm chí vì không được học giáo lý, không hiểu đạo, tâm linh không được soi sáng, rất dễ đi vào đường mê tín, xa dần con đường chánh đạo.

Tu mà xa đường chánh đạo thì hại cho chính mình; và hơn thế nữa, Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Hành đạo không hiểu đạo là hại đạo.” ⁽¹⁰⁾

⁽⁸⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Ty (05-4-1965).

⁽⁹⁾ Từ tháng 6-2008, Chương Trình Chung Tay Ấn Tông Kinh Sách (tại thánh thất Bàu Sen) liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội) đang dần dần khắc phục nhược điểm này ở nhiều tỉnh thành trong nước.

⁽¹⁰⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Ty (05-4-1965).

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo khuyến bảo:

“Học tu, tu học phải đi đôi. Trong việc tu học, không phải một mình đi một nẻo, mà phải hợp quần, anh dìu em, khuyến khích, chỉ dẫn đường lối, mới có thể tránh khỏi những lúc vì vật dục sở tế mà xa cách bốn nguyên. Vì vậy mà phận sự làm anh chị lớn trong địa phương phải vạch một đường hướng để đoàn hậu tấn noi theo.” ⁽¹¹⁾

Không những chỉ có giảng giáo lý trong những ngày sóc vọng, địa phương còn cần vạch ra đường hướng với một chương trình học thánh ngôn, thánh giáo, học tập thể lẫn nghiên cứu cá nhân.

Năm 1967, Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*Hằng xem đọc kệ kinh, thánh giáo
Để tâm hồn cõi thảo nghệt oan
Cho lòng con được thanh thang
Cho tâm con được dịu dàng dễ thương.* ⁽¹²⁾

Năm 1973, Đức Mẹ dạy tiếp:

*Tu phải học hiểu qua giáo lý
Giáo lý là kim chỉ hướng Nam
Cho con nhập thánh siêu phàm
Khỏi vòng luân chuyển con tầm, nhộng, tơ.
Học cho hiểu bến bờ mê giác
Học cho thông thiện ác, đọa siêu
Học nhiều con sẽ hiểu nhiều
Hiểu, hành càng kỹ, càng siêu thoát về.* ⁽¹³⁾

⁽¹¹⁾ Thánh tịnh Ngọc Chiếu Đài, 05-01 Ất Ty (06-02-1965).

⁽¹²⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Đinh Mùi (23-5-1967).

⁽¹³⁾ Thánh tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu (22-3-1973).

Do chỗ học nhiều sẽ hiểu nhiều, chúng ta cần cố gắng, không bỏ qua một ngày nào mà chẳng học. Hàng ngũ lãnh đạo càng phải học nhiều vừa để làm gương vừa để thêm khả năng và uy tín hướng dẫn đàn em. Người đạo Cao Đài, theo lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi, “mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền truyện.”⁽¹⁴⁾

Chữ *phải* hàm ngụ ý nghĩa một lời dạy cần phải tuân hành, một nhu cầu cần thiết phải đáp ứng. Chữ *chừa* hàm ngụ ý nghĩa dù có bận rộn gia sự hay thế sự, hoặc dù có mỗi đam mê riêng nào đó, cũng phải chừa một giờ (thời gian tối thiểu), không được nại lý do này nọ hay lý do khác mà bỏ qua.

Đọc thánh kinh hiền truyện, nghiên cứu thánh ngôn thánh giáo mỗi ngày là phương pháp giúp chúng ta vừa định được cái tâm, vừa mở được cái trí; là phương pháp giúp chúng ta gắn liền mình vào từ trường thánh thiện, vào vùng ánh sáng huệ đăng.

Ai chưa tuân hành lời dạy của Đức Giáo Tông, xin hãy bắt đầu. Chúng ta sẽ thích thú cảm thấy mình được thăng hoa, gặt hái được nhiều kết quả thật bổ ích cho tâm linh, cần thiết cho hành trình tiến hóa của mình:

HỌC + TU → HỌC ↑ + TU ↑ + HÀNH

Hai mũi tên ↑ hướng lên bên trên hai chữ HỌC ↑ và TU ↑ ngụ ý rằng mỗi người tín đồ Cao Đài đừng ngừng học, chẳng ngừng tu, mà phải luôn tiếp tục, vừa tiến về phía trước, vừa vươn lên cao, ngày càng có đầy đủ vốn liếng để mà hành đạo độ đời, đồng thời ngày càng tiến gần hơn tới mức khinh thanh siêu thoát.

Chỉ còn một vấn đề, mỗi người phải tự đặt ra và trả lời:

⁽¹⁴⁾ Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 15-11 Ất Ty (07-12-1965).

Mình có quyết tâm, quyết chí hay không?

III. HỌC GIẢ VÀ HÀNH GIẢ

Học giả (scholars) là từ dùng để gọi người học rộng, biết nhiều, có nghiên cứu chuyên sâu một hay nhiều lãnh vực học thuật.

Tới đây, chúng ta sẽ phân tích, nhận diện hai con đường riêng rẽ: một đưa tới đỉnh cao của Đạo học; và một đưa tới đỉnh cao của các môn khoa học khác.

1. Tất cả các môn học trên thế gian đều dùng *trí* để thu đắc kiến thức; trong khi Đạo học dùng *cả tâm lẫn trí* mới đạt kết quả, mà tâm là là chính yếu; tâm định là nền tảng để cho huệ trí phát sinh và phát triển.

Ồn Trên luôn nhắc nhở hành giả cố gắng công phu tịnh định để được sáng suốt, và trên con đường học, tu và hành, những hành giả chuyên cần thực nghiệm đều thích thú cảm nhận từng bước thăng hoa sáng suốt của mình. Theo giáo lý nhà Phật, trí bát nhã gồm có cả trí và tâm; tâm mà thiếu trí thì không được, trí mà thiếu tâm cũng không xong.

2. Đạo học và các khoa học khác chủ yếu nghịch chiều nhau ở chỗ khoa học thế gian dùng giác quan cộng với phương tiện kỹ thuật để quan sát những sự vật và hiện tượng vật chất hữu hình bên ngoài (hướng ngoại tìm cầu); trong khi Đạo học thì hướng tâm mình vào trong (hướng nội tìm cầu) và đối tượng khảo sát là vấn đề tâm linh, siêu hình, rồi dùng trực giác mà cảm nhận.

Cách nay không lâu, một tờ báo lớn ở Mỹ nêu lên nghi vấn về sự hiện hữu của Thượng Đế và công khai thách đố mọi người đưa ra bằng chứng rằng có Thượng Đế. Một nhà thiên văn học tầm cỡ tại Trung Tâm Nghiên Cứu Palomar phụ họa với tờ báo, phát biểu: “Tôi đã dùng kính viễn vọng tối tân

nhất, có thể quan sát các tinh tú xa trái đất hàng triệu năm ánh sáng, mà nào có thấy thiên đường hay Thượng Đế cư ngụ nơi nào đâu.”⁽¹⁵⁾

Người tu hành phương Đông chúng ta không khỏi mỉm cười độ lượng với chút thú vị khi so sánh hai phương cách: một bên thì hướng viễn vọng kính tối tân lên trời cao, tìm kiếm Thượng Đế ở nơi nào đó thật cao thật xa; còn một bên thì hướng tâm mình vào bên trong, gần thật gần để cảm nhận một cách cụ thể sự hiện hữu của Thượng Đế.

3. Cũng có một số học giả bên đời ra công nghiên cứu các tôn giáo, từ hệ thống tổ chức tới hệ thống giáo lý, nhưng nghiên cứu với tư cách người ngoại cuộc, không muốn bị ràng buộc vào các giới luật tôn giáo.

Xưa nay, Đông và Tây đều hiểu và thừa nhận rằng *tôn giáo là cánh cửa rước nhân sinh vào tìm Đạo*. Vậy thì có ai đứng bên ngoài cánh cửa tôn giáo nhìn vào mà có thể thấy rõ, thấu biết được Đạo ở bên trong? Đứng ngoài cửa tôn giáo mà quan sát thì chỉ thấy phần tổ chức hữu hình, thấy hành vi của con người với trình độ tiến hóa còn cao thấp khác nhau, nên còn có đúng sai. Không có kinh nghiệm trì hành và thực chứng, chỉ lấy tư cách người ngoại cuộc để đọc, nghiên cứu (và phê phán) giáo lý một tôn giáo thì chẳng khác nào là, như lời Đức Giáo Tông Vô Vi, “*đọc một bản thực đơn không thực phẩm*”.

Phải bước vào Đạo qua cánh cửa tôn giáo, giữ giới luật, khứ trừu lưu thanh, rèn luyện thân tâm... rồi mới nếm được hương vị của Đạo. Đến lúc nào mà hành giả thực hiện được lời dạy của Đức Chí Tôn “*Con có thánh tâm sẽ có Thầy*”,⁽¹⁶⁾

⁽¹⁵⁾ Baird Spalding, *Hành Trình Về Phương Đông*. Nguyên tác: *Life and Teaching of the Masters of the Far East*.

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).

thì bây giờ (có Thầy, Thượng Đế, ngự trong tâm) mới mong thấu rõ huyền vi của Đạo.

4. Trong mấy thập niên gần đây, một số người phương Tây bắt đầu công nhận rằng ở phương Đông có những đạo sư, những hiền giả đặc đạo, thực hiện được những điều mà khoa học chưa thể chứng minh hay giải thích được.

Đặc biệt, Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh đã cử một phái đoàn gồm nhiều nhà khoa học tên tuổi sang Ấn Độ quan sát, sưu tầm, tường trình và giải thích những sự kiện huyền bí. Phái đoàn này đã tự đặt ra những tiêu chuẩn rõ rệt để giúp họ quan sát với một tinh thần khoa học tuyệt đối: không chấp nhận bất cứ một điều gì nếu không có sự giải thích rõ ràng, hợp lý. Để soạn thảo bản tường trình, mỗi nhà khoa học trong đoàn phải tự mình ghi nhận những điều mắt thấy tai nghe vào sổ tay cá nhân. Sau đó, tất cả cùng nhau đối chiếu chi tiết và kiểm chứng cẩn thận. Chỉ khi nào tất cả đều đồng ý thì điều đó mới được ghi vào biên bản chính. Tất cả những gì không giải thích được hợp lý, khoa học đều bị loại bỏ.

Khi ra đi họ không mấy tin tưởng, nhưng lúc trở về họ đều đổi khác. Giáo Sư Baird Spalding (1857-1953), trưởng đoàn, đã phát biểu: “*Phương Đông có những chân lý quan trọng đáng để cho người phương Tây nghiên cứu, học hỏi. Đã đến lúc người phương Tây phải quay về phương Đông, trở về với quê hương tinh thần.*”⁽¹⁷⁾

Điều đáng tiếc là sự trở về của phái đoàn sau ba năm du khảo đã gặp nhiều chống đối mãnh liệt từ một dư luận đầy thành kiến hẹp hòi. Các nhà khoa học bị bắt buộc từ chức, không được tuyên bố thêm về những điều đã chứng kiến. Sau đó, trưởng đoàn, Giáo Sư Spalding, đã cho xuất bản quyển

⁽¹⁷⁾ *Hành Trình Về Phương Đông*. Nguyên Phong dịch.

Hành Trình Về Phương Đông – Life and Teaching of the Masters of the Far East (1935) và nó đã gây ngay một dư luận hết sức sôi nổi. Người ta vội tìm đến những thành viên trong đoàn thì được biết họ đã rời bỏ châu Âu, đã bỏ lại tất cả danh vọng, địa vị, đoạn tuyệt với thành kiến, tự ái, tự tôn cố hữu của người phương Tây để sống đời tu sĩ trên núi Tuyết của dãy Hy Mã Lạp Sơn.

Các nhà khoa học này, các học giả này đã biết và bắt đầu tin rằng để thấu hiểu và đạt được huyền năng của Đạo học, họ không thể đứng bên ngoài mà nhìn vào để nghiên cứu, ghi nhận như một khách bàng quan, mà phải tự mình dần thân trở thành hành giả.

Đạo học là một khoa học thực nghiệm với đặc thù của nó: để đạt được thành quả ở địa hạt vô vi, siêu hình, mỗi người phải tự mình thực hành cuộc chứng nghiệm, theo kiểu ai ăn nấy no, ai uống nấy hết khát, ai tu nấy đắc. Như thế:

- Người tu phải siêng học, gắng tu, năng hành, và hành theo đúng chánh đạo.

- Bậc anh chị lớn hướng đạo trong địa phương phải vạch đường hướng *học, tu và hành*, anh chị dìu em, khuyến khích, chỉ dẫn đoàn hậu tấn noi theo.

- Những người dù có học vị cao cũng không nên nghĩ rằng mình có thể dùng trí để đọc kinh sách mà hiểu thấu được Đạo; trái lại phải biến *học giả* thành *hành giả*, trì hành, thực nghiệm thì mới chứng nghiệm được huyền vi.

NHO GIÁO VÀ KHỔNG GIÁO

I. TIÊN NHO – ĐỨC KHỔNG TỬ – HẬU NHO

Bảo rằng Nho Giáo và Khổng Giáo là một, điều đó đúng. Nhưng tín đồ Cao Đài cần hiểu lịch sử Nho Giáo một cách khá rõ ràng và đầy đủ hơn.

Khi cúng tứ thời, niệm “*Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn*”, tín đồ Cao Đài ý thức rằng trước Đức Khổng Tử đã có đạo Nho, và Đức Khổng là đáng có công *hưng Nho*. Hay nói theo thuật ngữ Cao Đài thì trước Đức Khổng Tử đã có các vị tiên Nho thời Nhứt Kỳ Phổ Độ. Đó là các vị thánh vương: Phục Hy (Thế kỷ 43 hay 34 trước Công Nguyên), Nghiêu (-2357 – -2255), Thuấn (-2255 – -2205), Đại Võ (-2205 – -2197), Thành Thang (1783 – ?), Văn Vương (? – -1135), Võ Vương (-1122 – ?), v.v...

Sang Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Khổng Tử là bậc Thánh Nhân đã hưng Nho với công trình san định lại Kinh Thi, Kinh Thư, nghiên cứu Lễ, Nhạc để soạn thành sách, trứ thuật Kinh Xuân Thu, viết Thoán Truyện và Đại Tượng Truyện cho Kinh Dịch, v.v... nhất là với những cách mạng của Ngài về giáo dục, suốt đời “*dạy người không biết mới*”, với mục đích cứu đời, cốt đào tạo những người có đức có hạnh, có trí sáng suốt, có liêm sỉ, để làm chánh trị, cải tạo xã hội.

Đức Khổng Tử đã gây một ảnh hưởng rộng lớn, bền bỉ, đến đổi được thế giới xếp vào hàng các vị giáo chủ của nhơn loại, nên mới có từ Khổng Giáo.

Tín đồ Cao Đài vốn đã biết khá đầy đủ về Đức Khổng Tử, cũng nên tìm hiểu thêm hàng ngũ hậu nho (sau Đức Khổng Tử): Mạnh Tử (khoảng 100 năm sau Đức Khổng), Đổng Trọng Thư, Dương Hùng... đời nhà Hán (-200 – +200); đặc biệt với hàng ngũ Tống Nho, một thời như hoa nở rộ với nhiều danh Nho đề xướng ra tư tưởng mới: Trời là một vũ trụ năng, là một khí Nhất Nguyên, là Lý Thái Cực, là Đạo, là Nhất, là Tâm. Trước thời đó, với Đức Khổng Tử thì Trời là một Đấng hữu ngã, cao minh tuyệt đối.

Tuy quan niệm về Trời có biến chuyển trong Nho Giáo, nhưng chủ trương tìm Đạo, tìm Trời vẫn không thay đổi, vì Trời được hiểu với ba phương diện: (1) Trời là Trời; (2) Trời là Đạo; (3) Trời là Luật Trời (Thiên Lý).

Dầu Trời là một Đấng hữu ngã, Ngài cũng hành động theo Đạo, theo luật Trời, không sai lệch.

Danh Nho đời nhà Tống (1000–1300):

- Chu Liêm Khê (1017-1073)
- Thiệu Khang Tiết (1011-1077)
- Trương Hoàn Cừ (1020-1077)
- Trình Tử, tức Trình Di, hay Trình Y Xuyên (1033-1107)
- Thượng Thái (1050-1103)
- Lục Tượng Sơn (1139-1192)
- Chu Hy, tức Chu Hối Am (1130-1200)
- Đông Lai, tức Lữ Tổ Khiêm (1137-1181)
- v.v...

Một danh Nho đời nhà Minh cũng cần được nghiên cứu: **Vương Dương Minh** (1472-1528), người đã chủ trương rằng Đạo chẳng ngoài Tâm, lương tri tức là Đạo, tức là Trời; từ đó

ông sáng lập ra học thuyết riêng biệt: *Trí lương tri* để đưa người vào đường thánh học.

*

Sau khi đã sơ lược làm quen với các tiên Nho và hậu Nho (trước và sau Đức Khổng Tử), chúng ta tìm hiểu chủ trương then chốt của Nho Giáo.

II. CHỦ TRƯỞNG THEN CHỐT CỦA NHO GIÁO

Nho Giáo nói chung, công trình tu thân nói riêng, cũng như mọi vấn đề chính trị, xã hội khác, đều dựa trên một chủ trương căn bản: *con người có Thiên Tính*. Thiên Tính ấy được gọi là:

- Đạo tâm, theo *Kinh Thư*
- Thiên mệnh, theo *Trung Dung*
- Minh đức, theo *Đại Học*
- Di, Tắc, theo *Kinh Thi...*

Từ ngữ tuy khác nhau, nhưng chung quy đều nói lên một chân lý cốt cán rằng dưới những hiện tượng tâm tư, còn có bản thể Trời làm căn cốt.

Vì bản tính của người là Trời, cho nên Nho Giáo mới xác quyết rằng tính con người vốn tốt. Vì con người đã có Thiên Chân, đã sẵn có *mâm hoàn thiện* nơi mình, cho nên con người có bổn phận phải xiển dương cái mầm hoàn thiện ấy cho tới mức tinh vi cao đại. Mọi người sinh ra ở đời này đều có bổn phận nỗ lực tiến tới mục phiêu cao cả ấy, và phải góp phần vào công cuộc đại hóa, đại tạo ấy của trời đất.

Tất cả chủ trương trên đã được trình bày ngay nơi đầu sách *Đại Học*:

*Đại Học có mục phiêu rã rệt
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy
Dạy dân lối sống tân kỳ
Chưa nơi hoàn thiện, còn đi chưa ngừng.⁽¹⁾*

III. QUAN NIỆM TU THÂN THEO NHO GIÁO

1. Lý do tu thân

Hiểu được chủ trương nòng cốt nói trên của Nho Giáo, chúng ta đã hiểu được lẽ chính yếu tại sao con người cần phải tu thân.

Tu thân là gì? Tu thân là sửa mình.

Sửa mình là gì? Là sửa tâm hồn cho nên tốt đẹp.

Tại sao phải sửa tâm hồn cho nên tốt đẹp? Vì trong mỗi người chúng ta đều đã có Thiên Tính, tức là đều đã có lẽ chí thiện, chí mỹ của trời đất tiềm ẩn bên trong, vì thế nên con người cần phải tu thân để thực hiện lẽ chí mỹ, chí thiện ấy.

Đổng Trọng Thư (-179 – -117), một danh Nho đời nhà Hán, đã cho rằng Tính như con kén, như cái trứng. Trứng đợi ấp rồi mới nở, tính đợi dạy rồi mới thiện, thế gọi là chân thiện. Ông cũng cho rằng “*Con người sinh ra chưa phải là Người, vì Người thì hoàn toàn như Trời vậy.*”

Thế tức là, khi sinh ra, con người mới chỉ có khả năng để trở nên toàn thiện, chớ chưa phải là đã toàn thiện. Con người còn cần phải có thời gian, hoàn cảnh, cần tốn công phu tu luyện, rồi ra mới trở nên toàn thiện được. Cho nên, *sinh* chưa đủ, còn cần phải *thành* nữa mới được vẹn toàn.

Có sinh nhưng phải có thành

⁽¹⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch.

*Không tu hồ để Trời dành phẩm Tiên?
Mới sinh như góm chưa men
Như vàng chưa luyện, như duyên chưa thành
Cho nên phải tập phải tành
Phải trau, phải chuốt, tinh anh mới toàn.⁽²⁾*

2. Phương pháp tu thân

a. Lập chí

Muốn tu thân, trước hết phải lập chí. Lập chí là thực tâm ước nguyện, là dốc chí tu hành, tu tập để trở thành hiền, thánh.

- Học để mà biết phương pháp tu luyện.

- Hành để mà chỉnh trang tâm hồn, cải thiện tâm hồn.

Nhiều bậc đại Nho, sau khi đã đỗ đạt cao, đã bỏ hẳn cái lối học để cầu danh tranh lợi, mà đeo đuổi cái lối học để tìm cầu đạo lý, trở thành Hiền Thánh.

Chu Hy (1130-1200), một danh Nho đời Tống, đỗ tiến sĩ năm 18 tuổi, ra làm quan được ít lâu, bỏ về. Năm 28 tuổi, nghe tiếng Lý Đổng, một danh Nho thụ đắc được đạo lý chính truyền Nho Gia, ông bèn đi bộ mấy trăm cây số đến xin thọ giáo, và ông đã theo học Lý Đổng trong vòng năm năm, cho tới khi Lý Đổng mãn phần.

Chu Hy viết: “*Người đời nay tham lợi lộc mà không tham đạo lý, muốn làm người quý mà không muốn làm người tốt, đó là cái bệnh ở sự không lập chí.*”⁽³⁾

Lục Tượng Sơn (1139-1192), một danh Nho khác đời Tống cũng cho rằng: “*Chỉ trừ những bậc có thiên tư đỉnh ngộ thấy*

⁽²⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch.

⁽³⁾ Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ.

rõ đạo lý mới quyết chí về đường tu dưỡng, còn ngoại giả là chỉ đua theo thói đời mượn tiếng Thánh Hiền để đi tới đường lợi lộc. Bởi vậy cái danh thì có, cái thực thì không.”⁽⁴⁾

Gương lập chí sáng tỏ nhất để thành thánh hiền, chúng ta thấy được nơi **Vương Dương Minh** (1472-1528), một danh Nho thời Minh. Vương Dương Minh thuở nhỏ thông minh lạ thường, ở nhà nghe tổ phụ là Trúc Hiên Công đọc sách, nghe tới đâu nhớ tới đó. Năm 11 tuổi đi học, một hôm ông hỏi thầy: “Ồ đời việc gì là hơn cả?” Thầy nói: “Chỉ có học rồi thi đỗ là hơn cả.” Ông không chịu và nói: “*Chỉ có học để làm Thánh Hiền là hơn.*”⁽⁵⁾

Từ đây cho tới lớn, ông tha thiết suy tư, học hành, tâm sự học đạo. Năm 17 tuổi ông đến Giang Tây, cưới vợ là con gái quan tham nghị Chu Dưỡng Hòa. Ngay hôm sắp làm lễ hợp cẩn, ông đi chơi đến Thiết Trụ Cung, thấy một đạo sĩ đang ngồi giảng đạo, ông vào nghe nói về thuyết trường sinh, rồi ngồi đối thoại với đạo sĩ suốt đêm, quên cả việc cưới vợ.

Năm 28 tuổi ông đỗ tiến sĩ rồi ra làm quan, nhưng cứ vợ vẫn muốn xuất gia. Ông chê lỏi học từ chương của bè bạn đương thời. Ông học Phật, học Lão, học Nho để cố tìm cho ra con đường tiến tới Thánh Hiền. Tuy tốn nhiều công phu mà vẫn chưa toại nguyện. Năm 34 tuổi, ông bị triều đình thuyên chuyển ra Long Trường, một nơi hoang vu. Một hôm, nửa đêm ông mới chợt tỉnh ngộ ra cái nghĩa “*Cách vật trí tri*” của sách Đại Học và nhận chân được rõ ràng rằng: *Đạo chẳng ngoài Tâm, và lương tri tức là Đạo, tức là Trời.* Từ đây ông sáng lập ra một học thuyết riêng biệt và chủ trương *trí lương*

⁽⁴⁾ Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ.

⁽⁵⁾ Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ.

tri để đưa người vào đường Thánh học.⁽⁶⁾

Chúng ta thấy một người như Vương Dương Minh mà cũng phải tốn nhiều năm tháng, nhiều công phu mới trở thành thánh hiền. Từ năm 11 tuổi đã dốc chí học hành để trở thành Hiền Thánh, mà mãi tới năm 34 tuổi, khi bị lao lung đầy ải, xa cách hẳn với từ chương sách vở, ông mới tìm thấy được ánh sáng Trời chiếu rọi ở tâm linh.

b. Học hỏi, suy tư

Sau khi đã lập nguyện, lập chí, nhất định dùng cuộc đời mình để tu luyện trở thành Thánh Hiền, các bậc danh Nho mới ra công học hỏi, suy tư. Học hỏi suy tư, ở giai đoạn này, không còn là cái học để thêm kiến văn, kiến thức nữa, mà chính là để tìm lại Thiên Tâm, Thiên Tính, bản tâm, bản tính của mình. Đây là cái học cốt để tự chứng, tự nghiệm, tự đắc.

Trình Tử cho rằng: “*Không suy nghĩ chín chắn thì không thể đến được cõi đạo lý. Không suy nghĩ chín chắn mà đắc đạo, thì sự đắc đạo ấy cũng dễ mất... và tự lự lâu ngày, sự minh duệ tự nhiên sinh ra.*” Ông cũng cho rằng: “*Điều sở đắc của người học đạo phần nhiều do ở trực giác hơn ở sách vở và thầy hay bạn.*”⁽⁷⁾

Trên đây nói rằng học hỏi suy tư để tìm cho ra lẽ nhất quán của trời đất, để “*cùng lý tận tính*”, để tìm cho ra được phần linh thiêng nhất của tâm thần chúng ta. Cái phần linh thiêng ấy, các Nho gia xưa gọi là Tính, là Mệnh, là Minh Đức, là Đạo, là Thiên Lý, v.v... Có một người, ông Vương Dương Minh, gọi cái phần linh thiêng ấy một cách nôm na hơn, nghe như gần gũi với mỗi người chúng ta hơn, là lương tâm.

⁽⁶⁾ Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ.

⁽⁷⁾ Bửu Cầm, *Tổng Nho*.

Vương Dương Minh chủ trương:

- Học là để tìm lại được lương tâm.
- Tu là để sống theo đúng lương tâm.

Ông viết: “*Tâm tức là Đạo, Đạo tức là Trời. Biết Tâm thì biết Đạo, biết Trời.*”

Ông còn nói:

*Thần Thánh ngàn xưa đều quá vắng,
Lương tri mới thực mãi thấy ta.*

c. Theo tiếng lương tâm, cải hóa tư tâm

Sau khi đã nắm chắc được rằng lương tâm con người là bản tính, là Đạo, là Thiên địa chi tính, là gương mẫu hoàn thiện... còn tâm tư là “khí chất chi tính” có thanh có đục khác nhau, có hay có dở khác nhau, Nho gia liền ra công *noi theo lương tâm, cải hóa tư tâm*.

Công trình này được Nho gia gọi là *chính tâm* để làm hiển lộ Thiên Tính, hay cũng gọi là *tồn tâm dưỡng tánh*. Chung quy là “*biến hóa cái khí chất chi tính*” theo từ ngữ của Trương Hoàn Cừ. Nói theo *Luận Ngữ* thì đó là chủ trương “*khắc kỷ phục lễ*”, con người theo Thiên lý mà sửa nhân tính, theo lương tâm mà sửa tư tâm.

Theo **Thượng Thái** (1050-1103) thì Thiên Lý và nhân dục là hai lẽ tương đối. Người có một phần nhân dục tức là diệt mất một phần Thiên Lý. Có một phần Thiên Lý tức là thắng được một phần nhân dục. Khi người ta đã trừ bỏ được tất cả dục vọng ở trong lòng, thì phần còn lại tức là Thiên Lý. Bởi vậy đối với Thượng Thái, người học đạo muốn được chứng ngộ, không cần phải tìm những điều xa xôi, chỉ cần biết khắc kỷ

phục lễ để giữ toàn Thiên Lý là đủ.⁽⁸⁾

d. Kính sợ Trời, như có Trời ẩn áo giáng lâm

Khi đã tìm ra được bản tâm, bản tính, đã trực diện được với lương tâm là Đạo, là Trời, lúc ấy người quân tử sẽ trở nên trang nghiêm, cung kính:

- Kính sợ Trời như thể có Trời ẩn áo giáng lâm.
- Kính sợ Trời đang tiềm ẩn đáy lòng.
- Tự trọng vì nhận ra nơi mình cũng có bản thể thần minh y như nơi các bậc Thánh Hiền kim cổ.
- Trọng người vì nhận ra được rằng người cũng có bản thể thần minh tương tự như mình.

Có cung kính, có trang nghiêm, con người mới dễ dàng tu sửa tâm hồn cho hẳn hoi ngay ngắn. *Kinh Thi* viết:

*Chái Tây Bắc góc nhà thanh vắng
Đừng làm chi đáng để hổ ngươi
Đừng rằng tấm tối chơi voi
Đừng rằng tấm tối ai người thấy ta
Thần giáng lâm ai mà hay biết
Nên dấm đầu khinh miệt, để ngươi.⁽⁹⁾*

Quan niệm kính Trời của Nho Giáo đã được du nhập vào các truyện sách Trung Hoa. Đọc bộ truyện *Thuận Trị Quá Giang*, ta thấy ở ngay hồi đầu có câu:

*Nhân gian tư ngữ Thiên văn như lời
Ám thất, khuy tâm, Thần mục như điện.*

Nghĩa là:

⁽⁸⁾ Bửu Cầm, *Tổng Nho*.

⁽⁹⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch.

*Nhân gian thăm thi với nhau
Trời nghe tỏ rõ khác đâu sấm rền
Lòng riêng, buồn kín, tối đen
Mắt thần soi rõ như in chớp lòe.*⁽¹⁰⁾

Truyện *Phản Đường* có tích như sau: Địch Nhân Kiệt (630-700), trên đường ra kinh thành dự thi, đến huyện Lâm Thanh vào quán trọ nghỉ ngơi. Đêm đến có một thiếu nữ xinh đẹp đến gặp ông trong phòng ngủ để tống tình. Địch Nhân Kiệt mới đầu cũng động tình vì thấy nàng nọ nhan sắc diễm kiều lại ăn nói mặn mà duyên dáng. Nhưng sau ông chợt nghĩ đến câu “*Hoàng Thiên bất khả khi*”, nghĩa là không thể lừa dối Trời được, nên ông đã làm một bài thơ khẳng khái cự tuyệt.

Ngày hôm sau ở kinh sư, vua Đường Thái Tôn hỏi quân sư là Lý Thuần Phong xem kỳ này ai sẽ đỗ trạng nguyên. Lý Thuần Phong về nhà trai giới rồi thiếp đi để lên Thiên Đình xem bảng Trời. Khi hoàn hồn ông tâu cho vua biết trên bảng Trời có sáu chữ “*Hỏa khuyến nhị nhân chi kiệt*” và bên cạnh bảng còn có một lá cờ có ghi một bài thơ tứ tuyệt. Ông chép lại bài thơ đó dâng lên vua. Vua sai niêm phong cất đi để chờ ứng nghiệm.

Đến khi Địch đỗ trạng nguyên, vào triều bệ kiến, vua Đường Thái Tôn mới vỡ lẽ ra rằng sáu chữ mà Lý Thuần Phong thấy chép trên bảng Trời bữa trước (*Hỏa khuyến nhị nhân chi kiệt*) chính là tên *Địch Nhân Kiệt* viết theo lối chiết tự,⁽¹¹⁾ còn bài thơ tứ tuyệt thì chính là bài thơ mà Địch Nhân

⁽¹⁰⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch.

⁽¹¹⁾ Chữ *Hỏa* 火 hiệp với chữ *Khuyến* 𠂔 thành chữ *Địch* 狄. Chữ *Nhị* 二 hiệp với chữ *Nhân* 亻 thành chữ *Nhân* 仁. Tức là *Địch Nhân Kiệt* 狄仁傑. (Ban Ân Tống chú.)

Kiệt đã làm trong quán vắng đêm nọ. Vua tôi đều thất kinh, mới hay đúng là “*Hoàng thiên bất khả khi*” vậy.

e. Phương pháp kiểm chứng

Trong hành trình tu thân, cần phải biết xét mình, biết kiểm thảo, kiểm chứng.

- **Tăng Tử** xưa đã lấy sự xét mình làm trọng. Ông nói: *Hằng ngày ta xét mình về ba điểm này: Làm việc gì cho ai, ta có hết lòng chẳng? Kết giao với bằng hữu, ta có thành tín chẳng? Đạo lý do thầy ta truyền dạy, ta có học tập chẳng?*⁽¹²⁾

- *Luận Ngữ* cho chúng ta thành quả của sự kiểm chứng như sau: *Người trí không lâm; người nhân không buồn; người dũng không sợ.*⁽¹³⁾

Luận Ngữ còn thêm rằng: *Nếu ta xét mình mà chẳng thấy điều gì làm lỗi, thì việc gì mà buồn, việc gì mà sợ.*⁽¹⁴⁾

- *Trung Dung, Đại Học, Mạnh Tử* đều cho rằng có đức độ bên trong sẽ thấy hiện lộ ra bên ngoài:

Hoàn thiện rồi sẽ phát hiện ra ngoài hình sắc.⁽¹⁵⁾

Giàu thời nhà cửa khang trang

Đức thời thân thể khang an, rạng ngời

Lòng mà khoan quảng, thanh thoi

Rồi ra sẽ thấy tốt tươi hình hài.⁽¹⁶⁾

- *Người quân tử lập chí ở Đạo, nếu chưa thấy phát huy*

⁽¹²⁾ *Luận Ngữ*, I, 4.

⁽¹³⁾ *Luận Ngữ*, Tử Hãn, IX, 27.

⁽¹⁴⁾ *Luận Ngữ*, Nhan Uyên, XII, 4.

⁽¹⁵⁾ *Trung Dung*, Chương XXIII.

⁽¹⁶⁾ *Đại Học*, VI, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch.

được Đạo ra ngoài thì chưa đạt Đạo.⁽¹⁷⁾

3. Mục đích tu thân theo Nho Giáo

Theo Nho Giáo, tu thân chẳng phải chỉ để tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, mà còn là để trở thành Thánh Hiền.

Nho Giáo không chủ trương cho con người dừng lại nửa chừng trên con đường tu tiên, vì thế Đại Học chỉ cho ngừng lại khi đã tiến tới mức chí thiện.

Trong bài bình giải Chương I, *Trung Dung*, Chu Hy đã cho thấy rằng tất cả công phu tu thân của bậc chính nhân quân tử đều có mục đích đưa tới chỗ “*Thánh Nhân công hóa chi cực.*” Thánh Nhân, theo Nho Giáo, là mẫu người lý tưởng của nhân loại, là những người thông minh, huệ trí siêu phàm, là những người đã thể hiện được sự toàn thiện.

Chu Hy bình luận tiếp về Thánh Nhân như sau: “*Thánh Nhân có một đời sống hoàn toàn phù hợp với Thiên Lý. Có thể nói được rằng Thánh Nhân được mệnh danh là thành, chính vì đã sống cuộc đời hoàn toàn phù hợp với tính bản nhiên, với Thiên Lý, và vì vậy, đã phối hợp được với trời đất.*” Và Chu Hy nói tiếp bằng lời hào hứng như sau: “*Thánh Nhân là hiển thân của Trời.*”

Lời xác quyết này của Chu Hy thật quá đủ để giải tỏa niềm thắc mắc: Nho Giáo chỉ dạy làm người, hay cũng dạy làm Thánh, làm Trời?” và cũng đủ sức hấp dẫn, khuyến khích chúng ta:

- Lập chí cho cao siêu, lập chí trở thành Thánh Hiền.
- Cố gắng học hỏi, suy tư để “*cùng lý trí tri*”.
- Cố gắng cải thiện nội tâm, sống theo lương tâm, tiến dần

⁽¹⁷⁾ *Mạnh Tử*, Tận Tâm, Chương Cú Thượng, câu 24.

tới Chân, Thiện, Mỹ, tới mức toàn vẹn trở thành hiển thân của Trời.

Không ai tìm được trong *Tứ Thư* và *Ngũ Kinh* một từ Thiên Đàng hay Niết Bàn nào, nhưng có thấy nói rằng: “*Con người tu đức để nên quân tử, nên Hiền Thánh, kết hợp với Trời, thì tinh anh con người chết rồi sẽ về chốn chiêu minh rực rỡ.*”⁽¹⁸⁾

Tra cứu, phân tích và suy tư, chúng ta thấy chủ trương của đạo Nho không khuyến khích con người lấy chuyện lên Thiên Đàng hay về cõi Niết Bàn làm mục đích, làm nguyện vọng, mà mục đích cao đẹp của con người là “*trở nên hoàn thiện để phối kết, hợp nhất với Trời*” – cao minh phối Thiên.⁽¹⁹⁾

Kết hợp được với Trời, thì hệ quả đương nhiên là Trời ở đâu ta sẽ ở đó, nơi đó gọi là Thiên Đàng cũng được, gọi là Niết Bàn cũng hay; và Trời vốn ở khắp cùng, thì chúng ta sẽ cùng Trời mà ở cùng khắp ... và bởi lẽ ở cùng khắp nên chẳng tiện có một cái tên để chỉ một địa điểm riêng nào.

PHỤ LỤC

CÁC BẬC THÁNH VƯƠNG, NHO GIA THỜI NHƯT KỲ PHỔ ĐỘ

1. Vua **Phục Hy** (thế kỷ 43 hay 34 trước Công Nguyên?): Trời sai long mã ở sông Hoàng Hà đội bức đồ nổi lên mà giao cho Phục Hy. Dựa theo Hà Đồ vua đã vạch ra Bát Quái Tiên Thiên.

⁽¹⁸⁾ *Lễ ký*, Tế Nghĩa, XXIV. Dẫn trong Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển thượng.

⁽¹⁹⁾ *Trung Dung*, Chương XXVI.

2. Vua **Nghiêu** (2357-2255 trước Công Nguyên): Sử chép rằng Vua Nghiêu rất thương dân. Ngài nói: *Thấy một người dân đói, ta thấy như là ta đói; thấy một người dân rét, ta thấy như là ta rét; thấy một người dân bị áp bức, ta thấy như là ta bị áp bức.*

Vua Nghiêu cho đặt trống và bảng trước triều đình. Hễ ai muốn can gián khuyên cáo nhà vua thì tới đó đánh trống xin vào triều kiến, hoặc là viết lời gián nghị dán lên bảng.

3. Vua **Đại Võ** (2205-2197 trước Công Nguyên): Phòng theo Lạc Thư thấy trên lưng thần Kim Quy ở sông Lạc, một nhánh của sông Hoàng Hà, Vua Võ đã vạch ra Bát Quái Hậu Thiên.

Sử chép: Một hôm, trong cuộc tuần thú, Ngài trông thấy một tội nhân, liền xuống xe hỏi han rồi khóc ròng. Tả hữu nói: tội nhân này trái đạo, đức vua can chi phải khổ đau? Vua nói: *Thời Nghiêu Thuấn dân lấy lòng Nghiêu Thuấn làm lòng mình. Ta nay lên làm vua, bá tánh theo ý riêng mình, vì vậy ta khóc. Vạn phương có tội, lỗi tự mình ta.*

Vua Đại Võ cho treo chuông, trống lớn, khánh, mõ, trống khải tại triều đình. Vua truyền viết trên giá chuông trống như sau: *Ai muốn chỉ dẫn quả nhân về đạo lý, xin đánh trống lớn; muốn khuyên cáo về nghĩa, xin đánh chuông; muốn trình bày công việc, xin đánh mõ; muốn khiêu oan, xin đánh khánh; muốn thưa kiện, xin đánh trống khải.*

4. Vua **Thành Thang**: Trong *Luận Ngữ*, Đức Khổng Tử rất khen vua Thành Thang là minh vương, biết dùng người hiền; dân có lỗi thì vua lại tự trách mình không đủ tài đức để trị nước.

5. **Văn Vương**: Văn Vương tên là Cơ Xương, là một chư hầu của nhà Ân, được vua Trụ phong làm Tây Bá Hầu, tức là

chư hầu lớn nhất ở phương Tây, vào khoảng tỉnh Sơn Tây ngày nay.

Văn Vương phục sức xoàng xĩnh, chỉ chăm việc trị an và canh nông, lo cho dân được an vui thịnh vượng. Ngài khiêm cung, nhu mì, thương yêu, bênh vực và giúp đỡ dân nghèo. Từ sớm tới trưa, từ trưa đến tối, không còn có thì giờ rảnh để ăn, mãi mê lo cho muôn dân được vui hòa.

Thấy ông có tài, có đức, được lòng dân, nhiều chư hầu theo ông, muốn cùng ông diệt vua Trụ tàn bạo, dâm loạn. Ông không nghe họ. Nhưng vua Trụ thấy thiên hạ theo ông quá, đâm nghi ngờ ông, bắt giam ông vào ngục Dữu Lý năm 1144 trước Công Nguyên, hai năm sau (có sách nói bảy năm) mới thả. Trong khi bị giam ở Dữu Lý, ông đã làm ra Trùng Quái, đặt tên và tìm nghĩa cho 64 quẻ rồi viết *Thoán Từ* cho mỗi quẻ.

Văn Vương mất năm 1135 trước Công Nguyên. Con ông là Cơ Phát lên nối ngôi Tây Bá Hầu. Năm 1122 trước Công Nguyên Cơ Phát đem quân diệt Trụ, chấm dứt nhà Ân và sáng lập nhà Chu, xưng là Võ Vương và phong cha là Văn Vương.

6. **Võ Vương** lưu danh hậu thế với đức độ đã từng được Ôn Trên nhắc tới và khen ngợi: *Võ văn thiện ngôn tắc bá*. Nghĩa là nghe ai khuyên một điều lành, Võ Vương liền bái tạ.

Tóm lại, các vị thánh vương, các vị chân thiên tử, không những biết lo cho dân, mà còn biết trọng dân, cai trị dân một cách dân chủ và bình dị.

NHO TÔNG CHUYỂN THỂ

Đức Khổng Tử đã gây một ảnh hưởng rộng lớn, bền bỉ, đến đổi được thế giới xếp vào hàng các vị giáo chủ của nhân loại, nên mới có từ *Khổng Giáo*. Cho tới ngày nay, tùy cách hiểu mà người đời, hoặc dùng lẫn lộn hai từ *Nho Giáo* và *Khổng Giáo*, xem *Khổng Giáo* tức là *Nho Giáo*, hoặc nếu có phân biệt thì khi nói *Khổng Giáo* là ám chỉ *Nho Giáo từ thời Nhị Kỳ Phổ Độ*.

I. Ý NGHĨA NHO TÔNG CHUYỂN THỂ VÀ CHÍ NGUYỆN CHUYỂN THỂ CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ

Từ ngữ “*chuyển thể*” có ý nghĩa chuyển đời từ bi sang thái, chuyển loạn thành trị. Đức Khổng Tử (551-479 trước Công Nguyên) sống và hoạt động trong thời Xuân Thu (770-480 trước Công Nguyên). Nhà Chu bấy giờ đã suy, các chư hầu không tuân lệnh thiên tử nữa, mỗi nhà hùng cứ một phương, tranh giành đất đai với nhau, gây ra chiến tranh liên miên, chẳng năm nào không có. Đó là thời đại loạn mà các nhà Nho sau này đã phê phán là thời “*đời suy đạo hỏng*”, vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, đạo lý cương thường đảo ngược...

Đức Khổng Tử muốn lập lại trật tự, hô hào giữ vững tôn ti, nhưng cái tôn ti đó trước hết phải xây dựng trên đạo đức: người trên phải làm gương cho người dưới, “*quân quân, thân thân, phụ phụ, tử tử*”. Đó là thuyết *Chính Danh* của Đức

Khổng: người trên phải làm tròn nhiệm vụ, có đủ tư cách của người trên, thì người dưới mới làm tròn nhiệm vụ, giữ tư cách của người dưới. Nếu người trên không làm tròn nhiệm vụ của người trên, như làm vua mà không yêu dân, không trọng ý dân, không lo hạnh phúc cho dân, giáo dục dân... mà lại bóc lột, hiếp đáp, làm hại dân... thì không đáng gọi là vua nữa. Vì theo thuyết chính danh đó, mà một thế kỷ sau, thầy Mạnh Tử bảo rằng giết một bạo chúa, như Kiệt, Trụ, không phải là giết vua mà là giết một kẻ thất phu.

Đức Khổng Tử muốn lập lại trật tự xã hội, khiến cho vua chúa biết trọng lễ nghĩa để cho dân tin, dân phục. Ngài là người đầu tiên mà có lẽ cũng duy nhất chủ trương phải *tu thân* rồi mới *tề gia, trị quốc*. Như vậy phải có đạo đức đã, rồi mới làm chính trị được.

Đức Khổng Tử cũng trọng trí dục ngang với đức dục. Ba đức căn bản của Khổng Giáo là *nhân, trí, dũng*. Ngài cho rằng người trọng đức *tín* mà không chịu học hỏi thì bị tổn hại, vì dễ bị lừa gạt; người ưa sự *ngay thẳng* mà không chịu học hỏi thì hóa ra nóng nảy; người ưa *dũng cảm* mà không chịu học hỏi thì hóa ra phản loạn; người thích *cương quyết* mà không chịu học hỏi thì hóa ra cường bạo...

Để cứu vãn xã hội, Đức Khổng Tử cốt đào tạo một số môn sinh cho thành những chính trị gia có đủ tài đức để họ giúp nước. Mà thời đó kẻ sĩ chỉ có mỗi một cách giúp nước là làm quan. Ngài rất ghét bọn làm quan chỉ để hưởng lộc, khi nước có loạn thì nằng bễ nào che bễ nấy. Ngài muốn họ phải là những con người có nhân cách như chép trong *Mạnh Tử*: “*phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*” (phú quý không thể làm sa đọa đăm mê, nghèo khổ không thể làm lay chuyển được, uy vũ không thể khuất phục nổi).

Đức Khổng Tử thuộc dòng dõi quý tộc nhưng đã sa sút, thời trẻ phải làm những chức nhỏ, rồi mở trường tư dạy học, nổi tiếng là học rộng, mãi đến năm năm mươi một tuổi mới được vua Lỗ dùng làm chức trung đô tể (chức quan cai trị kinh đô như chức thừa thiên phủ doãn đời Nguyễn), rồi thăng chức đại tư khấu (thượng thư bộ hình). Trong ba bốn năm cầm quyền đó, Ngài làm cho nước Lỗ hưởng được cảnh thái bình, không cướp bóc, dân chúng biết trọng lễ, biết tuân pháp luật. Nhưng rồi thấy vua Lỗ bỏ bê việc nước, Ngài chán ngán rời nước Lỗ, cùng với một số môn sinh bên ba các nước Vệ, Trần..., mong tìm một minh quân để thực hiện đạo của mình (thời đó chưa có quan niệm trung quân hẹp hòi như sau này là *trung thần bất sự nhị quân*: tôi trung không thờ hai vua). Nhưng chẳng có ông vua nào chịu nghe Đức Khổng cả. Năm sáu mươi tám tuổi Ngài trở về nước Lỗ dạy học.

Đức Khổng Tử rất hiếu học, suốt đời vừa dạy vừa học thêm, thành nhà bác học bậc nhất đương thời. Đó cũng là một điều kiện chính để được môn đồ kính phục, vì đức hạnh cùng sự hiểu biết của ông thầy không mỗi năm mỗi tiến thì học trò không chịu theo lâu. Chẳng những phải hiểu biết, mà còn phải thực hành. Đức Khổng bảo: “*Muốn dạy người ta điều gì thì thực hành điều đó đã, rồi sau hãy dạy. Nên nói ít mà làm nhiều.*”

Vừa siêng năng học hỏi thêm, vừa tận tụy dạy học như vậy, mà bắt đầu từ hồi bốn mươi tuổi, Đức Khổng Tử còn thu thập tài liệu để viết sách nữa. Thật đáng phục thay sức làm việc của Ngài. Đành rằng những bài trong *Kinh Thi*, *Kinh Thư* đã lưu hành từ trước, Ngài chỉ có việc góp nhặt, sắp đặt lại. Nhưng việc nghiên cứu Lễ, Nhạc để soạn thành sách thì đúng là công của Ngài, và kinh *Xuân thu* thì hiển nhiên là do Ngài trừ thuật.

Sở dĩ Ngài vất vả mệt nhọc như vậy (lắm lúc Ngài thêm cái thú nhàn tản: tắm mát trên dòng sông Nghi, rồi lên hứng gió ở đồi Vũ Vu) là vì Ngài muốn cứu loạn cho đời. Nếu đời không loạn thì Ngài đâu phải bận tâm sửa đổi xã hội làm chi, như Ngài tâm sự: “*Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dữ dịch dã.*”

Chúng ta nghĩ gì về cái đạo của Đức Khổng Tử? Đó là mỗi đạo nhằm chuyển loạn thành trị, đem lại an bình hạnh phúc cho thiên hạ. Một hôm các học trò của Ngài hỏi xin được nghe chí nguyện của Thầy. Ngài đáp: “*Thầy muốn cho người già cả được an vui, bạn bè tin nhau, còn bọn trẻ thì được nuôi nấng dạy dỗ.*” Nghĩa là Ngài mong xã hội bình trị, mọi người đủ ăn, thân ái với nhau, trẻ con được âu yếm. Thật bình dị mà cũng thật cần thiết lắm thay! Có xã hội nào mà chẳng muốn cho đồng bào mình được như vậy.

II. THẾ NHÂN PHÊ PHÁN KHEN CHÊ... NHO GIÁO VẪN LÀ ĐẠO CỨU ĐỜI VÀ PHẢI CHĂNG NHO TỔNG ĐANG CHUYỂN THẾ VÌ NHU CẦU TẤT YẾU CỦA NHÂN LOẠI?

Hai ngàn năm trăm năm qua, Đức Khổng Tử cùng với học thuyết của Ngài từng được đề cao hết mức. Bản thân Ngài được các triều đại Trung Hoa từ Hán tới Minh, Thanh, và các nước có chịu ảnh hưởng văn hóa Khổng Giáo tôn là thánh nhân, là vua thánh (*Văn Tuyên Thánh Vương*), là *đấng Vạn Thế Sư Biểu* (tấm gương sáng cho muôn đời noi theo).

Nhưng mặt khác, Đức Khổng và nhiều môn đồ xuất sắc của Ngài, ngay trong lúc đang sống và hoạt động và rất muộn về sau này, cũng đã từng là đối tượng của những phong trào bài xích, đả kích không thương xót ở một số quốc gia châu Á, đặc biệt ngay ở Trung Quốc, quê hương Ngài, với cuộc cách mạng văn hóa trong những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ 20. Hồi đó, ở nhiều nơi lưu hành một nhận định phổ biến cho

rằng các nước thấm nhuần văn hóa đạo Khổng đã bị giam hãm trong vòng lạc hậu, không tiến lên theo kịp các nước văn minh Âu Mỹ được!

Thế rồi, trong những năm cuối thế kỷ 20, do nhiều nguyên nhân, hoàn cảnh khác nhau, tư tưởng và cuộc đời hành đạo của Đức Khổng Tử đã được nhìn nhận, đánh giá lại một cách khách quan, khoa học, đúng đắn hơn.

Từ Đông sang Tây, người ta bàn luận nhiều về tác dụng của tư tưởng Khổng Giáo đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội của các nước công nghiệp mới (NIC) ở châu Á. Ngoài ra, người ta cũng băn khoăn muốn tìm hiểu rõ hơn vai trò của tư tưởng Khổng Giáo trong việc tạo ra sức bật và duy trì những nét đẹp hài hòa trong đời sống của nhân dân Nhật Bản.

Một vấn đề khá hấp dẫn được đặt ra, không chỉ đối với các nhà nghiên cứu, các học giả, là thử tìm hiểu xem những giá trị đích thực của tư tưởng Khổng Giáo là gì, ý nghĩa thời đại của những giá trị đó ra sao. Điều này lại càng quan trọng hơn đối với những quốc gia dân tộc đã từng tiếp xúc lâu dài với nền văn hóa Khổng Giáo, và do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, đã không chỉ một lần phê phán tư tưởng Khổng Giáo một cách thiếu căn cứ. Việc nghiên cứu tìm hiểu vấn đề này sẽ giúp xác lập một cái nhìn lịch sử đối với những tư tưởng cổ truyền của phương Đông, trong đó có tư tưởng Khổng Giáo, và nhân đây sẽ có thể đặt vấn đề xử lý một cách thỏa đáng những giá trị vĩnh hằng trong kho tàng di sản văn hóa nhân loại.

Nhìn vào cuộc sống văn hóa tinh thần của Trung Quốc cổ đại trước và sau thời kỳ hoạt động của Đức Khổng Tử, chúng ta thấy rõ sự đóng góp của Ngài quả thật lớn lao, đặc biệt về mặt đề cao tinh thần nhân bản, đề cao việc học để làm người

hữu ích cho xã hội (tu thân).

Việc đánh giá lại di sản tinh thần của Khổng Giáo ở một số nước trên thế giới trong thời gian gần đây cũng đã diễn ra theo chiều hướng tiếp cận và khẳng định những giá trị có tính chất phổ quát đã nêu trên.

- Ở Trung Quốc, sau cách mạng văn hóa người ta trở lại nghiên cứu một cách nghiêm túc hơn những di sản tư tưởng học thuật từ ngàn xưa để lại. Đã có riêng một cơ quan học thuật chuyên nghiên cứu về Đức Khổng Tử và một tạp chí chuyên đăng tải những vấn đề về Khổng Giáo. Thân thể và sự nghiệp của Đức Khổng Tử được nhìn nhận lại, trước hết trong lãnh vực giáo dục.

- Ở Nhật Bản, trong hội thảo về “*Sự phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Á và bối cảnh của nó*” được tổ chức tại Tokyo vào năm 1988, khi phát biểu về ảnh hưởng của tư tưởng Khổng Giáo đối với những bước phát triển của kinh tế - văn hóa Nhật Bản (kể từ cuộc cách mạng Minh Trị trở đi), nhiều nhà nghiên cứu đã nhấn mạnh giá trị biểu trưng và thực tại hóa của hai cặp phẩm chất *dũng-trí*, và *trung-hòa* trong việc xử lý mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, trong quá trình phấn đấu vươn lên về mọi mặt của nhân dân Nhật Bản.

- Năm 1989, nhân dịp kỷ niệm 2540 năm ngày sinh của Đức Khổng Tử, một cuộc hội thảo quốc tế tổ chức tại Trung Quốc đã khẳng định những giá trị nhân bản cao quý mà nhà hiền triết phương Đông vĩ đại này đã sớm đề xuất một cách có hệ thống ngay từ giữa thiên niên kỷ trước Công Nguyên.

- Nhìn sang Hàn Quốc, một nước láng giềng liên kề với Trung Quốc ở phía Đông Bắc, chúng ta thấy việc xử lý mối quan hệ giữa truyền thống (trong đó có di sản Khổng Giáo) và hiện đại trên một phần bán đảo này trong mấy thập niên vừa

qua đã diễn tiến theo phương hướng *coi trọng việc quản lý giáo dục con người; coi sự học tập là cơ sở hàng đầu của việc đào tạo nhân tài; coi trọng việc đề cao các phẩm chất* hiếu, trung (*hiểu theo nghĩa phổ quát*) và lý tưởng hòa đồng. Trong ba sự nghiệp tồn tại vĩnh hằng: lập đức, lập công, lập ngôn do Nho gia đề xướng, thì lập công (được cải biên thành lập nghiệp) được nhấn mạnh một cách thích đáng: lập nghiệp để bản thân được sung sướng hạnh phúc và đồng thời cũng nhằm làm rạng rỡ dân tộc, đất nước.

- Ở phương Tây, nhiều chuyên khảo cũng như bản dịch các tác phẩm kinh điển của đạo Nho đã được xuất bản với số lượng lớn và vấn đề được nhiều người quan tâm tìm hiểu nhất chính là sự hoàn thiện bản thân và sự mưu cầu thực hiện nhân bản trong mối quan hệ giữa người và người theo tinh thần Khổng Giáo. Người ta coi chữ *nhân* do Đức Khổng Tử đề xướng là sự thăng hoa của triết học về con người, và người ta tin rằng lý tưởng đại đồng sẽ bớt màu sắc không tưởng khi nhìn nhận một cách thực sự cầu thị xu hướng phát triển của thế giới hiện tại.

- Ngày nay nhiều giá trị truyền thống của phương Đông đang thu hút sự quan tâm tìm hiểu của toàn thế giới. Như vừa trình bày trên đây, nhiều cuộc hội thảo quốc tế về giá trị và ảnh hưởng của tư tưởng Khổng Giáo đã được tổ chức, cũng có nước mới vài ba thập niên trước đây đã bài bác Khổng Giáo nay trở lại nghiên cứu và đề cao Khổng Giáo. Từ Đông sang Tây, người ta bàn bạc về tác dụng quý báu của tư tưởng Khổng Giáo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các nước công nghiệp mới (NIC) ở châu Á..., những sự kiện phổ biến và đồng loạt này đang mang một ý nghĩa gì? Phải chăng đây là dấu hiệu của *thời kỳ hưng Nho* đang khai diễn? và *Nho Tông đang chuyển thế* vì nhu cầu tất yếu của nhơn loại?

*Trước Nho Tông chuyển kỳ cứu thế,
Giúp con người thoát bể tẻ đoan,
Làm cho người tỉnh mộng tràng
Luân thường đạo lý mở màn phục hưng.*⁽¹⁾

Hai ngàn năm trăm năm (tính tròn) là một chiều dài lịch sử quá đủ để cho nhân loại nhận định, phê phán một học thuyết. Không khỏi có kẻ chê người khen, cũng có người chính mình chê thậm tệ rồi trở lại khen. Người ta bảo đó là quyền tự do của con người. Tuy nói là quyền tự do, nhưng suy cho cùng thì đó là tình trạng lệ thuộc vào trình độ nhận thức, vào hoàn cảnh, vào trào lưu tư tưởng thế giới.

Ở đời có những kẻ khi mua vào thì muốn dùng cây thước già, khi bán ra thì muốn dùng cây thước non, nhưng Đức Khổng Tử thì chủ trương cây thước phải là cây thước đúng cỡ chuẩn mực, chẳng già chẳng non, không chịu theo ý ai. Ngài không muốn sửa chiều dài cây thước, mà lại muốn tu sửa lòng người, sao cho ai cũng muốn sử dụng cây thước chiều dài chuẩn mực. Nho Giáo hay Khổng Giáo là nền tảng của đời sống mực thước, của trật tự xã hội bắt nguồn từ trật tự trong tâm hồn con người. Đất nước nào, dân tộc nào muốn có một đời sống mực thước, một xã hội trật tự, an bình, thịnh vượng, hãy quay về với tinh thần Nho Giáo, với Đức Khổng Tử bao đời nay đã được nhân thế suy tôn là *đấng Vạn Thế Sư Biểu*, là *một gương sáng cho muôn đời noi theo.*⁽²⁾

⁽¹⁾ Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 27-8 Nhâm Tý, 04-10-1972.

⁽²⁾ Tham khảo: Phần I dựa theo Nguyễn Hiến Lê, *Nhà Giáo Họ Khổng*. Phần II dựa theo bài viết của Giáo Sư Đặng Đức Siêu, Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Hán Nôm (Hà Nội) đăng trên phụ san của *Người Đưa Tin* (UNESCO, số tháng 01-1991).

ĐẠO CAO ĐÀI Ở SÀI GÒN

Mục đích bài viết này là từ việc nhìn lại sự ra đời của một tôn giáo bản địa (hay nội sinh) thử nghĩ tới một tiềm năng góp phần cho việc nghiên cứu để xây dựng ngành Sài Gòn Học và Việt Nam Học.⁽¹⁾

Khi xây dựng ngành Việt Nam Học chắc chắn phải nói tới một “bộ phận” của ngành học mới mẻ này là Sài Gòn Học. Trong Sài Gòn Học, khách quan mà nói, không thể thiếu mảng nghiên cứu về Cao Đài, một nền tôn giáo bản địa đã có hơn ba phần tư thế kỷ gắn liền với đời sống văn hóa, chính trị, xã hội và lịch sử của Sài Gòn nói riêng hay Nam Bộ nói chung.

Cao Đài, cái tên nghe qua thì tưởng như quen, nhưng xét kỹ lại thì vẫn cứ còn lạ; lạ trong những trao đổi thông tin và lạ trong những cách hiểu sai lệch, như Giáo Sư Đông Phương Học Viện Đại Học London là R. B. Smith đã từng nhận định:

“Hiếm có hiện tượng nào trong lịch sử châu Á hiện đại lại có thể hoàn toàn bị người phương Tây hiểu lầm như đạo Cao Đài.”⁽²⁾

⁽¹⁾ Bài viết đã trình bày trong hội thảo khoa học 300 Sài Gòn – Tp.HCM. Đã in lại trong tạp chí *Xưa & Nay* số Xuân Kỷ Mão (Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam).

⁽²⁾ “Few phenomena in the modern history of Asia can have been completely misunderstood by Westerners as the Vietnamese religious (and political) movement known in European languages as

Nhưng phải đâu chỉ riêng người phương Tây hiểu lầm! Đã có một thời, do thiếu tư liệu và do hoàn cảnh lịch sử, không ít cái nhìn về đạo Cao Đài lại trực tiếp hay gián tiếp chịu ảnh hưởng của những sách vở do thực dân Pháp thực hiện. Những tài liệu này có sai lạc, xuyên tạc Cao Đài thì cũng không nên ngạc nhiên, vì lẽ thực dân Pháp hơn ai hết, họ sớm biết tinh thần Cao Đài gắn liền truyền thống yêu nước chống ngoại xâm. Theo một tài liệu của Văn Phòng Bộ Thuộc Địa,⁽³⁾ thực dân Pháp đã ghi nhận như sau:

“*Nông dân theo Cao Đài cũng tham gia phong trào cách mạng do Cộng Sản lãnh đạo năm 1930-31. Các trung tâm khởi nghĩa ở Nam Kỳ – ở vùng châu thổ và ngay phía bắc Sài Gòn – cũng là các vùng tập trung đông đảo tín đồ Cao Đài. Năm 1928, hai năm trước khi phong trào cách mạng nổ ra, trong nhiều thánh thất Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long, có treo chân dung các nhà ái quốc chống Pháp như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.*”⁽⁴⁾

‘Caodaism’.” R. B. Smith, “An introduction to Caodaism,” Bulletin of the School of Oriental and African Studies, Vol. XXXIII, Part 2, pp. 335-349. University of London, 1970, p. 335.

⁽³⁾ “*Note sur l’activité des partis d’opposition anti-françaises en Indochine*”. Lưu Trữ Quốc Gia Pháp, bộ phận hải ngoại, Paris: Vốn mới về Đông Dương, hộp 208, hồ sơ 1568; dẫn lại trong Jayne Susan Werner, *The Cao Dai: the Politics of a Vietnamese Syncretic Religious Movement*. Cornell University, a thesis for the degree of Ph.D., 1976, pp. 73-4.

⁽⁴⁾ “*Caodaist peasants also participated in the 1930-31 Communist-led revolutionary movement. The centers of the uprisings in Cochinchina – in the delta and just north of Saigon – were also areas of heavy concentrations of Caodaists. In numerous Caodaist temples in the delta, portraits of anti-French patriotic figures Phan Bội Châu and Phan Châu Trinh were found hanging in 1928, two*

Muốn tránh “vét xe cũ”, theo Giáo Sư Smith, để hiểu đạo Cao Đài, người nghiên cứu cần có một căn bản sâu rộng về tín ngưỡng Trung Hoa và Việt Nam, tức là Tam Giáo.⁽⁵⁾

Nhưng nói như Giáo Sư Smith hãy còn rộng quá, cần nói rõ hơn rằng: muốn hiểu sự ra đời của đạo Cao Đài, không thể không hiểu về *Nam Bộ – đất nước – con người* hồi đầu thế kỷ. Thực vậy, đạo Cao Đài được khai sáng trong thập niên 20 của thế kỷ 20, tại miền Nam, bấy giờ còn gọi tên là *Nam Kỳ, Nam Kỳ Lục Tỉnh*. Có thể coi sự ra đời này là một nét đặc thù trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng Nam Bộ hồi đầu thế kỷ. Nói đặc thù là đúng theo cái nghĩa mà nhà nghiên cứu Sơn Nam có lần nhận xét rất xác đáng, rằng: “*miền Nam có vài sắc thái tôn giáo mà ngoài Bắc, ngoài Trung không có...*”⁽⁶⁾

Nghiên cứu sự ra đời của đạo Cao Đài ở Nam Kỳ, căn cứ theo “*Số ước lượng tín đồ Cao Đài do Thống Đốc Nam Kỳ cho biết, trong một báo cáo gửi Toàn Quyền Đông Dương ngày 14-12-1934. Hồ sơ riêng của Thống Đốc Pagès*”,⁽⁷⁾ Giáo

years before the revolutionary movement broke out.” Jayne Susan Werner, *sách đã dẫn*, 1976, pp. 73-4.

⁽⁵⁾ “... *it is not easy to interpret [Caodaism] correctly unless one is able to relate it to a wider background of Chinese and Vietnamese religious practices.*” R. B. Smith, *sách đã dẫn*, pp. 335-336.

⁽⁶⁾ Sơn Nam, *Miền Nam Đầu Thế Kỷ XX: Thiên Địa Hội Và Cuộc Minh Tân*. Sài Gòn, Nxb. Phù Sa, 1971, p. VII.

⁽⁷⁾ “*Estimate of Cao Dai following given by the French Governor of Cochinchina, in a report to the Governor General of Indochina, Saigon, 14 December 1934. Personal Files of Governor Pagès...*” Jayne Susan Werner, *Peasant Politics and Religious Sectarianism: Peasant and Priest in the Cao Dai in Viet Nam*. Connecticut: Monograph Series No. 23, Yale University Southeast Asia Studies, 1981, p. 72.

Sư Jayne Susan Werner, Viện Đại Học Cornell (Mỹ), viết:

“*Đạo Cao Đài thành lập năm 1925 ở Sài Gòn (...). Chẳng mấy chốc sau khi thành lập, nền đạo mới này đã thu hút được tín đồ ở khắp cả Nam Kỳ. Vào khoảng năm 1930, có từ 500.000 tới 1.000.000 nông dân theo Cao Đài, trong lúc tổng số dân có từ 4.000.000 tới 4.500.000.*”⁽⁸⁾ Trên số liệu này, Giáo Sư Werner thừa nhận: “*Đạo Cao Đài là phong trào quần chúng rộng lớn xuất hiện đầu tiên ở Nam Kỳ...*”⁽⁹⁾

Giải thích nguyên nhân sự thành công mau lẹ của đạo Cao Đài, người ta có thể cho rằng: do phải sống trong hoàn cảnh chính trị xáo trộn, dân chúng Nam Kỳ muốn tìm một lối thoát cho tâm hồn thông qua tôn giáo, và họ đã đến với Cao Đài. Nói như thế cũng có vẻ phù hợp với bối cảnh chính trị xã hội Nam Kỳ vào đầu thế kỷ 20 vốn rất gay go và phức tạp. Nhưng, nếu giải thích rằng do hoàn cảnh thời cuộc mà dân chúng Nam Kỳ tìm đến một lối thoát ở tôn giáo, thì tại sao lại là một tôn giáo còn quá trẻ như đạo Cao Đài, trong lúc ở miền Nam lúc ấy chẳng phải thiếu các hình thức tôn giáo khác?

Xét như vậy, có thể thấy rằng: nếu chỉ nhìn sự thành công mau lẹ của Cao Đài lúc khai nguyên đơn thuần qua lăng kính chính trị thì phải chẳng thiếu toàn diện? Có lẽ người ta cần thiết tìm hiểu thêm vấn đề ở các góc cạnh khác, chẳng hạn như về phương diện tâm linh.

⁽⁸⁾ “*The Cao Dai cult was founded in Saigon in the year 1925 (...). Soon after its founding, the new religion gained a wide following throughout Cochinchina. Five hundred thousand to a million peasants were converted by 1930, out of a total population of 4 to 4.5 million.*” Jayne Susan Werner, *sách đã dẫn*, 1981, p. 4.

⁽⁹⁾ “*Caodaism was the first large mass movement to appear in Cochinchina ...*” Jayne Susan Werner, *sách đã dẫn*, 1981, p. 15.

Đặc điểm đời sống tín ngưỡng Nam Bộ trước khi đạo Cao Đài ra đời là gì? Theo nhà nghiên cứu Sơn Nam, “*Việc thờ phượng Quan Công, thờ Phật, việc tin tưởng vào chư Tiên chư Thánh đã có sẵn từ lâu ở miền Nam...*”⁽¹⁰⁾

Ở đây, ta hiểu rằng Sơn Nam muốn nói tới sắc thái tín ngưỡng bình dân trong quảng đại quần chúng. Khi nhận xét về “*giới bình dân đông đảo ở nông thôn và lớp nghèo thành thị*”, Sơn Nam thấy rằng họ đã “*xây dựng một nếp sống tinh thần khá ấm áp, bình đẳng, lấy tình nghĩa huynh đệ làm trọng, sống chết có nhau, giữ trung cương nghĩa khí lúc khó khăn, hiểm động. Đúng là nếp sống tinh thần kết tinh đạo Phật, Lão, Khổng.*”⁽¹¹⁾

Có thể Sơn Nam chỉ mới phản ánh không khí tín ngưỡng dân gian. Thực ra giới trí thức ở thành thị cũng không kém. Theo phúc trình “*Le Cao daïsme*”,⁽¹²⁾ của Thanh Tra Chánh Trị và Hành Chánh Sự Vụ Lalaurette, người ta biết rằng vào đầu thập niên 20, giới trí thức Nam Kỳ rất quan tâm tìm hiểu việc thực hành giao tiếp với cõi siêu hình. Họ đọc các sách chữ Pháp của hội Thông Thiên Học, chủ yếu là các sách của Allan Kardec, Flammarion, Blavatsky, Annie Besant, Olcott ... Thanh Tra Lalaurette ghi lại nhận xét của một chủ quận hồi ấy về sự kiện này:

“*Toàn cõi Nam Kỳ trong những năm 1924-1925 lan tràn làn sóng thông linh học.*”⁽¹³⁾

Tóm lại, nghiên cứu của Sơn Nam và báo cáo của

⁽¹⁰⁾ Sơn Nam, *sách đã dẫn*, tr. 45.

⁽¹¹⁾ Sơn Nam, *sách đã dẫn*, tr. VI.

⁽¹²⁾ Lalaurette, “*Le Cao daïsme*”. Rapport politique, 01 Janvier 1932.

⁽¹³⁾ “*Une véritable vague de spiritisme sévissait en 1924-1925 dans toute la Cochinchine.*” Lalaurette, *sách đã dẫn*

Lalaurette đã cho thấy Nam Kỳ hồi đầu thế kỷ đã là mảnh đất “*màu mỡ*” cho một hột giống tín ngưỡng tổng hợp Tam Giáo và cũng là một “*mặt bằng*” sôi động cho những thực nghiệm siêu hình. Mà đạo Cao Đài lại có sẵn hai yếu tố đó:

(1) Phương tiện thông công của Cao Đài bằng cơ bút đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu và thực nghiệm siêu hình của dân chúng, cả trí thức lẫn bình dân.

(2) Ngay khi hình thành, nền tôn giáo này đã sớm đề xướng tinh thần Tam Giáo đề huề; rất phù hợp với đặc trưng tín ngưỡng dân gian Nam Bộ. Trong ấn phẩm đầu tiên của đạo Cao Đài, nhan đề *Phổ Cáo Chúng Sanh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*, Sài Gòn: nhà in L’Union, 15-10-1926, dày 14 trang, người ta thấy ngay ở bìa 1 là hình Đức Phật Thích Ca, Đức Khổng Tử và Đức Lão Tử ngồi bên nhau.

Thế nên dễ hiểu vì sao mà đạo Cao Đài vừa mới bắt đầu truyền bá Lục Tỉnh (1926), thì số tín đồ đã quy tụ rất mau và rất đông.

Cũng có thể giải thích sự thành công này ở phương diện khác. Trước số lượng rất đông dân chúng theo Cao Đài, Giáo Sư Jayne Susan Werner coi tôn giáo này như một phong trào quần chúng hồi đầu thế kỷ, bà viết:

“*Về phương diện tổ chức, đạo Cao Đài là phong trào quần chúng đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam, và có thể coi điều này là hệ quả của những thay đổi nhanh chóng ở miền Nam.*”⁽¹⁴⁾

Theo nghiên cứu của Giáo Sư Werner, bấy giờ miền Nam

⁽¹⁴⁾ “*Organizationally, the Cao Dai was the first mass movement to appear in Viet Nam, and this can be attributed to the rapid changes occurring in the south.*” Jayne Susan Werner, *sách đã dẫn*, 1981, p. 56.

có những thay đổi nhanh chóng ở khắp các lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội... Tuy nhiên, sự thay đổi quan trọng nhất vẫn là về tư tưởng mà bà Werner gọi là *sự thay đổi về ý thức hệ*. Tác giả viết:

“Dân chúng nhập môn Cao Đài ở quy mô lớn, điều ấy rất có thể đã liên quan tới một vấn đề lớn hơn, đó là *sự thay đổi về ý thức hệ*.”⁽¹⁵⁾

(...) “Rõ ràng ý thức hệ Cao Đài là một yếu tố quan trọng để tôn giáo này thu hút tín đồ nhanh chóng.”⁽¹⁶⁾

Nghiên cứu của Giáo Sư Werner cho thấy: xã hội miền Nam đầu thế kỷ 20 có một chỗ trống to lớn về tư tưởng hay ý thức hệ. Tác giả viết:

“Phật Giáo và Nho Giáo suy yếu, tạo ra một chỗ trống văn hóa có lợi cho sự ra đời các giáo thuyết mới hướng vào mục đích phục hồi văn hóa Việt Nam.”⁽¹⁷⁾

“... tiếp theo sự xâm lăng của thực dân Pháp, Nho Giáo và Phật Giáo suy yếu. Những tu sĩ có học vấn của hai đạo Phật và Lão trên thực tế đã không hiện diện ở miền Nam trong những thập niên 20. Nho Giáo không còn sức mạnh của một học thuyết chính trị và xã hội, tuy Nho Giáo vẫn làm căn bản

⁽¹⁵⁾ “Large-scale religious conversion is most likely linked to the broader question of ideological change.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 11.

⁽¹⁶⁾ “Yet the ideological character of Caodaism obviously was an important factor in its appeal and the rapid following the movement gathered.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 11.

⁽¹⁷⁾ “There had been a decline of Buddhism and Confucianism, leaving a cultural vacuum propitious to the creation of new doctrines aimed at the renewal of Vietnamese culture.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 56.

cho đạo đức gia đình trong những thập niên 20 và 30.”⁽¹⁸⁾

Trong tình hình đó, đạo Cao Đài ra đời như một đáp ứng mới cho nhu cầu tâm linh người dân Nam Bộ. Giáo Sư Werner viết:

“Thật vậy, trong chừng mức nào đó, có thể coi đạo Cao Đài là một nỗ lực để phục hồi sinh lực cho Phật Giáo – các tu sĩ lãnh đạo của Phật Giáo, Lão Giáo và các chi Minh [tức Minh Sư, Minh Đường, Minh Thiện, Minh Tân] đều quy hiệp đạo Cao Đài khi tôn giáo này vừa thành lập. Trước khi xây dựng các thánh thất Cao Đài, những người mở đạo Cao Đài đã sử dụng các chùa Phật để hành lễ khắp cả Nam Kỳ, và một số hòa thượng quản lý các chùa ấy đã đi theo đạo Cao Đài. Trong những vùng có ảnh hưởng của đạo Cao Đài, đông đảo Phật tử đã nhập môn tập thể theo Cao Đài.”⁽¹⁹⁾

Trong bối cảnh mà cái nền Tam Giáo cũ tỏ ra không còn đáp ứng được nhu cầu tâm linh xã hội miền Nam bấy giờ, nếu

⁽¹⁸⁾ “... the decline of Confucianism and Buddhism following the French conquest. Learned Buddhist and Taoist practitioners were practically nonexistent in the south in the 1920s. Confucianism had lost its force as a political and social doctrine, although it continued to have some appeal as the basis for family morality in the 1920s and 1930s.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 13.

⁽¹⁹⁾ “Indeed, the Cao Dai cult can be seen in part as an attempt to revitalize the Buddhist faith – traditional religious leaders such as ‘Buddhist’ monks, Taoist priests, and Minh sect practitioners flocked to Caodaism when it was first founded. Cao Dai organizers also used Buddhist pagodas for their services throughout Cochinchina, before their own temples were built, and some of the bonzes who headed these pagodas converted to Caodaism. In areas swept by Caodaism, pagoda congregations were known to switch en masse to the sect.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 13.

ý thức hệ Cao Đài “bù đắp” được chỗ khiếm khuyết đó, thì thực sự Cao Đài đã có khả năng mang lại gì cho quần chúng? Về vấn đề này, ta thử tham khảo ý kiến của Giáo Sư Werner. Tác giả tỏ ra tâm đắc với ý kiến của Giáo Sư Trần Văn Giàu, người đã trả lời phỏng vấn của bà ngày 03-01-1974 tại Hà Nội. Bà viết:

“Rõ ràng ý thức hệ là yếu tố quan trọng trong sự ra đời của đạo Cao Đài. Như [Giáo Sư] Trần Văn Giàu đã đề xuất với người viết [Werner], ‘Đạo Cao Đài có được điều gì đó dành cho mọi người.’ Sự tổng hợp khéo léo truyền thống Tam Giáo và sự diễn giải rõ ràng, đúng đắn truyền thống Tam Giáo không những tạo ra hấp lực văn hóa mãnh liệt mà còn thu hút được phong trào kháng chiến [chống Pháp] gắn liền với truyền thống này và vẫn còn sức sống. (...) Nền cai trị của Pháp nghèo nàn về ý thức hệ, cùng với hoàn cảnh kinh tế và xã hội tuyệt vọng, đã tạo ra một môi trường văn hóa thuận lợi cho một phong trào như là đạo Cao Đài.”⁽²⁰⁾

Như vậy, Giáo Sư Werner đã chỉ ra một yếu tố góp phần cho sự ra đời và sớm thành công mau lẹ của đạo Cao Đài, đó là: chế độ thực dân nghèo nàn về ý thức hệ; hoàn cảnh kinh tế và xã hội tuyệt vọng. Để dễ hình dung điều này, ta thử tham khảo vài số liệu ghi nhận về khoảng giữa thế kỷ 20, từ đó

⁽²⁰⁾ “Ideology was obviously an important factor in the rise of the Cao Dai. As Trần Văn Giàu suggested to the writer, ‘The Cao Dai had a bit of something for everybody.’ Its skillful synthesis and new formulation of the Tam giáo tradition not only offered great cultural appeal but it grew on the still vital protest movement associated with this tradition. (...) The ideological poverty of French rule, along with desperate social and economic conditions, created a cultural milieu propitious for a movement like Caodaism.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 56.

cũng có thể suy ra tình hình miền Nam hồi đầu thế kỷ:

- Năm 1940: cả nước có 90% dân số mù chữ.⁽²¹⁾

- 1940-1949: tiệm hút á phiện nhiều gấp mười lần trường học.⁽²²⁾

- 1941: ở Đông Dương có tới 20.852 nhà tù; nhưng chỉ có 5.656 trường học.⁽²³⁾

Trở lại với mối quan hệ giữa Cao Đài và Tam Giáo. Ta thấy rằng: Cao Đài đến không phải để thay thế Tam Giáo; vì nếu thay thế Tam Giáo thì Cao Đài đã không phù hợp với tâm lý tín ngưỡng miền Nam, như Sơn Nam đã nghiên cứu.⁽²⁴⁾ Cho nên Giáo Sư Werner thấy rằng trong ý thức hệ Cao Đài vẫn còn các yếu tố Tam Giáo:

“... đạo Cao Đài đánh dấu một sự thoát ly khỏi tập quán tu hành của Việt Nam khi xưa, ý thức hệ Cao Đài đã rút tĩa ra rất nhiều từ truyền thống và tín ngưỡng Tam Giáo rất phổ biến trong xã hội Việt Nam nói chung.”⁽²⁵⁾

⁽²¹⁾ Võ Nhân Trị, *Croissance Economique de la République Démocratique du Vietnam*. Hà Nội: Editions en Langues Etrangères, 1967, p. 81; dẫn trong Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1976, p. 23.

⁽²²⁾ Nghị sĩ A. Giovani thuyết trình trước Quốc Hội Pháp, in lại trong *Débats Parlementaires*. Paris: Assemblée Nationale, No. 73, 1953. pp. 43-5; dẫn trong Võ Nhân Trị, sách đã dẫn, p. 85; dẫn lại trong Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1976, p. 23.

⁽²³⁾ Anh Van et Jacqueline Roussel, *Mouvements Nationaux et Lutte de Classes au Vietnam*. Paris: Publications de la IIIème Internationale, 1947, p. 27; dẫn trong Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1976, p. 23.

⁽²⁴⁾ Xem cước chú (10) và (11) ở trên.

⁽²⁵⁾ “... the Cao Dai marked a departure from past Vietnamese practice, its ideology drew heavily from the Tam giáo tradition and

Nhưng những yếu tố Tam Giáo trong Cao Đài không phải chỉ là một sự lặp lại Tam Giáo. Nói cách khác, đã có cái gì đó, như là một sự *đổi mới Tam Giáo* qua hình tướng tôn giáo Cao Đài. Giáo Sư Trần Văn Giàu đã chỉ ra cái *mới mẻ* đó khi trả lời phỏng vấn (ở Hà Nội, ngày 03-01-1974) của Giáo Sư Werner. Tác giả viết:

“[Giáo Sư] Trần Văn Giàu lý luận rằng đạo Cao Đài lôi cuốn nông dân mãnh liệt bởi vì Cao Đài có những nỗ lực để phát huy, nâng cao Tam Giáo lên một tầm vóc mới mẻ về ý thức hệ.”⁽²⁶⁾ (...) “[Giáo Sư Giàu] cũng lý luận rằng sự tổng hợp Tam Giáo một cách mới mẻ trong đạo Cao Đài là độc đáo...”⁽²⁷⁾

Ngoài ra, một yếu tố khác phải chú ý là đạo Cao Đài quan niệm về Thượng Đế có khác hơn truyền thống tín ngưỡng Á Đông. Bà Werner viết:

“[Giáo Sư] Trần Văn Giàu khẳng định rằng quan niệm về Thượng Đế của đạo Cao Đài hoàn toàn không giống với các quan niệm xa xưa.”⁽²⁸⁾

*

beliefs widespread in Vietnamese society at large.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 8.

⁽²⁶⁾ “Trần Văn Giàu has argued that the great appeal of Caodaism among the peasantry was due to its attempt to elevate the three religions (the Tam giáo) to a new ideological level.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 8.

⁽²⁷⁾ “He also argues that the new synthesis of the Tam giáo achieved by the Cao Đài was original ...” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 8.

⁽²⁸⁾ “Trần Văn Giàu argues in the affirmative, suggesting that the Cao Đài conception of God was entirely different from past conceptions.” Jayne Susan Werner, sách đã dẫn, 1981, p. 11.

Xưa nay, không phải không có ý kiến cho rằng đạo Cao Đài chẳng có gì mới; thậm chí có người còn cho rằng tôn giáo này chỉ là một sự vay mượn, tập hợp thô thiển theo phép cộng một số yếu tố của đạo giáo khác. Tuy nhiên, qua một vài trích lục có tính cách tham khảo như vừa dẫn ở trên, cũng là ý kiến và kết quả nghiên cứu công phu của những nhà khoa học tên tuổi ngoài nước và trong nước, ta thấy ngay rằng vấn đề *cái mới* trong Cao Đài không thể vội vã phủ nhận dễ dãi được. Ấy là ta chỉ mới xét qua về xuất phát điểm hay thời khai nguyên của đạo Cao Đài hồi đầu thế kỷ.

Tính ra, trong ba trăm năm lịch sử Sài Gòn – Gia Định, thì có non một trăm năm lịch sử đạo Cao Đài, đã làm giàu thêm đời sống tinh thần của đồng bào Nam Bộ, đóng góp thêm vào bản sắc văn hóa phong phú của vùng đất mới này. “*Từ năm 1975 trở đi, trong nước, số tín đồ vẫn tiếp tục gia tăng đều đặn. (...) Hiện nay, tính pháp nhân của đạo Cao Đài ở Việt Nam đã được Nhà Nước công nhận, và đây cũng là một trong những điều kiện rất thuận lợi để đạo Cao Đài ngày một thêm phát triển trong hoàn cảnh một đất nước thống nhất, độc lập, hòa bình...*”⁽²⁹⁾ Tình hình này khiến cho ngày nay, việc nghiên cứu đạo Cao Đài một cách toàn diện và với “phong cách” mới mẻ hơn cũng là điều cần thiết.

Trong cách nghiên cứu lại đạo Cao Đài, quan điểm về sự xuất phát hay khai nguyên của tôn giáo này cũng rất quan trọng, vì nó sẽ mang đến một thái độ thích hợp để nghiên cứu vấn đề. Có như thế, ta hy vọng rằng trong tương lai không xa, việc nghiên cứu Cao Đài như một tôn giáo bản địa sẽ là một góp phần cụ thể và phong phú cho ngành Sài Gòn Học nói

⁽²⁹⁾ Thiên Vương Tinh, *Nói Chuyện Cao Đài*. Huế: Nxb Thuận Hóa, 1997, tr. 25.

riêng, Việt Nam Học nói chung, vì dù thế nào chăng nữa, không ai có thể phủ nhận rằng đạo Cao Đài vốn từ cái nôi Sài Gòn, và đây cũng là một tôn giáo của người Việt Nam khai sáng.

TÂM NIỆM VÀ TRI ÂN

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: “*Hỡi các con! Giáo lý hay chơn lý Đại Đạo được hồng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngăn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.*”⁽¹⁾

Thấm thía lời Thầy dạy trên đây, hằng ngày cúng tứ thời, khi niệm đến câu “*Nam mô nhưt nguyện Đại Đạo hồng khai; Nhị nguyện phổ độ chúng sanh*”, người đạo Cao Đài chúng ta nên tự hỏi: Tôi đã làm được gì để hồng khai Đạo Thầy cho đúng nghĩa là một chánh pháp cứu thế Kỳ Ba?

Chúng ta buồn tủi vì tình trạng Đức Giáo Tông Đại Đạo nêu lên cách nay hơn 40 năm, bây giờ vẫn còn phổ biến: “*Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chăng?*”⁽²⁾

Trước hoàn cảnh thiếu thốn giáo lý nói trên, Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo ra đời. Xin hết lòng tri ân tất cả Quý vị Mạnh Thường Quân đã ủng hộ mạnh mẽ chương trình hồng pháp suốt từ tháng 6-2008 tới nay. Và xin tâm niệm lời Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy: “*Công quả cùng danh nghĩa Đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhưt trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại, hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.*”⁽³⁾

BAN ẤN TỐNG

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽²⁾ Thiên Lý Đàn, 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969).

⁽³⁾ Thiên Lý Đàn, 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỶ – TIẾN ĐẾ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỶ – TIẾN ĐẾ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-1. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-3. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010, 2012.
- 25-2. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-1. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010.
- 28-1. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010.
- 29-1. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.

- 30-1. **MỘT DÒNG BÁT NHẢ.** Huệ Khải, 2010.
- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIỆN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huần, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-2. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010, in hai lần.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-1. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011.
- 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-1. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-2. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012.
- 52-1. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỐ.** Huệ Khải, 2012.

* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN số 1, số 2.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I và II-2012. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)

Ghi chú: **52.1** tức là ấn phẩm thứ 52 và in lần thứ nhất.

24.3 tức là ấn phẩm thứ 24 và in lần thứ ba.

Từ nay, phương danh quý vị Mạnh Thường Quân đóng góp công quả ân tống, sẽ được in đầy đủ trong giai phẩm **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN**, mỗi năm xuất bản bốn tập vào bốn tháng 3, 6, 9, 12 dương lịch. Chân thành biết ơn quý vị Mạnh Thường Quân. (**BAN ẤN TỔNG**)

Ý NGHĨA THỰC HÀNH PHÁP THÍ

Đức **THẦN OAI VIỄN TRẦN QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN** dạy (ngày 02-11 Tân Mùi, thứ Năm 10-12-1931): “*Phàm người tu hành mà đặt nặng một bộ kinh sách mà khuyên chúng làm lành thì người ấy nặng thành Tiên. Còn người vẽ chương quân tử mà làm nặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người nặng thành Thánh.*” (Chiếu Minh Đàn, **Tam Ngươn Giác Thế**. Cần Thơ: Nhà in Phương Nam, tiền bối Cao Triều Trực ấn tống, tr. 36.)

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970): “*Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phúc đức, công quả trọng đại hơn.*”

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nói chí phổ truyền chánh pháp Cao Đài của tiền nhân khai sáng là Đức **Bạch Liên Tiên Trưởng** (Phan Thanh, 1898-1952), kể từ tháng 6-2008, thánh thất Bàu Sen triển khai **Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo**. Trân trọng kính mời Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm, các nhà Mạnh Thường Quân trong Tam Kỳ Phổ Độ liên hệ với Ban Ấn Tống để cùng nhau hợp sức ấn tống làm pháp thí ngõ hầu hoằng giáo Kỳ Ba.

Địa chỉ liên hệ: **THÁNH THẤT BÀU SEN**

59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM ☎ (08) 38355733

● “*Lâu nay, nhận thấy phần đông chư hiền đệ muội tụng đọc Ngũ Nguyên ở những câu:*

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhưng cứ ngồi khoanh tay chờ đợi quyền năng vô hình nào để đến hoằng khai cho mình.

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh, nhưng cứ thu hình trong cái vỏ ốc ích kỷ ngàn đời và chờ đến phép màu vô lượng nào đó để đến cứu rỗi mình.

... Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.”

Đức **Đông Phương Chương Quân**

Trúc Lâm Thiên Điện, 17-7 Canh Tuất (18-8-1970)

● “*Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho những người dục vọng bại hoại lương tri.*

Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là hội thánh hay tòa thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”

Đức **Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh**

Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (20-8-1967)

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Địa chỉ liên hệ thỉnh kinh sách ấn tổng (kính biểu):

MIỀN TRUNG: HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN.

Khối 2, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định ☎ 056-3765010

QUẦY VĂN HÓA PHẨM (BAN KINH HỘ – HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).

80B Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng ☎ 0511-3887760

THÁNH ĐƯỜNG QUI NHƠN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).

55 Hàm Nghi, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định ☎ 056-3523716

THÁNH THẤT TRUNG HÒA. 457 Phan Chu Trinh, Ban Mê Thuột, Đắk Lắk ☎ 050-3952869

MIỀN NAM: MINH LÝ THÁNH HỘI (TAM TÔNG MIẾU).

82 Cao Thắng, phường 4, quận 3 ☎ 08-38358181

THÁNH THẤT BÀU SEN. 59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5 ☎ 08-38355733

THÁNH THẤT TỪ VÂN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).

100 Thích Quảng Đức, P 5, quận Phú Nhuận ☎ 08-8421779

Truyền Trạng THANH CĂN (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).

40/28 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4 ☎ 01279945081

NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC.

281 Kinh Xáng, Phụng Hiệp, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau ☎ 0916028939

MIỀN ĐÔNG: THÁNH TỊNH NGỌC CHIẾU (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).

Khu phố Long Thới, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương ☎ 0953603029

NGUYỄN VĂN ĐẠO. Thị trấn Xuân Lộc, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ☎ 01693113723

MIỀN TÂY: THÁNH TỊNH LINH TIÊU ĐIỆN (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).

Xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ☎ 075-3899995

LÊ QUỐC VIỆT (HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO).

117 Quốc Lộ 1A, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ☎ 0919434444

LÊ THỊ HỮU. 235 tổ 15, Tân Quới Hưng, xã Trường An, Tp Vĩnh Long ☎ 070-3816363

Phó Trị Sự LÊ VĂN NGHIỆP. Ấp Qui Nông A, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ☎ 074-3890266 – 01689778032.

NGUYỄN THỊ LIÊN. 58/1 ấp 10, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú,

tỉnh Bến Tre ☎ 075-3602965

THUẬN QUANG TINH (Lâm Đăng Tông). 901 Lý Thường Kiệt, phường 5,

thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ☎ 073-6255258

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐƠN TÂM

NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI

IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SON

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fa : (04) 37822841

In năm ngàn bản, khổ 14,5 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax : (08) 38153297

Số xuất bản 454-2012/CXB/22-51/TG, ngày 03-5-2012.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653